

Kubota®

www.kubota.co.jp

Copyright © 2011–2022 by Kubota Corporation. All rights reserved

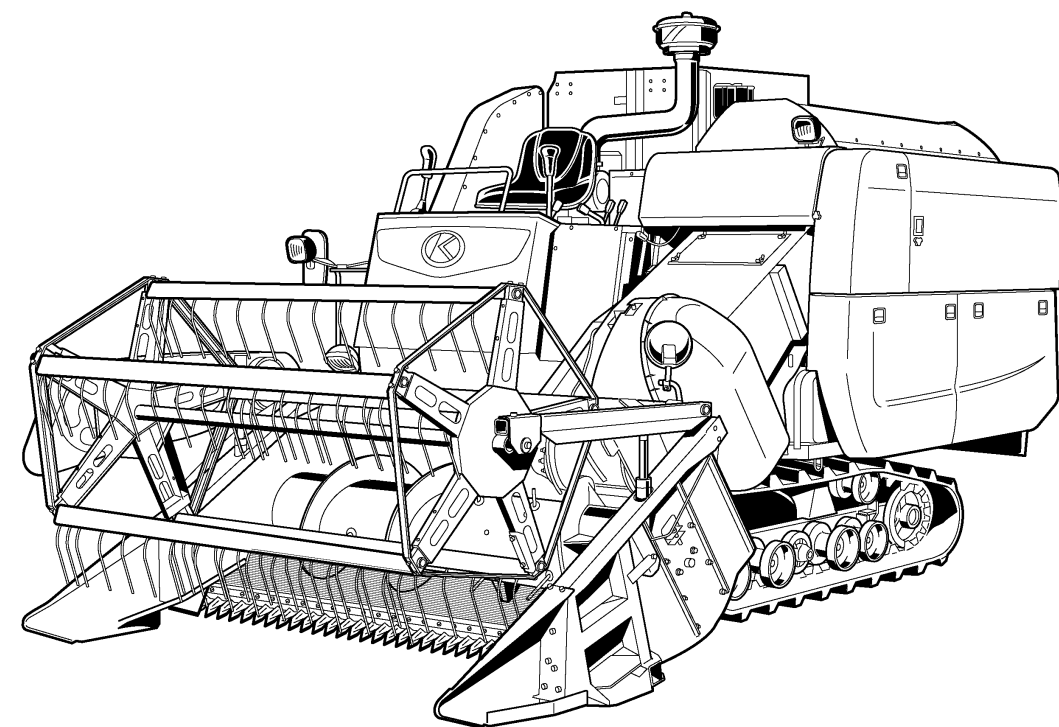
DC-70 PRO VN

DANH SÁCH MINH HỌA PHỤ TÙNG ILLUSTRATED PARTS LIST

KUBOTA

KIỂU
MODEL **DC-70 PRO VN**

MÁY GẶT ĐẬP LIÊN HỢP COMBINE



Kubota

97899-53170

Tháng Một 2022
JAN.

CHÚ Ý

- Danh sách các mục phụ tùng này nhằm những mục đích sau.
- 1. Khi phân loại phụ tùng, kiểm tra theo danh sách để xác nhận mã phụ tùng và tên phụ tùng.
 - 2. Khi tiến hành sửa chữa, tham khảo hình minh họa trong danh sách phụ tùng này.
 - 3. Danh sách phụ tùng này có thể thay đổi mà không báo trước.

NOTICE

- This Parts List is for the following purposes.
- 1. When ordering parts, check with this Parts List to confirm the part number and the name of parts.
 - 2. When making repairs, refer to the illustrations in this Parts List.
 - 3. This Parts List is subject to change without notice.

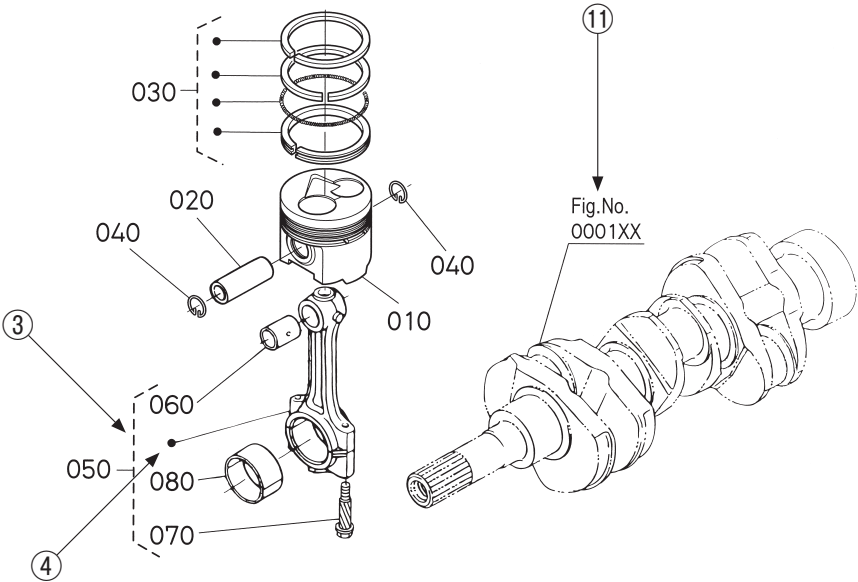
KALPIS.No.		CFK1000057	SỐ THAY ĐỔI THIẾT KẾ DESIGN CHANGE No.
BLOCK No.	LINE No.	A(1)	
01	01 (ENG.)	1J881-17000 V2403-M-DI-TE-CS4T	
02	01	5T276-10003 DC70H-1VN	
			1G700－2757
			5T078－0839
			5T119－0084
			5T277－0030

CÁC HƯỚNG DẪN
INSTRUCTIONS

①
010200 PÍT-TÔNG VÀ TRỤC KHUỖY
PISTON AND CRANKSHAFT

②
{B}
{B}

⑩ → Số sê-ri ; A: ≤15000, B: 14000 đến 15000

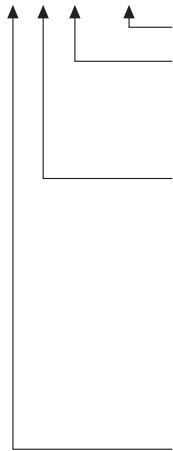


SỐ THAM KHẢO REF. No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY / S.No.		I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A	B		
010	15800-0000-0	PÍT-TÔNG	PISTON	≤15000	≤15000		{Ví dụ – 1} {Example – 1}
010	15800-0000-2	PÍT-TÔNG	PISTON	≥15001	≥15001		
020	15800-1000-0	CHỐT PÍT-TÔNG	PIN, PISTON	≤15000	≤15000		{Ví dụ – 2} {Example – 2}
020	15800-1000-2	CHỐT PÍT-TÔNG	PIN, PISTON	≥15001	≥15001	≠	
030	15800-2000-0	BỘ BẠC PÍT-TÔNG	ASSY PISTON RING	≤15000	≤15000		{Ví dụ – 3} {Example – 3}
030	15830-2000-0	BỘ BẠC PÍT-TÔNG	ASSY PISTON RING	≥15001	≥15001		

- ① Số hình Số miêu tả tương ứng với tên của mỗi nhóm
- ② Đặc tính kỹ thuật Loại và đặc điểm riêng của các mẫu cùng kiểu. Chỉ dẫn này cho thấy những trang có (cho các mẫu cùng kiểu) liên quan.
- ③ Thành phần Các thành phần của một bộ phận được nhận biết bởi một dấu ngoặc của các đường chấm gạch.
- ④ Điểm Cho biết các phụ tùng không được bán rời.
Bộ phận này (tham khảo số 050) gồm phụ tùng cần thiết được lắp đặt
- ⑤ SỐ THAM KHẢO - Số tham khảo của các mục phụ tùng trong hình minh họa. Mã số trong hình được nhận ra bằng số tham khảo tương ứng trong danh mục.
- ⑥ Tên mẫu Tên của cột hiển thị tên mẫu phụ tùng đặc trưng. Các thiết bị (phụ tùng) tương ứng khác được trình bày trong phần “CHÚ Ý” ở cột số ⑨.
- ⑦ Số sê-ri Nhóm số sê-ri của phụ tùng ứng dụng riêng.

Số động cơ

8 7 J 0001
8 7 K A001



4 chữ số hoặc chữ cái (từ A đến Z) và chữ số (bắt đầu từ 0001 đến lớn nhất là Z999)

Con số thứ 5 Bảng chữ cái (tháng sản xuất)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

Con số thứ 6 Chữ cái hoặc số (năm sản xuất).

Năm	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B	C
Năm	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S	T	V
Năm	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39			
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9			

Con số thứ 7 Chữ cái hoặc số (Xác định dòng factory).

Xác định	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B	C	D	E	F	G
----------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Chỉ ra đặc tính có thể hoán đổi của loại phụ tùng.
(đặc tính có thể hoán đổi)
Ví dụ-1 ← chỉ mục phụ tùng mới có thể thay thế, nhưng không được sử dụng ngược lại.
15800-0000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên đến số 15000.
15800-0000-2 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên và cao hơn.
Ví dụ-2 ≠ cho thấy các phụ tùng mới và cũ không thể hoán đổi được.
15800-1000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên đến số 15000.
15800-1000-2 có thể áp dụng được đến số sê-ri 15001 và cao hơn.
Ví dụ-3 ↔ cho thấy phụ tùng mới và cũ có thể hoán đổi được. Cả số 15800-2000-0 và 15830-2000-0 có thể áp dụng được từ số sê-ri đầu tiên và cao hơn.
- ⑨ CHÚ Ý 1 Cột này ghi các tên kiểu phụ tùng khác có thể áp dụng được và các hạng mục đặc biệt khác. Các biểu tượng và các chữ viết tắt sau được dùng trong tài liệu này.
29* 12.00-15 ... Kích cỡ lốp xe m² ... Mét vuông mm² ... Milimét vuông
m³ ... Mét khối mm³ ... Milimét khối D ... Đường kính L ... Chiều dài
W/G No. ... Tổng cộng số hàng hóa.
OLD ... CU NEW ... MỚI Standard(STD) ... Tiêu chuẩn SET ... NHÓM
T ... Sô gear răng
SUITABILITY ... Chọn ACCESSORIES ... CÁC PHỤ TÙNG PHỤ KIỆN
OPTION ... TÙY CHỌN FRONT ... TRƯỚC

- ⑩ CHÚ Ý 2 Diễn đạt sau đây được dùng trong mục LƯU Ý cho mỗi nhóm.
Số sê-ri của máy được trình bày như sau.
≤15000 Số sê-ri thấp hơn 15000.
≥15001 Số sê-ri lớn hơn 15001.
14000 đến 15000 Số sê-ri từ 14000 đến 15000.
Ở một vài kiểu, các diễn đạt bên trên cũng có thể được dùng ở cột CHÚ Ý 1 ⑨.
- ⑪ Số hình Chỉ ra số hình của phụ tùng được trình bày trong những hiển thị tương ứng.
(các hình thực) Hình có số XX nghĩa là có hai hoặc nhiều hình hơn phụ thuộc vào các mẫu cùng kiểu hoặc lô sản xuất.

- ① Fig. No. Represents No. corresponding to each group name.
- ② Specifications The types and destinations of sister models are indicated. These indications are given to (for sister models) tell their relevant pages in this book.
- ③ Components The components of an assembly are identified by a bracket of dotted lines.
- ④ Point Indicates that the parts is not sold independently.
The assembly (Ref.No.050) containing the part needs to be ordered.
- ⑤ REF. No. Reference numbers are assigned to parts in the illustration. The code number of a part in the illustration can be identified by referring to the same reference number in the parts list.
- ⑥ Model name The name of the basic model is indicated in this column. Other applicable models are indicated on the "REMARKS" column ⑨.
- ⑦ S. No. Indicates a group of serial numbers to which a design change is applied.
(serial No.)

Engine Serial No.

8 7 J 0001

8 7 K A001

Lower 4 digits in Numerals or Alphabetical letter (A to Z) and Numerals (start 0001 to max Z999).

5th digit Alphabetical letter (Month of manufacture).

Month	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	A,B	C,D	E,F	G,H	J,K	L,M	N,P	Q,R	S,T	U,V	W,X	Y,Z

6th digit Numerals or Alphabetical letter (Year of manufacture).

Year	1998	1999	2000	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9	A	B	C
Year	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	D	E	F	G	H	J	K	L	M	N	P	R	S	T	V
Year	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39			
	W	X	Y	1	2	3	4	5	6	7	8	9			

7th digit Numerals or Alphabetical letter (The factory line identifying).

Identifying	1	2	3	4	5	6	7	8	A	B	C	D	E	F	G
-------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

- ⑧ I. C. Indicates the interchangeability of parts due to design change.
(interchangeability)

Example-1 ← indicates that a new part can replace an old part, but not vice versa.

15800-0000-0 is applicable to the first serial number to S. No. 15000.

15800-0000-2 is applicable to the first serial number and above.

Example-2 ≠ indicates that the new and old parts are not interchangeable.

15800-1000-0 is applicable to the first serial number to S. No. 15000.

15800-1000-2 is applicable to S. No. 15001 and above.

Example-3 ↔ indicates that the new and old parts are interchangeable. Both 15800-2000-0 and 15830-2000-0 are applicable to the first serial number and above.

- ⑨ REMARKS 1 In this column, enter other applicable model names, dimensions and other special items.

The following symbols and abbreviations are used throughout this book.

29*12.00-15 ... Tire size sq.m ... m² sq.mm ... mm²

cu.m ... m³ cu.mm ... mm³ D ... Diameter L ... Length

STD ... Standard / SET ... Set sale / T ... Teeth

OLD ... Old parts, old shapes or old models

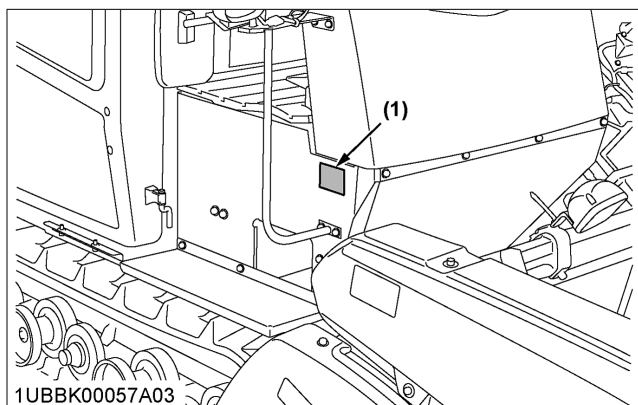
NEW ... New parts, new shapes or new models

- ⑩ REMARKS 2 The following expressions are used in NOTE for each group.
Machines' serial numbers are indicated as follows.
<=15000 Serial number below 15000.
>=15001 Serial number above 15001.
14000 to 15000 Serial number 14000 to 15000.
For some models, the above expressions may also be used REMARKS 1 ⑨.
- ⑪ Fig. No. Indicates the numbers of figures for the parts that are shown in virtual images.
(virtual images) A figure numbers with XX means that there are two or more figures depending on the sister models or the production lots.

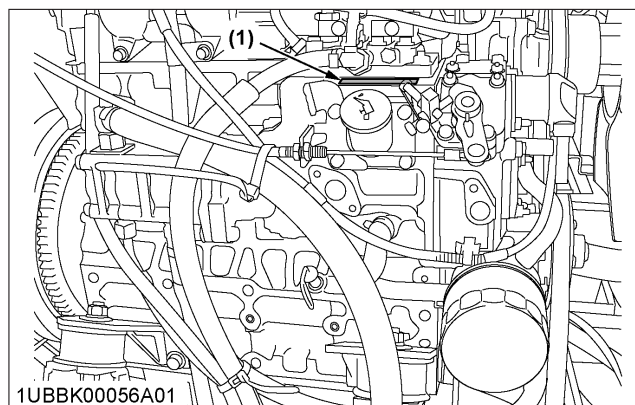
SỐ XÊ-RI

Tên mẫu, số máy và số động cơ của sản phẩm này được miêu tả trong các vị trí tương ứng như trình bày ở dưới đây. Chú ý rằng các vị trí của chúng có thể khác nhau tùy vào đặc tính kỹ thuật.

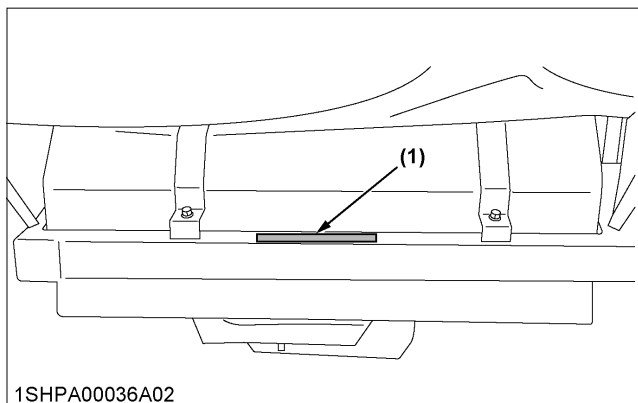
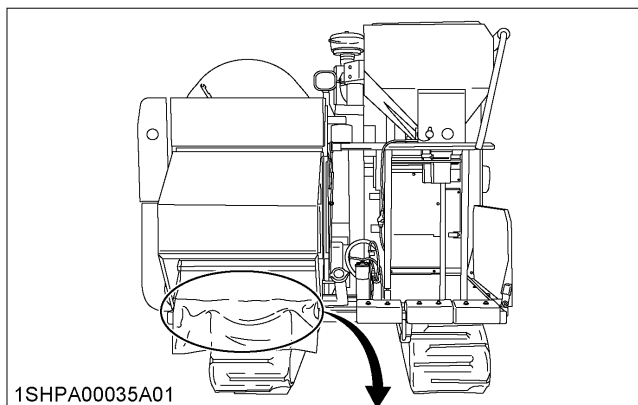
Kiểm tra các đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.



(1) Nhân kiểu máy



(1) Số sê-ri động cơ

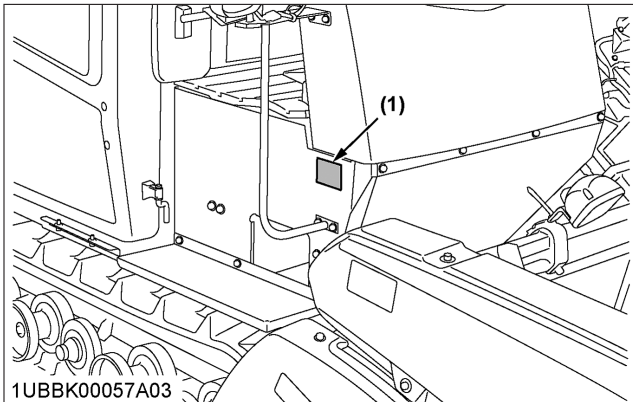


(1) Số nhận dạng sản phẩm

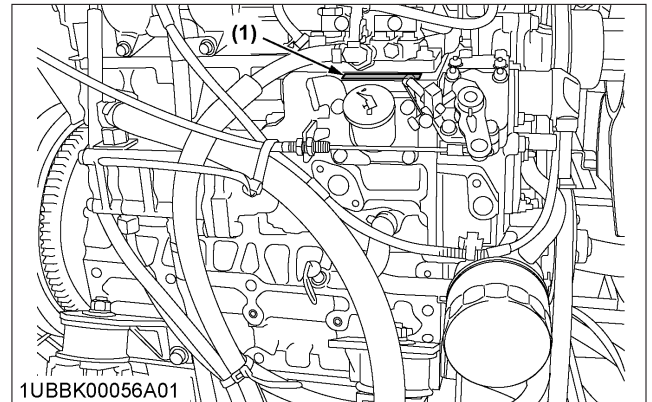
SERIAL NUMBER

The model name, machine number and engine number of this product are described in their respective positions, as shown below. Note that their positions may be different depending on the specifications.

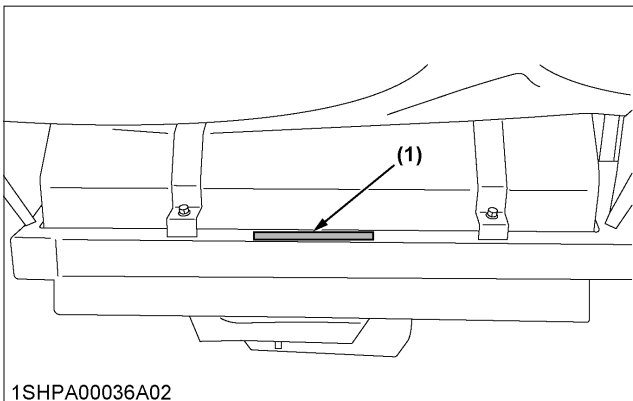
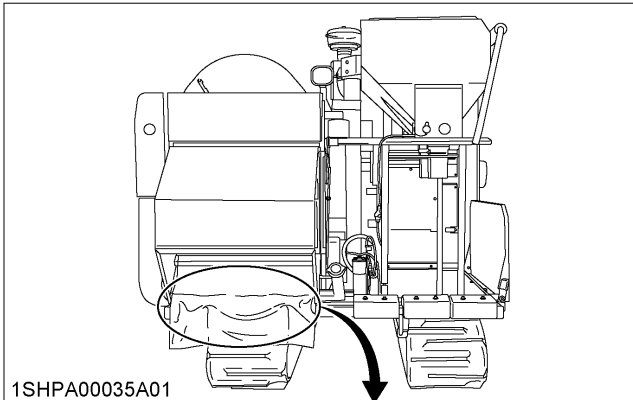
Check the specifications of the product.



(1) Model label



(1) Engine serial number



(1) Product identification number

NỘI DUNG

[V2403-M-DI-TE-CS4T]	133000	CỦA BỘ TÁCH	
000100 CÁCHTE.....1		[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	36
000200 BỀ DẦU.....2	150200	BỘ TẢN NHIỆT.....	37
000300 NẮP XILANH.....3	150300	ỐNG NƯỚC.....	38
000400 HỘP SỐ.....4	150500	BÌNH DỰ TRỮ.....	39
000500 NẮP ĐẦU.....5	501000	MÁY GIAO ĐIỆN.....	40
000600 BỘ LỌC DẦU.....6	502000	[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU	
000700 QUE THẮM DẦU VÀ THANH DẪN.....7		THÀNH]CỦA MÁY GIAO ĐIỆN.....	41
010000 THÂN Ổ TRỤC CHÍNH.....8	505000	BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG.....	42
010100 TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH	506000	CỦA BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG	
RĂNG KHÔNG TẢI.....9		[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	43
010200 PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY.....10	511000	ẮC QUY.....	44
010300 BÁNH ĐÀ.....12			
010500 TRỤC CAM NHIÊN LIỆU VÀ	[V2403-M-DI-TE-CS4T]		
TRỤC BỘ ĐIỀU CHỈNH.....13	521000	CÔNG TẮC ĐỘNG CƠ.....	45
020000 THIẾT BỊ CHẠY KHÔNG TẢI.....14			
020200 BƠM PHUN.....15	[DC-70 PRO VN]		
020500 ĐĨA ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ.....16	522600	BỘ MI-CON (THÂN).....	46
020601 GIÁ ĐỖ VÒI PHUN.....17	522800	RƠLE/ĐẦU NHỌN (THÂN).....	47
020602 ỐNG THOÁT NƯỚC.....18	523000	CÔNG TẮC BUÔNG LÁI.....	48
021200 CHẠC BẦY (BỘ ĐIỀU CHỈNH).....19	531000	TẮM MẶT TRƯỚC.....	49
050000 MẶT BÍCH NƯỚC VÀ BỘ			
ĐIỀU NHIỆT.....20	[DC-70 PRO VN-THRESHING]		
050100 MÁY BƠM NƯỚC.....21	531400	CÔNG TẮC/BỘ CẢM ỨNG	
050400 QUẠT.....22		(ĐẬP).....	50
060000 VAN VÀ CẦN ĐẨY.....23			
060100 ỐNG NẠP.....24	[DC-70 PRO VN-HOPPER]		
060200 ỐNG XẢ.....25	531600	CÔNG TẮC/BỘ CẢM ỨNG	
		(PHỄU NẠP LIỆU).....	51
[DC-70 PRO VN]			
061200 ỐNG BỒ.....26	[DC-70 PRO VN]		
	541001	ĐÈN TÁC NGHIỆP (THÂN).....	52
[V2403-M-DI-TE-CS4T]			
061600 BỘ PHẬN NÉN TURBO.....27	[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]		
	541002	ĐÈN TÁC NGHIỆP (GẮT).....	53
[DC-70 PRO VN]			
061800 BỘ LỌC KHÍ.....28	[DC-70 PRO VN-THRESHING]		
061900 MÁY ĐÁNH BÓNG GẠO.....29	541003	ĐÈN TÁC NGHIỆP (ĐẬP).....	54
[V2403-M-DI-TE-CS4T]	[DC-70 PRO VN-HOPPER]		
062000 ỐNG DẪN DẦU	541004	ĐÈN TÁC NGHIỆP	
(BỘ PHẬN NÉN TURBO).....		(PHỄU NẠP LIỆU).....	55
070200 BÌNH GIẢM NHIỆT DẦU.....31			
[DC-70 PRO VN]	[DC-70 PRO VN]		
130400 BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU.....32	571000	BỘ DÂY ĐIỆN (THÂN).....	56
132501 ỐNG NHIÊN LIỆU 1.....33	[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]		
132502 ỐNG NHIÊN LIỆU 2.....34	571700	ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN (GẮT).....	57
132600 CỬA BỘ LỌC NHIÊN LIỆU			
[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH].....	[DC-70 PRO VN-THRESHING]		

NỘI DUNG

572000	BỘ DÂY ĐIỆN (ĐẬP).....	58		TAY TRÁI.....	94
	[DC-70 PRO VN-HOPPER]		C10502	ỐNG LĂN TRUYỀN ĐỘNG	
574000	BỘ DÂY (PHỄU).....	59		TAY PHẢI.....	95
	[DC-70 PRO VN]		D70000	BỀ THỦY LỰC.....	96
A40000	KHUNG CHÍNH.....	60	D70500	BƠM THỦY LỰC.....	97
A40500	BỀ ĐỖ ĐỘNG CƠ.....	61	D70600	CỦA BƠM THỦY LỰC	
A40800	SÀN.....	62		[NHỮNG BỘ PHẦN CẤU THÀNH].....	98
A41200	SÀN PHỤ.....	63	D70700	Ống Dẫn Dầu.....	99
A50000	KHUNG VẬN HÀNH.....	64	D71000	ỐNG THỦY LỰC 1.....	100
A50400	BẢNG VẬN HÀNH.....	66	D71100	ỐNG THỦY LỰC 2.....	101
A50800	ĐẾ.....	67	D71200	ỐNG THỦY LỰC 3.....	102
A50900	HỘP CÔNG CỤ.....	69		[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]	
A51000	NẮP CHỐNG BỤI 1.....	70	D72000	XYLANH MÁY NÂNG LỖI QUẤN.....	103
A51100	NẮP CHỐNG BỤI 2.....	71	D72100	XYLANH MÁY NÂNG LỖI QUẤN	
A51400	KÍNH CHIẾU HẬU.....	72		[CUỐI PHUỐI TUỖNG].....	104
A51500	MÁI CHE.....	73		[DC-70 PRO VN]	
A60000	PULI BỘ ĐÉM.....	74	D72300	BỘ THỦY LỰC	
A60500	LỰC CĂNG (DI CHUYỂN).....	75		(CÔNG TÁC).....	105
B30000	HỘP TRUYỀN ĐỘNG.....	76	D72400	BỘ THỦY LỰC	
B31000	HST.....	77		(CÔNG TÁC) [PHỤ TÙNG].....	106
B31100	HST [NHỮNG BỘ PHẦN CẤU		D72800	XI-LANH KHỚP LY HỢP.....	107
	THÀNH] 1.....	78	D72900	XI-LANH KHỚP LY HỢP	
B31200	HST [NHỮNG BỘ PHẦN CẤU			[PHỤ TÙNG].....	108
	THÀNH] 2.....	79	D73000	BỘ PHẦN THỦY LỰC.....	109
B31300	HST [NHỮNG BỘ PHẦN CẤU		D73100	BỘ PHẦN THỦY LỰC	
	THÀNH] 3.....	80		[NHỮNG BỘ PHẦN CẤU THÀNH].....	110
B31800	TRỤC ĐẦU VÀO HST.....	81	D73500	XYLANH GẮT.....	111
B32000	BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG		D73600	XYLANH GẮT	
	1.....	82		[NHỮNG BỘ PHẦN CẤU THÀNH].....	112
B32400	BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG		D74000	BÌNH GIẢM NHIỆT DẦU.....	113
	2.....	83	E20000	CẦN GIA TỐC.....	114
B32800	BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG		E20200	CẦN SANG SỐ CHÍNH.....	115
	3.....	84	E20400	THANH SANG SỐ CHÍNH.....	116
B33000	BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG		E20800	CẦN SANG SỐ THEO DÂY.....	117
	4.....	85	E21000	HỆ THỐNG LÁI.....	118
B33200	PHANH.....	86	E21200	BÀN ĐẠP PHANH.....	119
C10000	MÁY KÉO CHẠY XÍCH.....	87	E21400	CẦN ĐIỀU KHIỂN LY HỢP	
C10101	ỐNG LĂN BÁNH XÍCH TAY			GẮT.....	120
	TRÁI.....	88	E22000	CẦN ĐIỀU KHIỂN LY HỢP	
C10102	ỐNG LĂN BÁNH XÍCH TAY			ĐẬP.....	121
	PHẢI.....	89		[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]	
C10301	KHUNG LỰC CĂNG TAY TRÁI.....	90	F50000	KHUNG GẮT.....	122
C10302	KHUNG LỰC CĂNG TAY PHẢI.....	91	F50500	KHUNG LỖI QUẤN.....	123
C10401	DẪN HƯỚNG BÁNH XÍCH TAY		F51000	NẮP KHUNG GẮT.....	124
	TRÁI.....	92	F51500	TRỤC TÂM LỖI QUẤN.....	125
C10402	DẪN HƯỚNG BÁNH XÍCH TAY		F52000	ĐIỀU CHỈNH LỖI QUẤN.....	126
	PHẢI.....	93			
C10501	ỐNG LĂN TRUYỀN ĐỘNG				

NỘI DUNG

F52500	CHÓT.....	127	H92001	HỘP SÀNG.....	175
F53000	LƯỠI CẮT.....	128	H92002	MÁY SÀNG.....	176
F53500	CẦN KÉO.....	130	H92100	VẢI HỘP MÁY SÀNG.....	177
F54000	TRỒNG MÁY KHOAN.....	131	J01000	TRỤC MÁY KHOAN NGANG THỨ	
F54500	TRỤC TRỒNG MÁY KHOAN.....	133		1.....	178
F55000	XÍCH TRỒNG MÁY KHOAN.....	134	J01100	HỘP SỐ HÌNH CÔN THỨ 1.....	179
F55500	TRỤC NGÓN TAY.....	136	J01200	TRỤC MÁY KHOAN DỌC THỨ 1.....	180
F56000	BỘ CHIA TRÁI.....	137	J01500	CẦN KÉO THỨ 1.....	181
F56500	BỘ CHIA PHẢI.....	138	J01600	TRỤC MÁY KHOAN NGANG THỨ	
F57000	CÁNH TAY TRUYỀN ĐỘNG			2.....	182
	LƯỠI CẮT.....	139	J01700	HỘP XÍCH TRUYỀN ĐỘNG THỨ	
F57500	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG LƯỠI			2.....	183
	CẮT.....	140	J01800	HỘP SỐ THỨ 2.....	184
F58000	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG GẶT.....	141	J01900	HỘP SỐ HÌNH CÔN THỨ 2.....	185
F58500	KHUNG ỐNG DẪN.....	142	J02000	TRỤC MÁY KHOAN DỌC THỨ 2.....	186
F59000	NẮP ỐNG DẪN.....	143			
F59500	NẮP QUẠT ỐNG DẪN.....	144	[DC-70 PRO VN-HOPPER]		
F60000	TRỒNG ỐNG DẪN.....	145	L00100	THÂN PHỄU NẠP LIỆU.....	187
F60500	XÍCH TRUYỀN ĐỘNG ỐNG DẪN.....	146	L00300	NẮP PHỄU NẠP LIỆU.....	188
F61000	XÍCH TRUYỀN ĐỘNG GẶT.....	147	L00400	CỬA SẬP.....	189
F61500	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG ỐNG DẪN.....	148	L00500	TRỤ ĐỖ PHỄU NẠP LIỆU.....	190
			L01000	CỬA CHẮN PHỄU NẠP LIỆU.....	191
			L01500	TẮM LÓT.....	192
[DC-70 PRO VN-THRESHING]					
F62000	CẦN KÉO GẶT.....	149	[V2403-M-DI-TE-CS4T]		
F62500	CẦN ĐÀO CHIỀU GẶT.....	150	N10000	NHẪN (ĐỘNG CƠ).....	193
H00101	KHUNG ĐẬP (PHÍA TRÊN).....	151			
H00102	KHUNG ĐẬP (PHÍA DƯỚI).....	152	[DC-70 PRO VN]		
H01000	ĐĨA MÁY QUẠT THÓC.....	153	N10500	NHẪN (THÂN).....	194
H01100	ĐĨA CHỈ HƯỚNG GIÓ.....	154			
H01200	ĐĨA NẠP.....	155	[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]		
H01400	NẮP CHẮN BỤI.....	156	N11000	NHẪN (GẶT).....	195
H01600	CA BÔ ĐẬP.....	157			
H01800	VÁN TẢI BỤI.....	158	[DC-70 PRO VN-THRESHING]		
H21000	NẮP MỖ-ĐÓNG.....	159	N11500	NHẪN (ĐẬP).....	196
H21200	NẮP ĐẬP (TRƯỚC/SAU).....	160			
H21500	NẮP ĐẬP (BÊN HÔNG).....	161	[DC-70 PRO VN-HOPPER]		
H22000	TRỤC MÁY QUẠT THÓC.....	162	N12000	NHẪN (PHỄU NẠP LIỆU).....	197
H22400	CẦN KÉO XYLANH ĐẬP.....	164			
H22600	HỘP SỐ TRUYỀN ĐỘNG XYLANH		[DC-70 PRO VN]		
	ĐẬP.....	165	R10000	PHỤ TÙNG ĐÍNH KÈM 1.....	198
H22700	TRỤC TRUYỀN ĐỘNG XYLANH		R10100	PHỤ TÙNG ĐÍNH KÈM 2.....	199
	ĐẬP.....	166			
H30600	CẦN KÉO ĐẬP.....	167	■	SỐ THỨ TỰ DANH MỤC.....	200
H40000	TRỤC XYLANH ĐẬP.....	168			
H40200	RĂNG XYLANH ĐẬP.....	169			
H40300	ĐỘ LỒM.....	170			
H80401	TRỤC LUNG LAY TRÁI.....	171			
H80402	TRỤC LUNG LAY PHẢI.....	172			
H80700	CẦN KÉO LUNG LAY.....	173			
H90300	SÀNG HẠT.....	174			

CONTENTS

[V2403-M-DI-TE-CS4T]		150300	WATER PIPE.....	38
000100	CRANKCASE.....	1	150500	RESERVE TANK.....
000200	OIL PAN.....	2	501000	ALTERNATOR.....
000300	CYLINDER HEAD.....	3	502000	ALTERNATOR
000400	GEAR CASE.....	4		[COMPONENT PARTS].....
000500	HEAD COVER.....	5	505000	STARTER.....
000600	OIL FILTER.....	6	506000	STARTER [COMPONENT PARTS].....
000700	DIPSTICK AND GUIDE.....	7	511000	BATTERY.....
010000	MAIN BEARING CASE.....	8		
010100	CAMSHAFT AND IDLE GEAR		[V2403-M-DI-TE-CS4T]	
	SHAFT.....	9	521000	ENGINE SWITCH.....
010200	PISTON AND CRANKSHAFT.....	10		
010300	FLYWHEEL.....	12	[DC-70 PRO VN]	
010500	FUEL CAMSHAFT AND GOVERNOR		522600	MI-CON UNIT (BODY).....
	SHAFT.....	13	522800	RELAY/HORN (BODY).....
020000	IDLE APPARATUS.....	14	523000	COCKPIT SWITCH.....
020200	INJECTION PUMP.....	15	531000	FRONT PANEL.....
020500	SPEED CONTROL PLATE.....	16		
020601	NOZZLE HOLDER.....	17	[DC-70 PRO VN-THRESHING]	
020602	OVER FLOW PIPE.....	18	531400	SWITCH/SENSOR (THRESHING).....
021200	FORK LEVER (GOVERNOR).....	19		
050000	WATER FLANGE AND THERMOSTAT.....	20	[DC-70 PRO VN-HOPPER]	
050100	WATER PUMP.....	21	531600	SWITCH/SENSOR (HOPPER).....
050400	FAN.....	22		
060000	VALVE AND ROCKER ARM.....	23	[DC-70 PRO VN]	
060100	INLET MANIFOLD.....	24	541001	WORK LIGHT (BODY).....
060200	EXHAUST MANIFOLD.....	25		
			[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]	
[DC-70 PRO VN]			541002	WORK LIGHT (HARVEST).....
061200	MUFFLER.....	26		
			[DC-70 PRO VN-THRESHING]	
[V2403-M-DI-TE-CS4T]			541003	WORK LIGHT (THRESHING).....
061600	TURBO CHARGER.....	27		
			[DC-70 PRO VN-HOPPER]	
[DC-70 PRO VN]			541004	WORK LIGHT (HOPPER).....
061800	AIR CLEANER.....	28		
061900	PRE-CLEANER.....	29	[DC-70 PRO VN]	
			571000	WIRE HARNESS (BODY).....
[V2403-M-DI-TE-CS4T]				
062000	OIL PIPE (TURBO CHARGER).....	30	[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]	
070200	OIL COOLER.....	31	571700	WIRE HARNESS (HARVEST).....
[DC-70 PRO VN]			[DC-70 PRO VN-THRESHING]	
130400	FUEL TANK.....	32	572000	WIRE HARNESS (THRESHING).....
132501	FUEL PIPE 1.....	33		
132502	FUEL PIPE 2.....	34	[DC-70 PRO VN-HOPPER]	
132600	FUEL FILTER		574000	WIRE HARNESS (HOPPER).....
	[COMPONENT PARTS].....	35		
133000	SEPARATOR [COMPONENT PARTS].....	36	[DC-70 PRO VN]	
150200	RADIATOR.....	37	A40000	MAIN FRAME.....

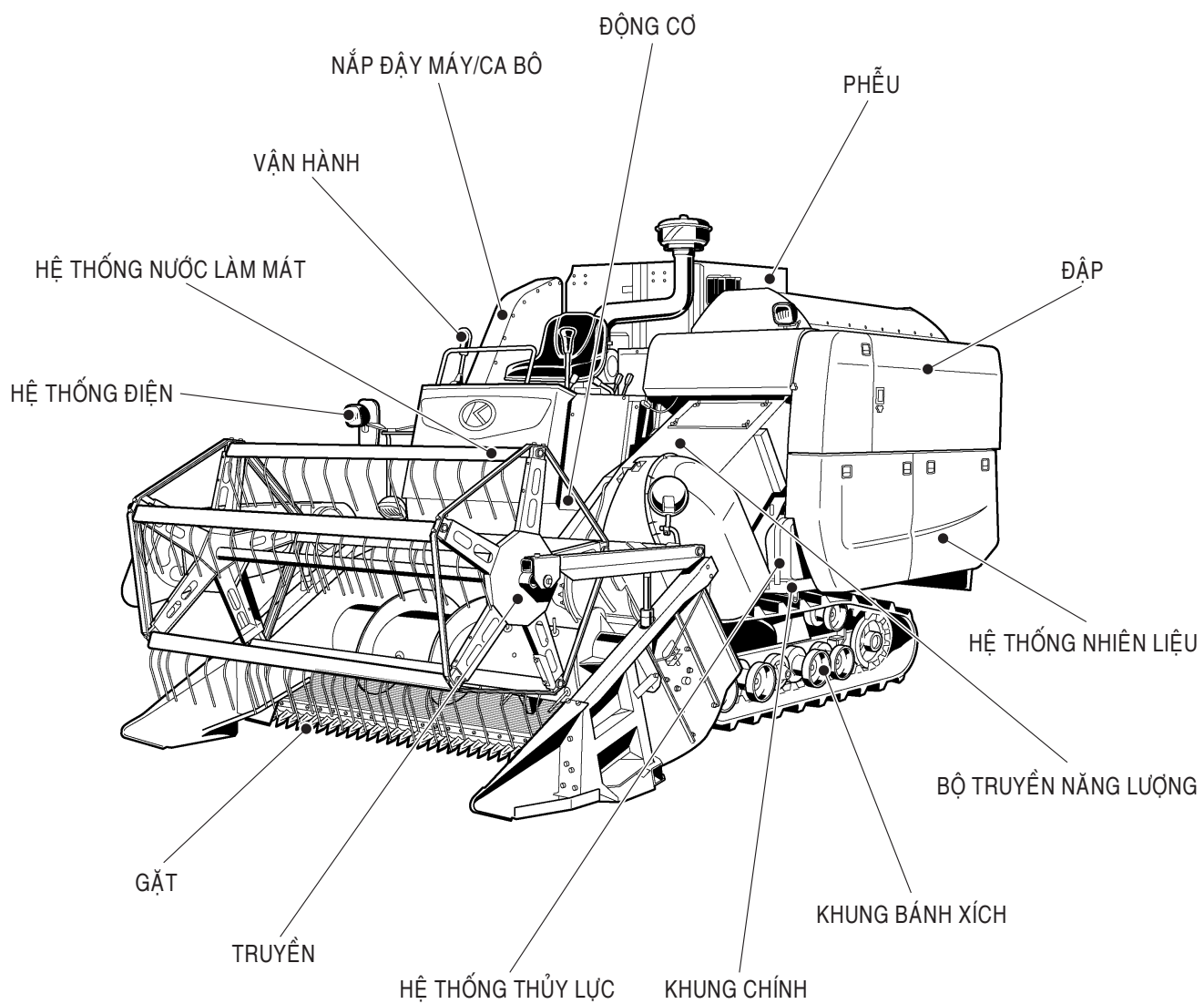
CONTENTS

A40500	ENGINE BASE.....	61		[COMPONENT PARTS].....	106
A40800	DECK.....	62	D72800	CLUTCH CYLINDER.....	107
A41200	SUBSIDIARY DECK.....	63	D72900	CLUTCH CYLINDER	
A50000	OPERATION FRAME.....	64		[COMPONENT PARTS].....	108
A50400	OPERATION PANEL.....	66	D73000	HYDRAULIC UNIT (HARVEST).....	109
A50800	SEAT.....	67	D73100	HYDRAULIC UNIT (HARVEST)	
A50900	TOOL BOX.....	69		[COMPONENT PARTS].....	110
A51000	DUSTPROOF COVER 1.....	70	D73500	HARVEST CYLINDER.....	111
A51100	DUSTPROOF COVER 2.....	71	D73600	HARVEST CYLINDER	
A51400	REARVIEW MIRROR.....	72		[COMPONENT PARTS].....	112
A51500	CANOPY.....	73	D74000	OIL COOLER.....	113
A60000	COUNTER PULLEY.....	74	E20000	ACCELERATOR LEVER.....	114
A60500	TENSION (TRAVEL).....	75	E20200	MAIN GEAR SHIFT LEVER.....	115
B30000	TRANSMISSION CASE.....	76	E20400	MAIN GEAR SHIFT ROD.....	116
B31000	HST.....	77	E20800	RANGE GEAR SHIFT LEVER.....	117
B31100	HST [COMPONENT PARTS] 1.....	78	E21000	STEERING.....	118
B31200	HST [COMPONENT PARTS] 2.....	79	E21200	BRAKE PEDAL.....	119
B31300	HST [COMPONENT PARTS] 3.....	80	E21400	HARVEST CLUTCH LEVER.....	120
B31800	HST INPUT SHAFT.....	81	E22000	THRESHING CLUTCH LEVER.....	121
B32000	TRANSMISSION CASE INSIDE 1.....	82			
B32400	TRANSMISSION CASE INSIDE 2.....	83		[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]	
B32800	TRANSMISSION CASE INSIDE 3.....	84	F50000	HARVEST FRAME.....	122
B33000	TRANSMISSION CASE INSIDE 4.....	85	F50500	REEL FRAME.....	123
B33200	BRAKE.....	86	F51000	HARVEST FRAME COVER.....	124
C10000	CRAWLER.....	87	F51500	REEL CENTER SHAFT.....	125
C10101	TRACK ROLLER LH.....	88	F52000	REEL ADJUSTMENT.....	126
C10102	TRACK ROLLER RH.....	89	F52500	TINE.....	127
C10301	TENSION FRAME LH.....	90	F53000	BLADE REAPING.....	128
C10302	TENSION FRAME RH.....	91	F53500	TENSION ARM.....	130
C10401	CRAWLER GUIDE LH.....	92	F54000	AUGER DRUM.....	131
C10402	CRAWLER GUIDE RH.....	93	F54500	AUGER DRUM SHAFT.....	133
C10501	DRIVE ROLLER LH.....	94	F55000	AUGER DRUM CHAIN.....	134
C10502	DRIVE ROLLER RH.....	95	F55500	FINGER SHAFT.....	136
D70000	HYDRAULIC TANK.....	96	F56000	DIVIDER LH.....	137
D70500	HYDRAULIC PUMP.....	97	F56500	DIVIDER RH.....	138
D70600	HYDRAULIC PUMP		F57000	BLADE REAPING DRIVE ARM.....	139
	[COMPONENT PARTS].....	98	F57500	BLADE REAPING DRIVE SHAFT.....	140
D70700	OIL DRAIN HOSE.....	99	F58000	HARVEST DRIVE SHAFT.....	141
D71000	HYDRAULIC HOSE 1.....	100	F58500	FEEDER FRAME.....	142
D71100	HYDRAULIC HOSE 2.....	101	F59000	FEEDER COVER.....	143
D71200	HYDRAULIC HOSE 3.....	102	F59500	FEEDER FAN COVER.....	144
			F60000	FEEDER DRUM.....	145
[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]			F60500	FEEDER DRIVE CHAIN.....	146
D72000	REEL ELEVATOR CYLINDER.....	103	F61000	HARVEST DRIVE CHAIN.....	147
D72100	REEL ELEVATOR CYLINDER		F61500	FEEDER DRIVE SHAFT.....	148
	[COMPONENT PARTS].....	104			
				[DC-70 PRO VN-THRESHING]	
[DC-70 PRO VN]			F62000	HARVEST TENSION ARM.....	149
D72300	HYDRAULIC UNIT (MISSION).....	105	F62500	HARVEST REVERSAL LEVER.....	150
D72400	HYDRAULIC UNIT (MISSION)				

CONTENTS

H00101	THRESHING FRAME (UPPER).....	151	[V2403-M-DI-TE-CS4T]	
H00102	THRESHING FRAME (LOWER).....	152	N10000 LABEL (ENGINE).....	193
H01000	WINNOWER PLATE.....	153		
H01100	WIND DIRECTION PLATE.....	154	[DC-70 PRO VN]	
H01200	INLET PLATE.....	155	N10500 LABEL (BODY).....	194
H01400	DUSTING COVER.....	156		
H01600	THRESHING BONNET.....	157	[DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER]	
H01800	DUST CARRYING VALVE.....	158	N11000 LABEL (HARVEST).....	195
H21000	OPEN-CLOSE COVER.....	159		
H21200	THRESHING COVER (FRONT/BACK).....	160	[DC-70 PRO VN-THRESHING]	
			N11500 LABEL (THRESHING).....	196
H21500	THRESHING COVER (SIDE).....	161		
H22000	WINNOWER SHAFT.....	162	[DC-70 PRO VN-HOPPER]	
H22400	THRESHING CYLINDER TENSION ARM.....	164	N12000 LABEL (HOPPER).....	197
H22600	THRESHING CYLINDER DRIVE CASE.....	165	[DC-70 PRO VN]	
			R10000 ACCESSORIES 1.....	198
H22700	THRESHING CYLINDER DRIVE SHAFT.....	166	R10100 ACCESSORIES 2.....	199
H30600	THRESHING TENSION ARM.....	167	■ NUMERICAL INDEX.....	200
H40000	THRESHING CYLINDER SHAFT.....	168		
H40200	THRESHING CYLINDER TOOTH.....	169		
H40300	CONCAVE.....	170		
H80401	ROCKING SHAFT LH.....	171		
H80402	ROCKING SHAFT RH.....	172		
H80700	ROCKING TENSION ARM.....	173		
H90300	GRAIN SIEVE.....	174		
H92001	SIEVE CASE.....	175		
H92002	SIEVE.....	176		
H92100	SIEVE CASE CLOTH.....	177		
J01000	FIRST HORIZONTAL AUGER SHAFT.....	178		
J01100	FIRST BEVEL GEAR CASE.....	179		
J01200	FIRST VERTICAL AUGER SHAFT.....	180		
J01500	FIRST TENSION ARM.....	181		
J01600	SECOND HORIZONTAL AUGER SHAFT.....	182		
J01700	SECOND DRIVE CHAIN CASE.....	183		
J01800	SECOND CASE.....	184		
J01900	SECOND BEVEL GEAR CASE.....	185		
J02000	SECOND VERTICAL AUGER SHAFT.....	186		
	[DC-70 PRO VN-HOPPER]			
L00100	HOPPER BODY.....	187		
L00300	HOPPER COVER.....	188		
L00400	SHUTTER.....	189		
L00500	HOPPER SUPPORT.....	190		
L01000	HOPPER GUARD.....	191		
L01500	CANVAS.....	192		

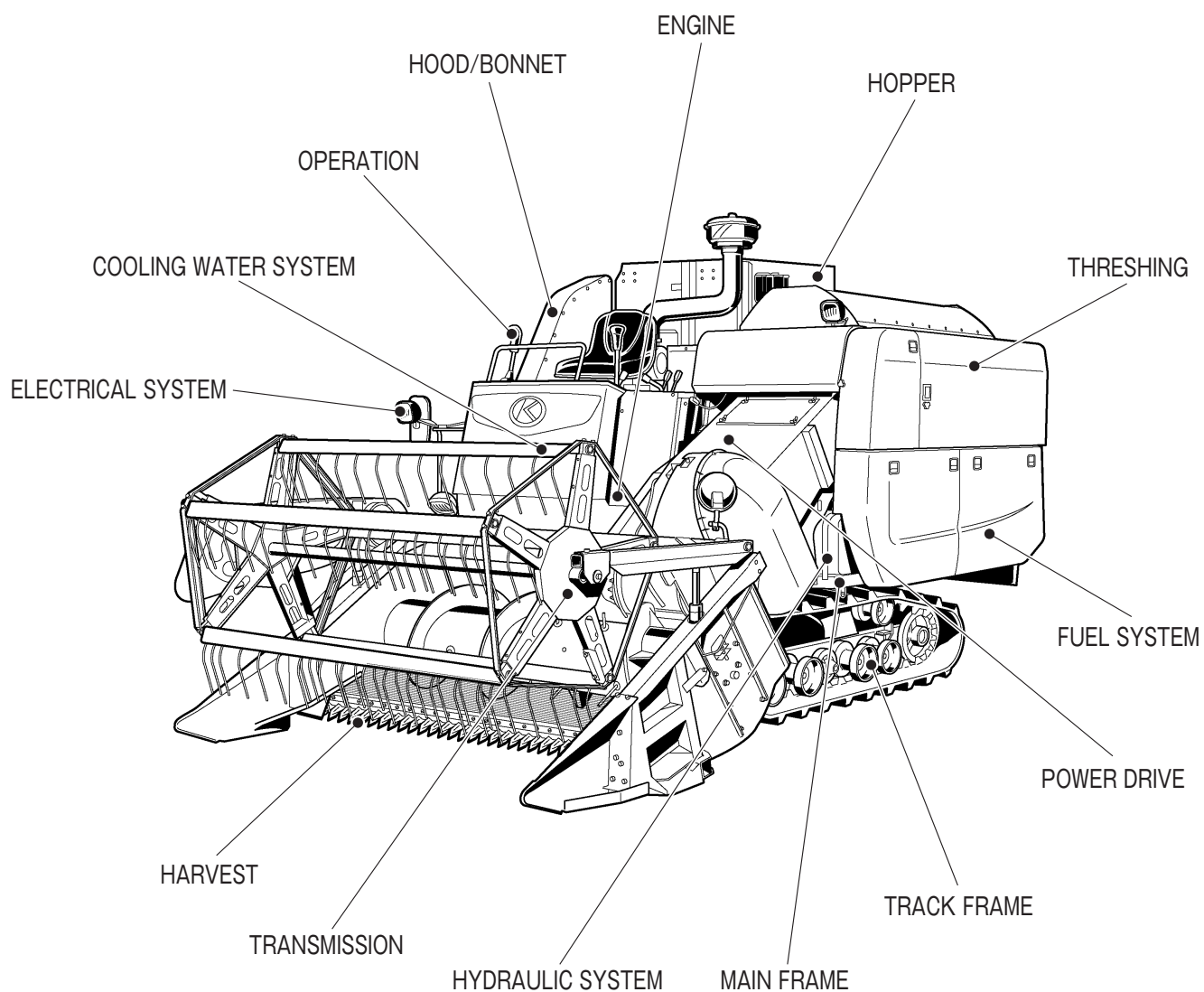
MỤC LỤC



NHÃN

PHỤ KIỆN

SECTION CONTENTS

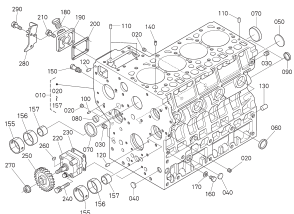
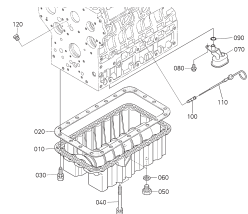
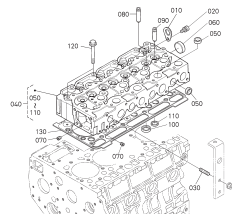


LABELS

ACCESSORIES

[Làm thế nào để đọc được các mục bằng hình minh họa]

Ví dụ minh họa

ĐỘNG CƠ ← BƯỚC1			
Fig.No. 000100 CÁC-TE (NẮP ĐẬY DƯỚI TRỤC KHUYỬ VÀ CHỨA NHỚT) 	Fig.No. 000200 MÁNG DẦU 	Fig.No. 000300 NẮP MÁY ĐẦU XY-LANH 	← BƯỚC2 ← BƯỚC3 ← BƯỚC4
Fig.No. 000500 NẮP ĐẬY TRÊN CÒ MỎ	Fig.No. 010000 RẾ (VỎ) BẠC ĐẠN CHÍNH	Fig.No. 010100 TRỤC KHUYỬ VÀ TRỤC TRUNG GIAN	Fig.No. 010200 PÍT-TÔNG VÀ TRỤC KHUYỬ

BƯỚC1: Cột này cho thấy mục được liệt kê trong phần **MỤC LỤC**.

BƯỚC2: Cho thấy số hình có trong tài liệu

(Hình số 000300)

BƯỚC3: Tên nhóm trong tài liệu

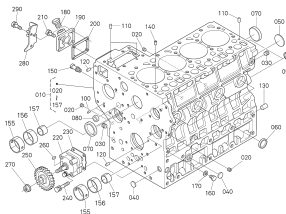
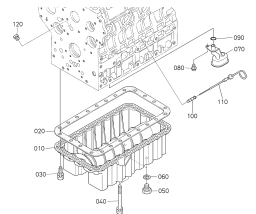
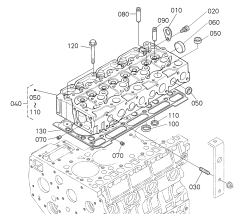
BƯỚC4: Hình minh họa của nhóm trong tài liệu.

Làm thế nào để tìm kiếm:

Xem phần **MỤC LỤC** để chọn hạng mục mà bạn đang cần tìm. Ở **BƯỚC1**, tìm hạng mục tương tự. Ở **BƯỚC4**, tìm mục phụ tùng mà bạn đang cần. Ở **BƯỚC2** và **BƯỚC3**, tham khảo trong trang của nhóm và chọn tìm mã số phụ tùng.

[How to read contents with illustrations]

Illustration example

ENGINE ← STEP1			
Fig.No. 000100 CRANKCASE 	Fig.No. 000200 OIL PAN 	Fig.No. 000300 CYLINDER HEAD 	← STEP2 ← STEP3 ← STEP4
Fig.No. 000500 HEAD COVER	Fig.No. 010000 MAIN BEARING CASE	Fig.No. 010100 CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT	Fig.No. 010200 PISTON AND CRANKSHAFT

STEP1: This indicates the items listed in SECTION CONTENTS.

STEP2: These indicate the figure number given in the text.

(Fig. No...000300)

STEP3: This indicates the group name in the text.

STEP4: This indicates the illustrations of the group in the text.

How to retrieve:

Look at SECTION CONTENTS to select an item you are looking for. In STEP1, find the same item. In STEP4, find the part you are searching. In STEP2 and STEP3, refer to the page of the group and retrieve the part number.

ĐỘNG CƠ ENGINE

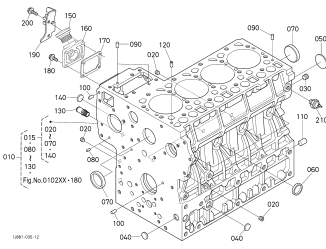
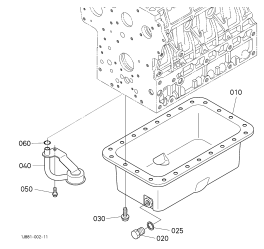
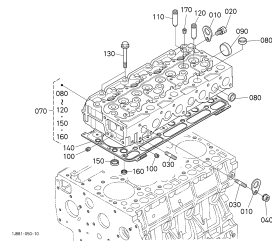
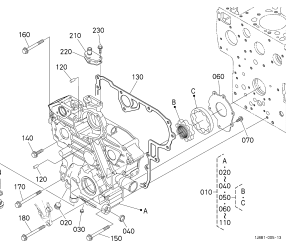
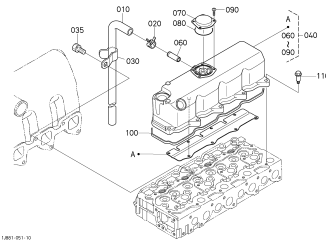
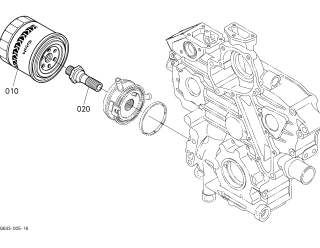
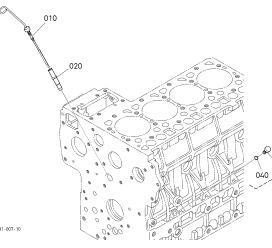
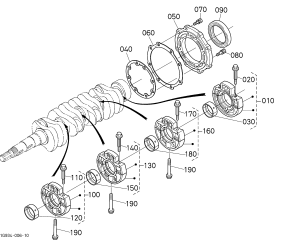
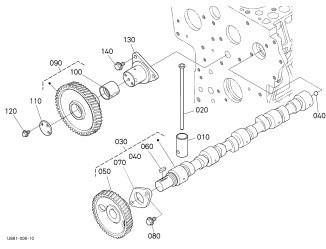
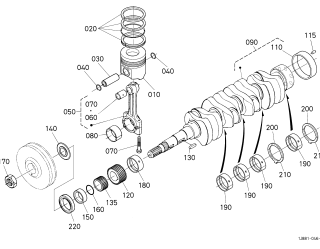
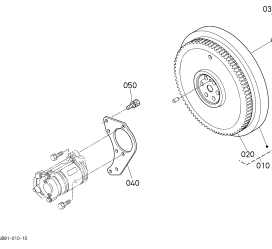
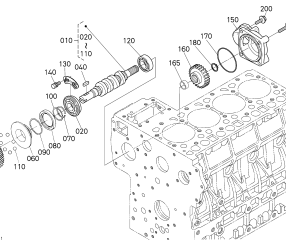
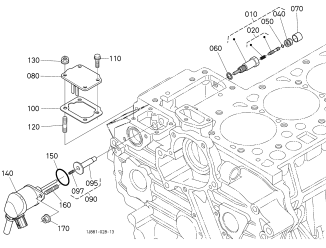
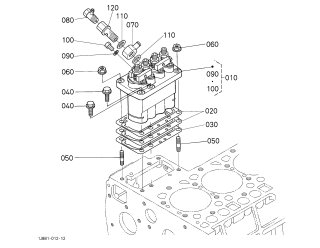
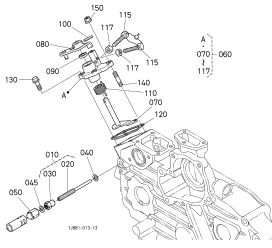
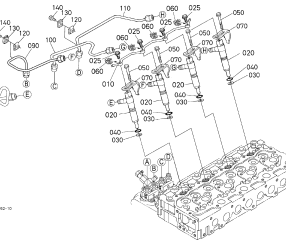
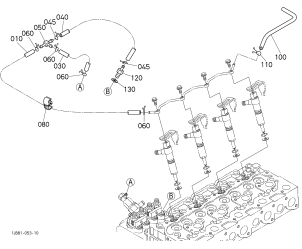
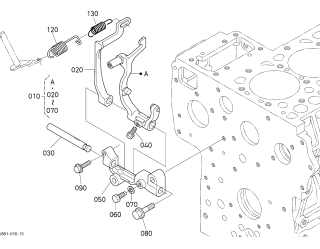
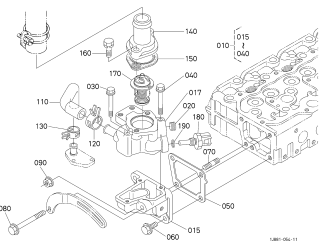
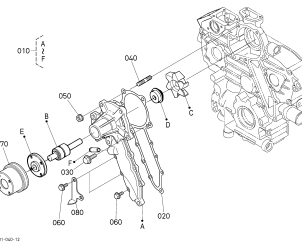
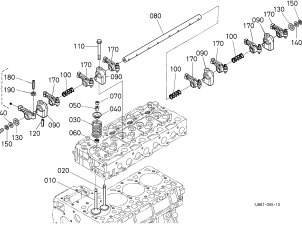
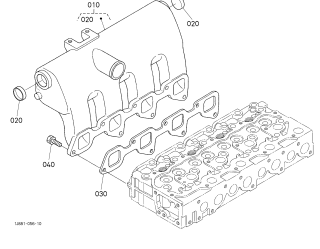
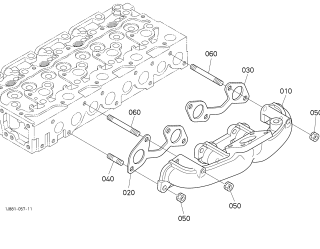
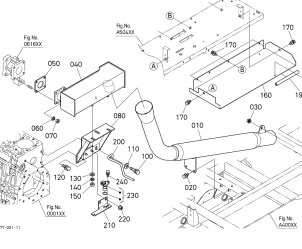
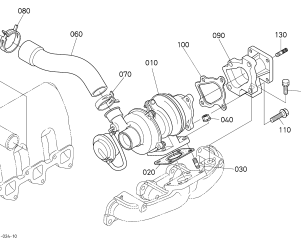
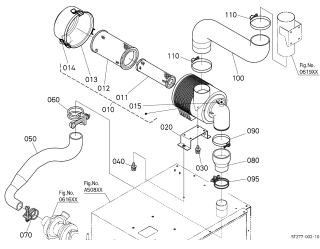
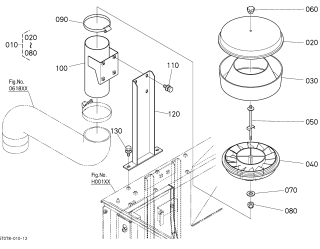
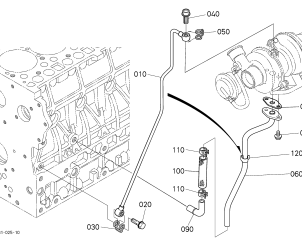
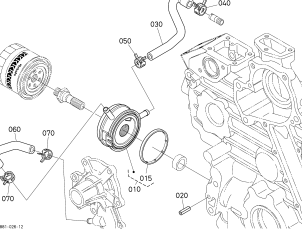
Fig.No. 000100 CÁCTE CRANKCASE 	Fig.No. 000200 BỂ DẦU OIL PAN 	Fig.No. 000300 NẮP XILANH CYLINDER HEAD 	Fig.No. 000400 HỘP SỐ GEAR CASE 
Fig.No. 000500 NẮP ĐẦU HEAD COVER 	Fig.No. 000600 BỘ LỌC DẦU OIL FILTER 	Fig.No. 000700 QUE THẨM DẦU VÀ THANH DẪN DIPSTICK AND GUIDE 	Fig.No. 010000 THÂN Ổ TRỤC CHÍNH MAIN BEARING CASE 
Fig.No. 010100 TRỤC CAM VÀ TRỤC BÁNH RĂNG KHÔNG TẢI CAMSHAFT AND IDLE GEAR SHAFT 	Fig.No. 010200 PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY PISTON AND CRANKSHAFT 	Fig.No. 010300 BÁNH ĐÀ FLYWHEEL 	Fig.No. 010500 TRỤC CAM NHIÊN LIỆU VÀ TRỤC BỘ ĐIỀU CHỈNH FUEL CAMSHAFT AND GOVERNOR SHAFT 
Fig.No. 020000 THIẾT BỊ CHẠY KHÔNG TẢI IDLE APPARATUS 	Fig.No. 020200 BƠM PHUN INJECTION PUMP 	Fig.No. 020500 Đĩa ĐIỀU KHIỂN TỐC ĐỘ SPEED CONTROL PLATE 	Fig.No. 020601 GIÁ ĐỖ VÒI PHUN NOZZLE HOLDER 

Fig.No. 020602 ỐNG THOÁT NƯỚC OVER FLOW PIPE 	Fig.No. 021200 CHẠC BẦY (BỘ ĐIỀU CHỈNH) FORK LEVER (GOVERNOR) 	Fig.No. 050000 MẶT BÍCH NƯỚC VÀ BỘ ĐIỀU NHIỆT WATER FLANGE AND THERMOSTAT 	Fig.No. 050100 MÁY BƠM NƯỚC WATER PUMP 
Fig.No. 060000 VAN VÀ CẦN ĐẨY VALVE AND ROCKER ARM 	Fig.No. 060100 ỐNG NẠP INLET MANIFOLD 	Fig.No. 060200 ỐNG XẢ EXHAUST MANIFOLD 	Fig.No. 061200 ỐNG BÔ MUFFLER 
Fig.No. 061600 BỘ PHẬN NÉN TURBO TURBO CHARGER 	Fig.No. 061800 BỘ LỌC KHÍ AIR CLEANER 	Fig.No. 061900 MÁY ĐÁNH BÓNG GẠO PRE-CLEANER 	Fig.No. 062000 ỐNG DẪN DẦU (BỘ PHẬN NÉN TURBO) OIL PIPE (TURBO CHARGER) 
Fig.No. 070200 BÌNH GIẢM NHIỆT DẦU OIL COOLER 			

HỆ THỐNG NƯỚC LÀM MÁT COOLING WATER SYSTEM

Fig.No. **050400**

QUẠT

FAN

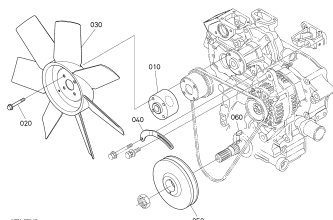


Fig.No. **150200**

BỘ TẢN NHIỆT

RADIATOR

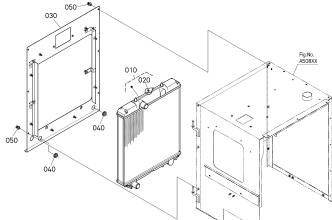


Fig.No. **150300**

ỐNG NƯỚC

WATER PIPE

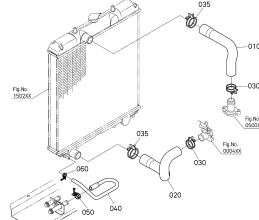
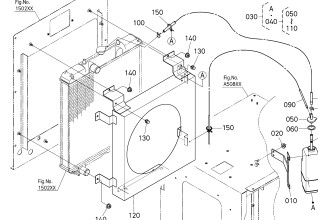


Fig.No. **150500**

BÌNH DỰ TRỮ

RESERVE TANK



HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU FUEL SYSTEM

Fig.No. **130400**

BÌNH CHỨA NHIÊN LIỆU

FUEL TANK

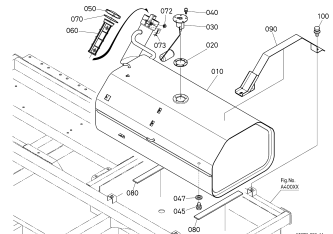


Fig.No. **132501**

ỐNG NHIÊN LIỆU 1

FUEL PIPE 1

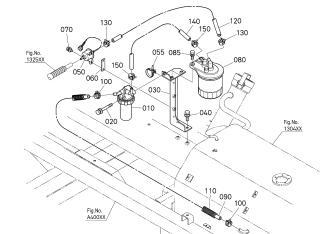


Fig.No. **132502**

ỐNG NHIÊN LIỆU 2

FUEL PIPE 2

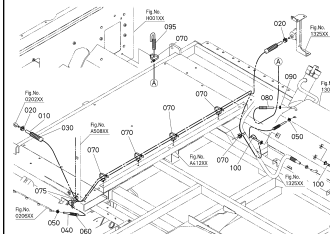


Fig.No. **132600**

CỦA BỘ LỌC NHIÊN LIỆU [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]

FUEL FILTER [COMPONENT PARTS]

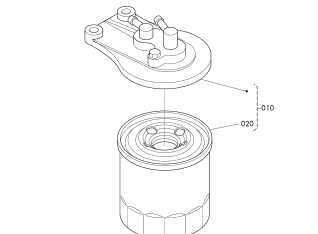
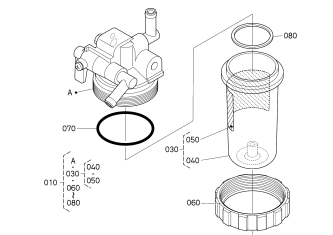


Fig.No. **133000**

CỦA BỘ TÁCH [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]

SEPARATOR [COMPONENT PARTS]



HỆ THỐNG ĐIỆN ELECTRICAL SYSTEM

Fig.No. **501000**

MÁY GIAO ĐIỆN

ALTERNATOR

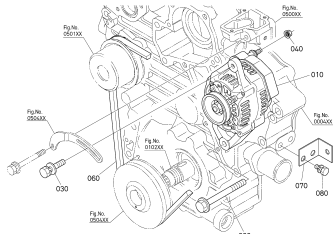


Fig.No. **502000**

[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] CỦA MÁY GIAO ĐIỆN

ALTERNATOR [COMPONENT PARTS]

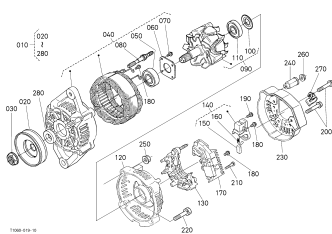


Fig.No. **505000**

BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG

STARTER

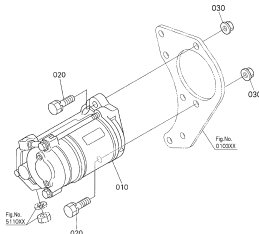
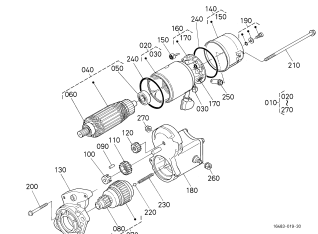


Fig.No. **506000**

CỦA BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]

STARTER [COMPONENT PARTS]



KHUNG CHÍNH MAIN FRAME

Fig.No. **A40000**
KHUNG CHÍNH
MAIN FRAME

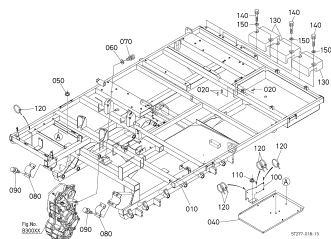


Fig.No. **A40500**
BÊ ĐỒ ĐỘNG CƠ
ENGINE BASE

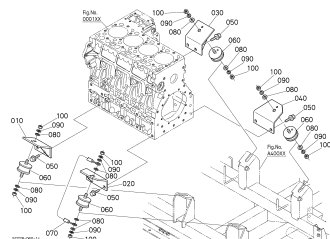


Fig.No. **A40800**
SÀN
DECK

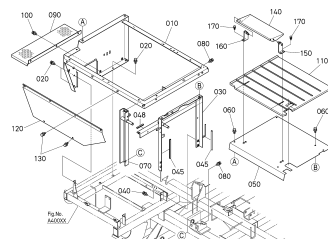
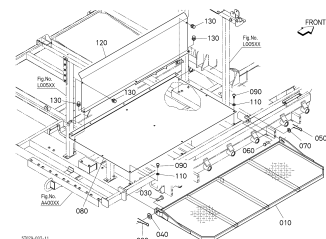


Fig.No. **A41200**
SÀN PHỤ
SUBSIDIARY DECK



NẮP ĐẦY MÁY/CA BÔ HOOD/BONNET

Fig.No. **A50000**
KHUNG VẬN HÀNH
OPERATION FRAME

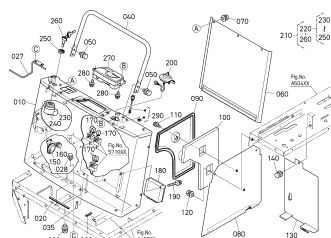


Fig.No. **A50400**
BẢNG VẬN HÀNH
OPERATION PANEL

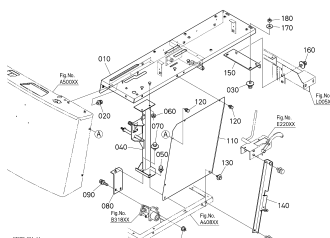


Fig.No. **A50800**
ĐẾ
SEAT

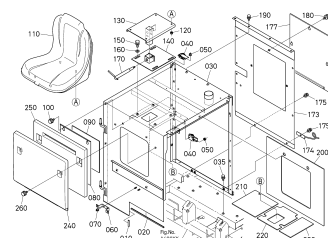


Fig.No. **A50900**
HỘP CÔNG CỤ
TOOL BOX

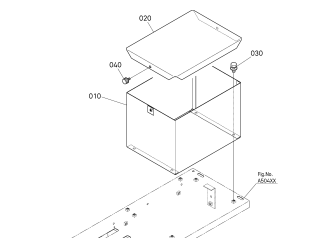


Fig.No. **A51000**
NẮP CHỐNG BỤI 1
DUSTPROOF COVER 1

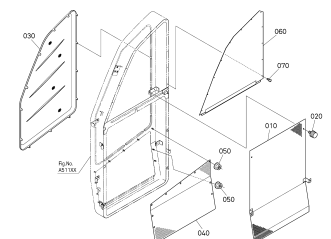


Fig.No. **A51100**
NẮP CHỐNG BỤI 2
DUSTPROOF COVER 2

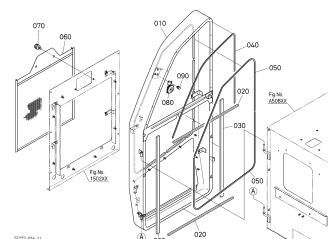


Fig.No. **A51400**
KÍNH CHIỀU HẬU
REARVIEW MIRROR

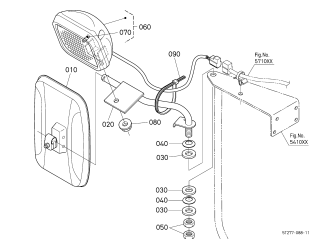
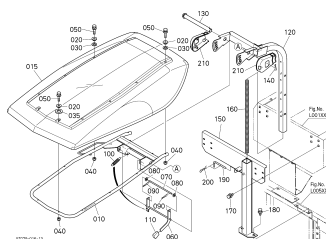


Fig.No. **A51500**
MÁI CHE
CANOPY



BỘ TRUYỀN NĂNG LƯỢNG POWER DRIVE

Fig.No. **A60000**
PULI BỘ ĐẾM
COUNTER PULLEY

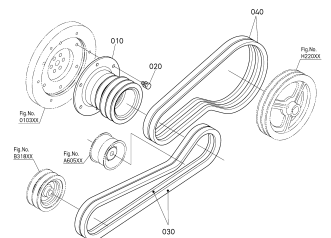
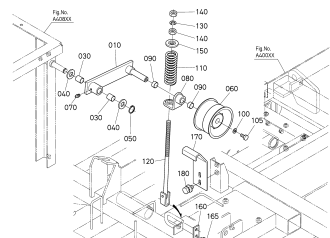


Fig.No. **A60500**
LỰC CĂNG (DI CHUYỂN)
TENSION (TRAVEL)



TRUYỀN TRANSMISSION

Fig.No. **B30000**
HỘP TRUYỀN ĐỘNG
TRANSMISSION CASE

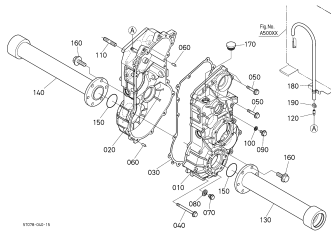


Fig.No. **B31000**
HST
HST

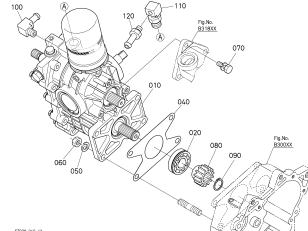


Fig.No. **B31100**
HST [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]
1
HST [COMPONENT
PARTS] 1

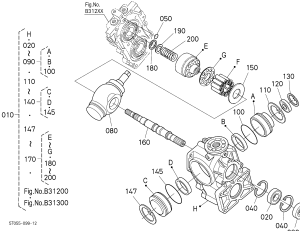


Fig.No. **B31200**
HST [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]
2
HST [COMPONENT
PARTS] 2

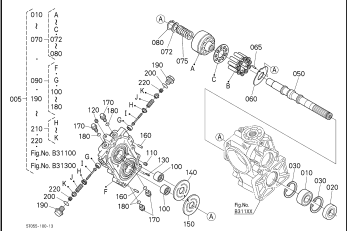


Fig.No. **B31300**
HST [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]
3
HST [COMPONENT
PARTS] 3

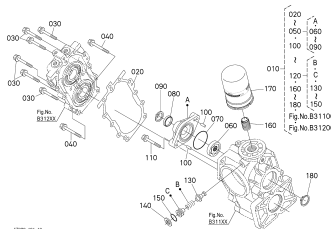


Fig.No. **B31800**
TRỤC ĐẦU VÀO HST
HST INPUT SHAFT

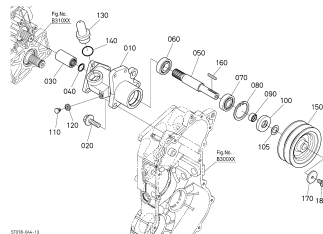


Fig.No. **B32000**
BÊN TRONG HỘP TRUYỀN
ĐỘNG 1
TRANSMISSION CASE
INSIDE 1

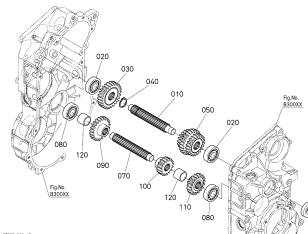


Fig.No. **B32400**
BÊN TRONG HỘP TRUYỀN
ĐỘNG 2
TRANSMISSION CASE
INSIDE 2

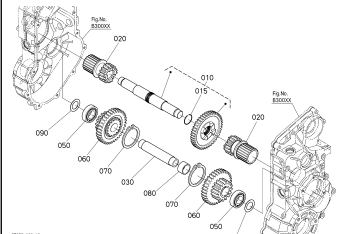


Fig.No. **B32800**
BÊN TRONG HỘP TRUYỀN
ĐỘNG 3
TRANSMISSION CASE
INSIDE 3

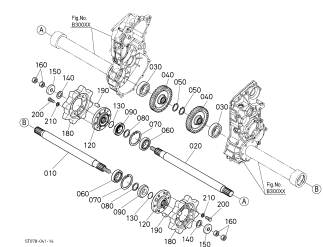


Fig.No. **B33000**
BÊN TRONG HỘP TRUYỀN
ĐỘNG 4
TRANSMISSION CASE
INSIDE 4

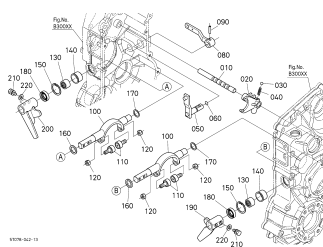
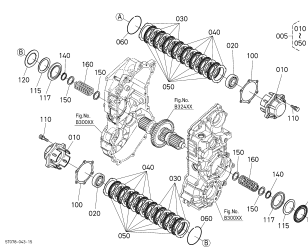


Fig.No. **B33200**
PHANH
BRAKE



KHUNG BÁNH XÍCH TRACK FRAME

Fig.No. **C10000**
MÁY KÉO CHẠY XÍCH
CRAWLER

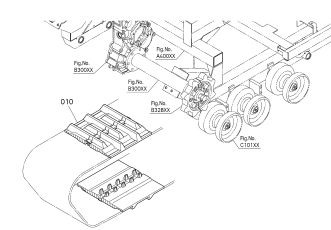


Fig.No. **C10101**
ỐNG LĂN BÁNH XÍCH TAY
TRÁI
TRACK ROLLER LH

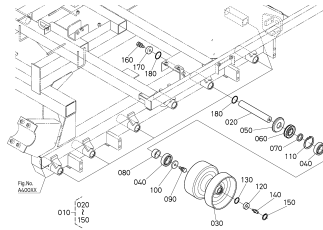


Fig.No. **C10102**
ỐNG LĂN BÁNH XÍCH TAY
PHẢI
TRACK ROLLER RH

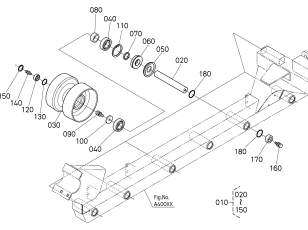


Fig.No. **C10301**
KHUNG LỰC CĂNG TAY
TRÁI
TENSION FRAME LH

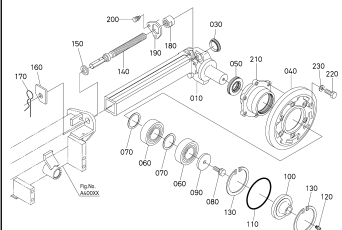


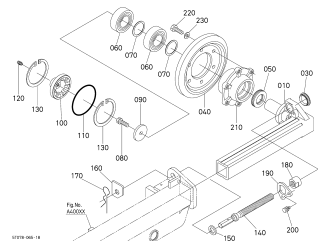
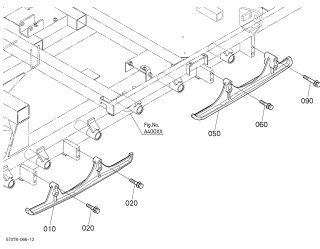
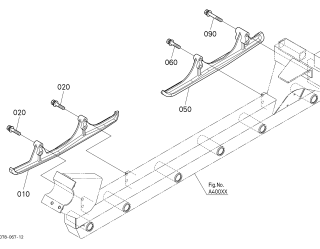
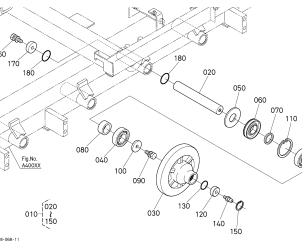
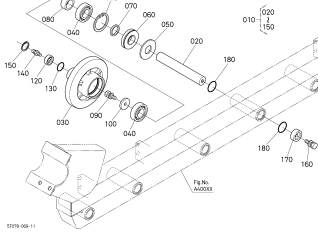
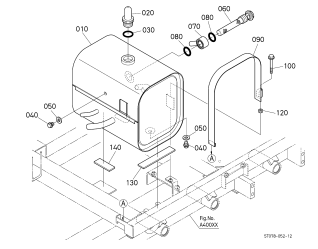
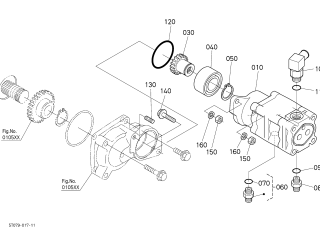
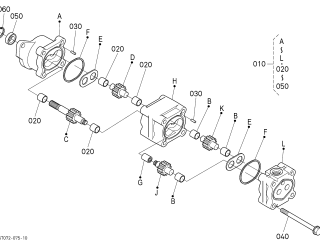
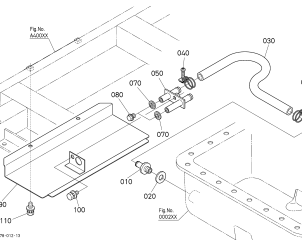
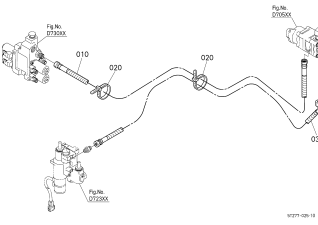
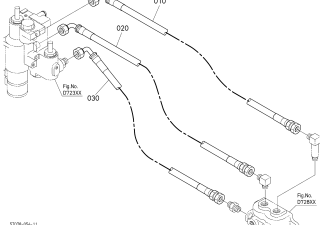
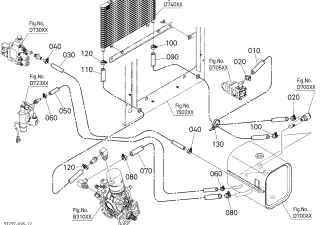
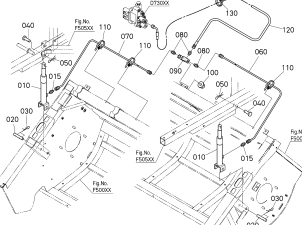
Fig.No. C10302 KHUNG LỰC CĂNG TAY PHẢI TENSION FRAME RH 	Fig.No. C10401 DẪN HƯỚNG BÁNH XÍCH TAY TRÁI CRAWLER GUIDE LH 	Fig.No. C10402 DẪN HƯỚNG BÁNH XÍCH TAY PHẢI CRAWLER GUIDE RH 	Fig.No. C10501 ỐNG LĂN TRUYỀN ĐỘNG TAY TRÁI DRIVE ROLLER LH 
Fig.No. C10502 ỐNG LĂN TRUYỀN ĐỘNG TAY PHẢI DRIVE ROLLER RH 			
HỆ THỐNG THỦY LỰC HYDRAULIC SYSTEM			
Fig.No. D70000 BỂ THỦY LỰC HYDRAULIC TANK 	Fig.No. D70500 BƠM THỦY LỰC HYDRAULIC PUMP 	Fig.No. D70600 CỦA BƠM THỦY LỰC [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] HYDRAULIC PUMP [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D70700 Ống Dẫn Dầu OIL DRAIN HOSE 
Fig.No. D71000 ỐNG THỦY LỰC 1 HYDRAULIC HOSE 1 	Fig.No. D71100 ỐNG THỦY LỰC 2 HYDRAULIC HOSE 2 	Fig.No. D71200 ỐNG THỦY LỰC 3 HYDRAULIC HOSE 3 	Fig.No. D72000 XYLẠNH MÁY NÂNG LỎI QUẢN REEL ELEVATOR CYLINDER 

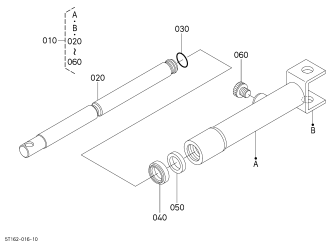
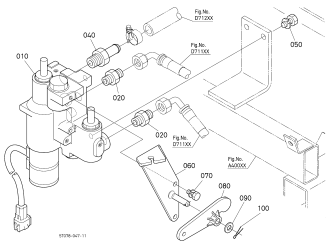
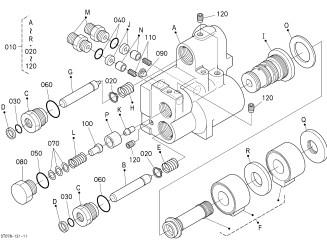
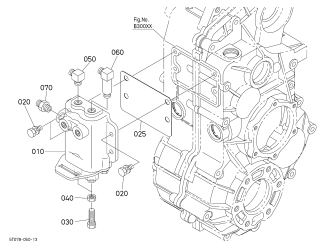
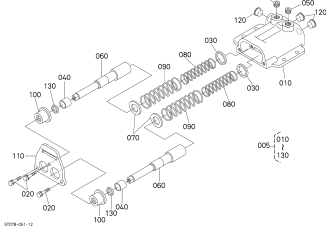
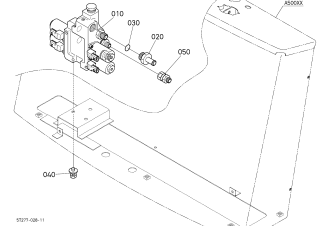
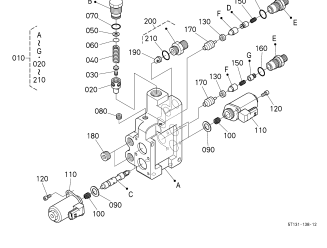
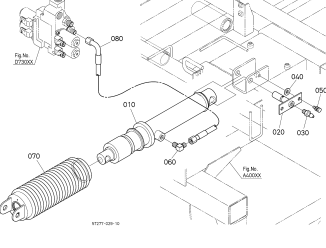
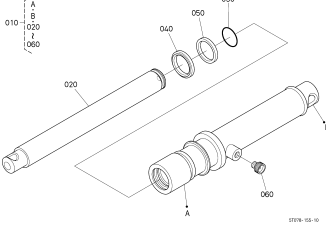
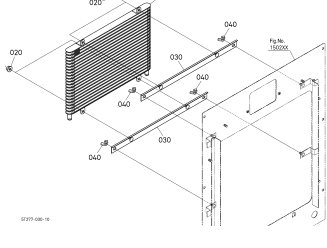
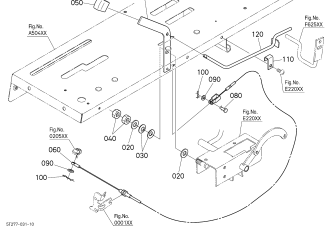
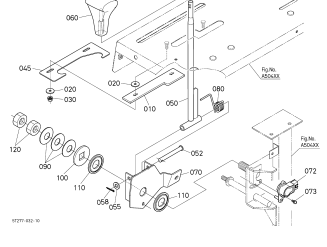
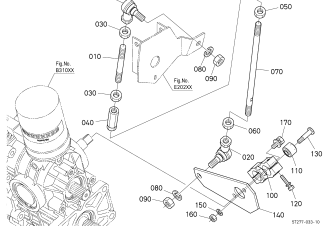
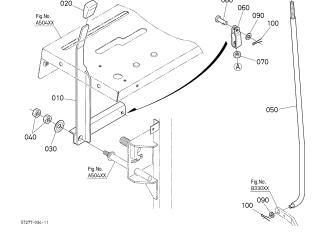
Fig.No. D72100 XYLANH MÁY NÂNG LỖI QUẢN [CỦM PHỤ TÙNG] REEL ELEVATOR CYLINDER [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D72300 BỘ THỦY LỰC (CÔNG TÁC) HYDRAULIC UNIT (MISSION) 	Fig.No. D72400 BỘ THỦY LỰC (CÔNG TÁC) [PHỤ TÙNG] HYDRAULIC UNIT (MISSION) [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D72800 XI-LANH KHỚP LY HỢP CLUTCH CYLINDER 
Fig.No. D72900 XI-LANH KHỚP LY HỢP [PHỤ TÙNG] CLUTCH CYLINDER [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D73000 BỘ PHẬN THỦY LỰC HYDRAULIC UNIT (HARVEST) 	Fig.No. D73100 BỘ PHẬN THỦY LỰC [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] HYDRAULIC UNIT (HARVEST) [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D73500 XYLANH GẶT HARVEST CYLINDER 
Fig.No. D73600 XYLANH GẶT [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] HARVEST CYLINDER [COMPONENT PARTS] 	Fig.No. D74000 BÌNH GIẢM NHIỆT DẦU OIL COOLER 		
VẬN HÀNH OPERATION			
Fig.No. E20000 CẦN GIA TỐC ACCELERATOR LEVER 	Fig.No. E20200 CẦN SANG SỐ CHÍNH MAIN GEAR SHIFT LEVER 	Fig.No. E20400 THANH SANG SỐ CHÍNH MAIN GEAR SHIFT ROD 	Fig.No. E20800 CẦN SANG SỐ THEO DÂY RANGE GEAR SHIFT LEVER 

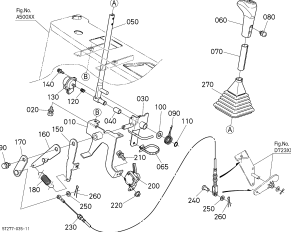
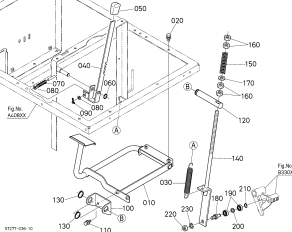
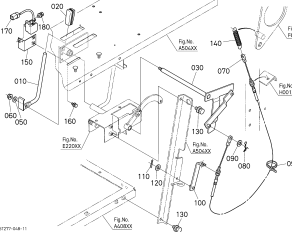
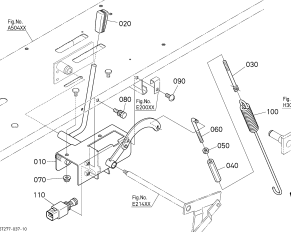
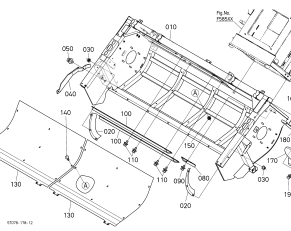
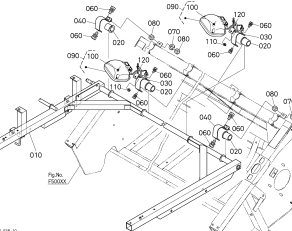
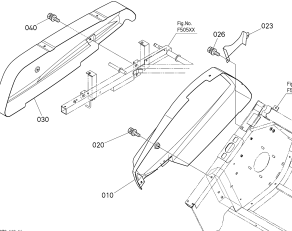
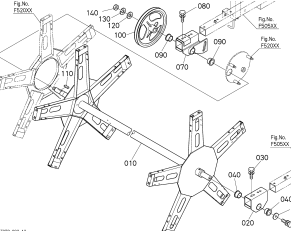
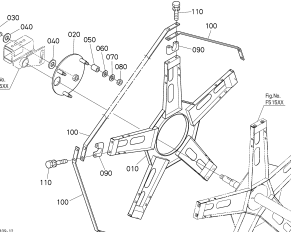
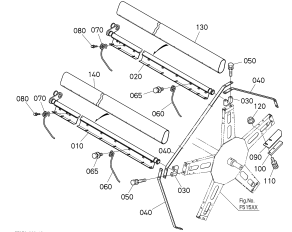
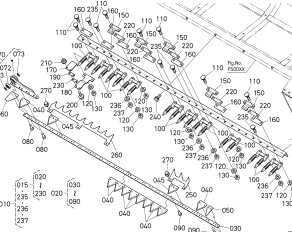
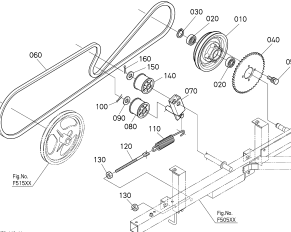
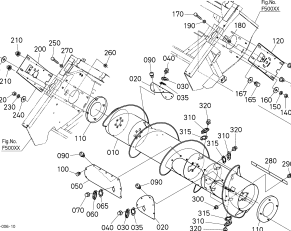
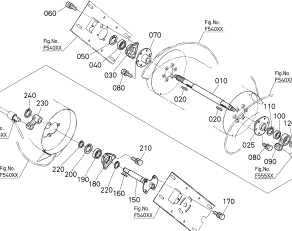
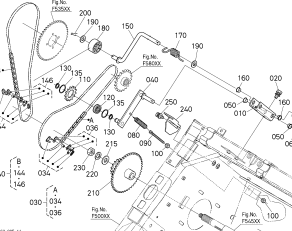
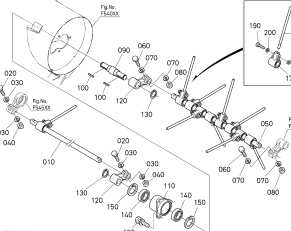
Fig.No. E21000 HỆ THỐNG LÁI STEERING 	Fig.No. E21200 BÀN ĐẠP PHANH BRAKE PEDAL 	Fig.No. E21400 CẦN ĐIỀU KHIỂN LY HỢP GẠT HARVEST CLUTCH LEVER 	Fig.No. E22000 CẦN ĐIỀU KHIỂN LY HỢP ĐẬP THRESHING CLUTCH LEVER 
GẠT HARVEST			
Fig.No. F50000 KHUNG GẠT HARVEST FRAME 	Fig.No. F50500 KHUNG LỖI QUẢN REEL FRAME 	Fig.No. F51000 NẮP KHUNG GẠT HARVEST FRAME COVER 	Fig.No. F51500 TRỤC TÂM LỖI QUẢN REEL CENTER SHAFT 
Fig.No. F52000 ĐIỀU CHỈNH LỖI QUẢN REEL ADJUSTMENT 	Fig.No. F52500 CHÓT TINE 	Fig.No. F53000 LUỖI CẮT BLADE REAPING 	Fig.No. F53500 CÀN KÉO TENSION ARM 
Fig.No. F54000 TRỒNG MÁY KHOAN AUGER DRUM 	Fig.No. F54500 TRỤC TRỒNG MÁY KHOAN AUGER DRUM SHAFT 	Fig.No. F55000 XÍCH TRỒNG MÁY KHOAN AUGER DRUM CHAIN 	Fig.No. F55500 TRỤC NGÓN TAY FINGER SHAFT 

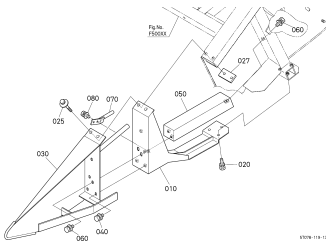
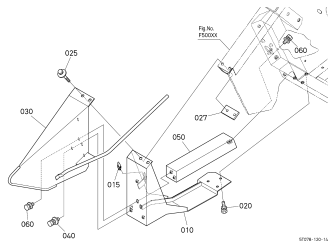
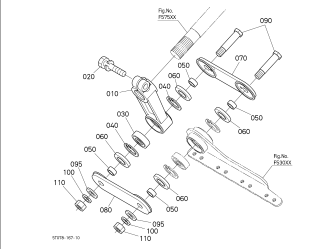
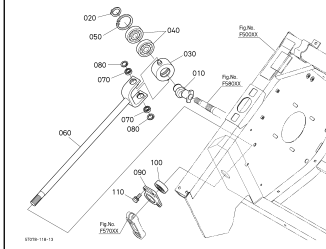
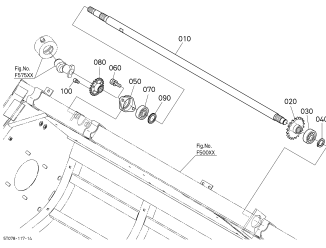
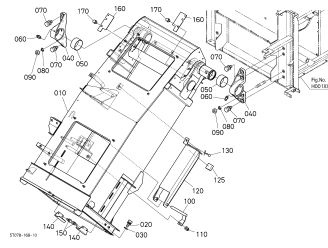
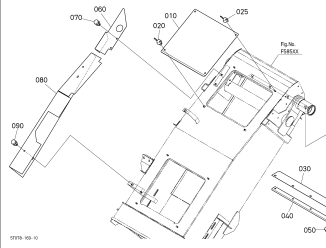
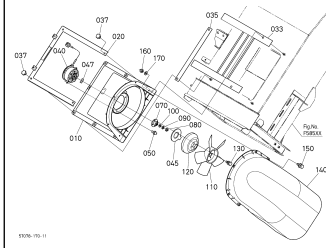
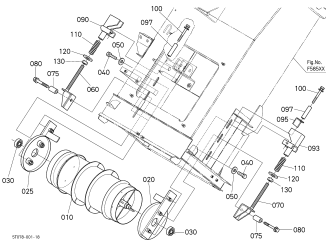
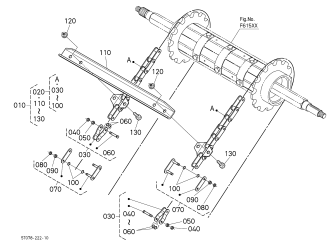
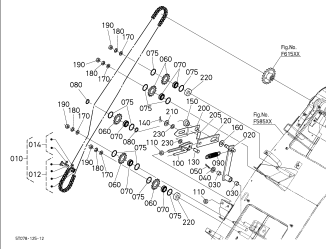
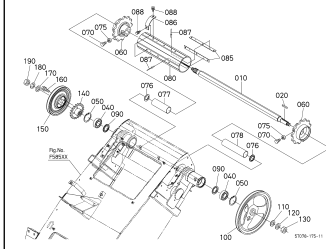
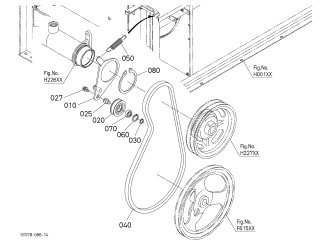
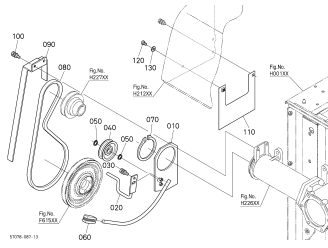
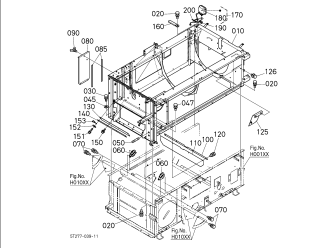
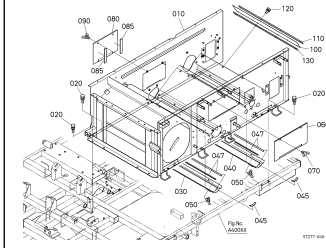
Fig.No. F56000 BỘ CHIA TRÁI DIVIDER LH 	Fig.No. F56500 BỘ CHIA PHẢI DIVIDER RH 	Fig.No. F57000 CÁNH TAY TRUYỀN ĐỘNG LƯỚI CẮT BLADE REAPING DRIVE ARM 	Fig.No. F57500 TRỤC TRUYỀN ĐỘNG LƯỚI CẮT BLADE REAPING DRIVE SHAFT 
Fig.No. F58000 TRỤC TRUYỀN ĐỘNG GẶT HARVEST DRIVE SHAFT 	Fig.No. F58500 KHUNG ỐNG DẪN FEEDER FRAME 	Fig.No. F59000 NẮP ỐNG DẪN FEEDER COVER 	Fig.No. F59500 NẮP QUẠT ỐNG DẪN FEEDER FAN COVER 
Fig.No. F60000 TRỐNG ỐNG DẪN FEEDER DRUM 	Fig.No. F60500 XÍCH TRUYỀN ĐỘNG ỐNG DẪN FEEDER DRIVE CHAIN 	Fig.No. F61000 XÍCH TRUYỀN ĐỘNG GẶT HARVEST DRIVE CHAIN 	Fig.No. F61500 TRỤC TRUYỀN ĐỘNG ỐNG DẪN FEEDER DRIVE SHAFT 
ĐẬP THRESHING			
Fig.No. F62000 CÀN KÉO GẶT HARVEST TENSION ARM 	Fig.No. F62500 CÀN ĐẢO CHIỀU GẶT HARVEST REVERSAL LEVER 	Fig.No. H00101 KHUNG ĐẬP (PHÍA TRÊN) THRESHING FRAME (UPPER) 	Fig.No. H00102 KHUNG ĐẬP (PHÍA DƯỚI) THRESHING FRAME (LOWER) 

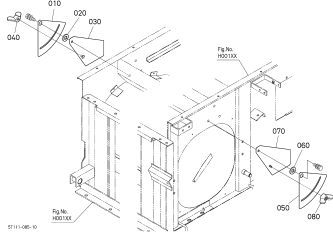
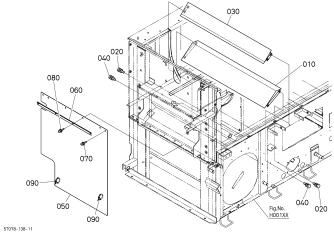
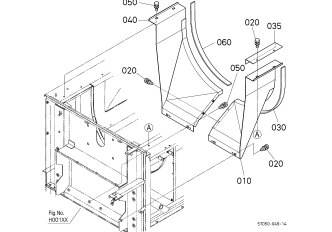
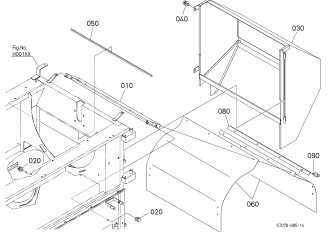
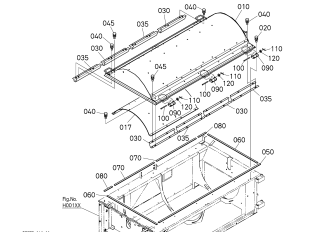
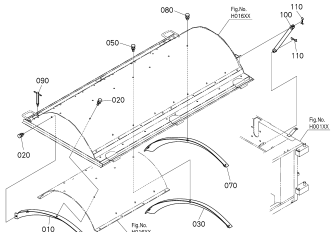
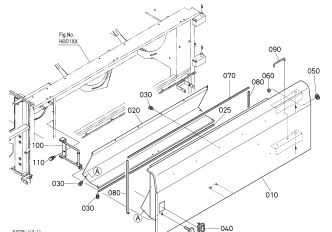
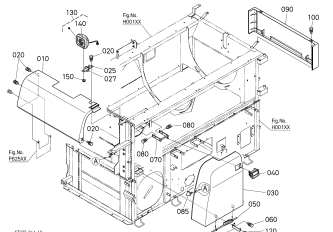
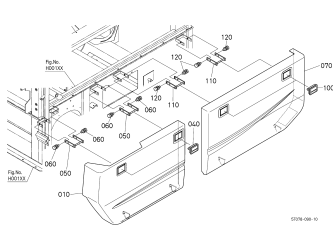
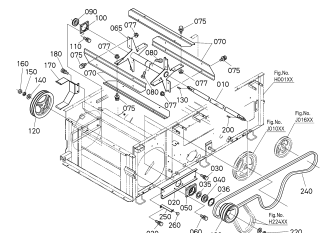
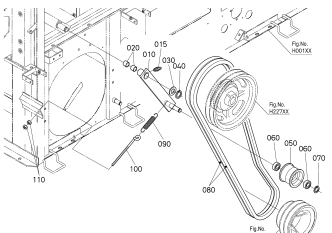
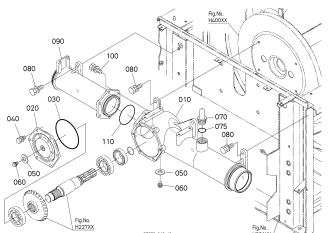
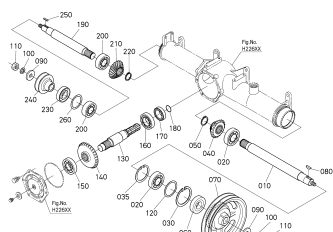
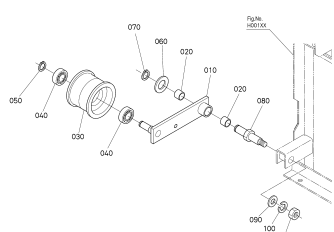
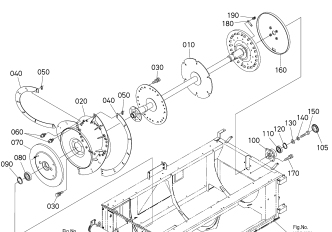
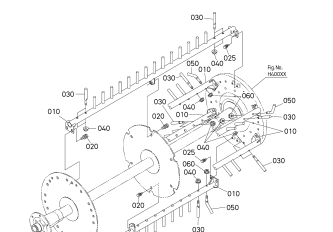
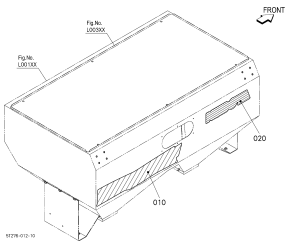
Fig.No. H01000 ĐĨA MÁY QUẠT THÓC WINNOWER PLATE 	Fig.No. H01100 ĐĨA CHỈ HƯỚNG GIÓ WIND DIRECTION PLATE 	Fig.No. H01200 ĐĨA NẠP INLET PLATE 	Fig.No. H01400 NẮP CHẨN BỤI DUSTING COVER 
Fig.No. H01600 CA BÔ ĐẬP THRESHING BONNET 	Fig.No. H01800 VAN TẢI BỤI DUST CARRYING VALVE 	Fig.No. H21000 NẮP MỞ-ĐÓNG OPEN-CLOSE COVER 	Fig.No. H21200 NẮP ĐẬP (TRƯỚC/SAU) THRESHING COVER (FRONT/BACK) 
Fig.No. H21500 NẮP ĐẬP (BÊN HÔNG) THRESHING COVER (SIDE) 	Fig.No. H22000 TRỤC MÁY QUẠT THÓC WINNOWER SHAFT 	Fig.No. H22400 CÀN KÉO XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER TENSION ARM 	Fig.No. H22600 HỘP SÓ TRUYỀN ĐỘNG XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER DRIVE CASE 
Fig.No. H22700 TRỤC TRUYỀN ĐỘNG XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER DRIVE SHAFT 	Fig.No. H30600 CÀN KÉO ĐẬP THRESHING TENSION ARM 	Fig.No. H40000 TRỤC XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER SHAFT 	Fig.No. H40200 RĂNG XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER TOOTH 

Fig.No. J02000 TRỤC MÁY KHOAN DỌC THỦ 2 SECOND VERTICAL AUGER SHAFT			
PHỄU HOPPER			
Fig.No. L00100 THÂN PHỄU NẠP LIỆU HOPPER BODY	Fig.No. L00300 NẮP PHỄU NẠP LIỆU HOPPER COVER	Fig.No. L00400 CỬA SẬP SHUTTER	Fig.No. L00500 TRỤ ĐỖ PHỄU NẠP LIỆU HOPPER SUPPORT
Fig.No. L01000 CỬA CHẮN PHỄU NẠP LIỆU HOPPER GUARD	Fig.No. L01500 TẤM LÓT CANVAS		
NHÃN LABELS			
Fig.No. N10000 NHÃN (ĐỘNG CƠ) LABEL (ENGINE)	Fig.No. N10500 NHÃN (THÂN) LABEL (BODY)	Fig.No. N11000 NHÃN (GẶT) LABEL (HARVEST)	Fig.No. N11500 NHÃN (ĐẬP) LABEL (THRESHING)

Fig.No. **N12000**
NHÂN (PHẪU NẠP LIỆU)
LABEL (HOPPER)



**PHỤ KIỆN
ACCESSORIES**

Fig.No. **R10000**
PHỤ TÙNG ĐÍNH KÈM 1
ACCESSORIES 1

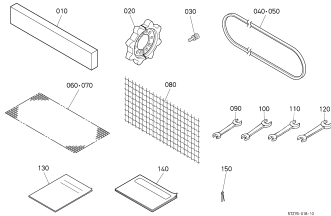
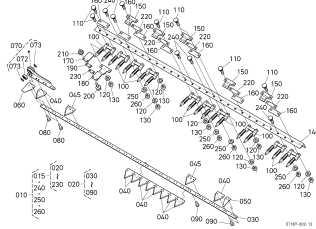
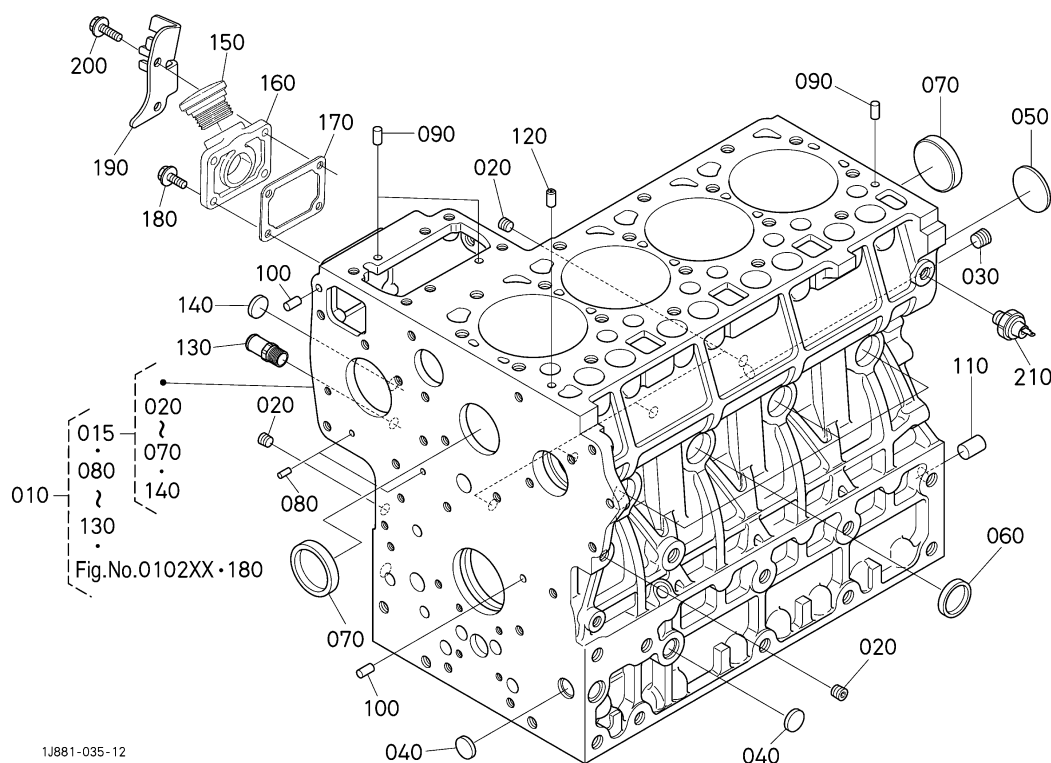


Fig.No. **R10100**
PHỤ TÙNG ĐÍNH KÈM 2
ACCESSORIES 2



000100



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

000300



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

000400

HỘ SỔ

GÉAR CASE

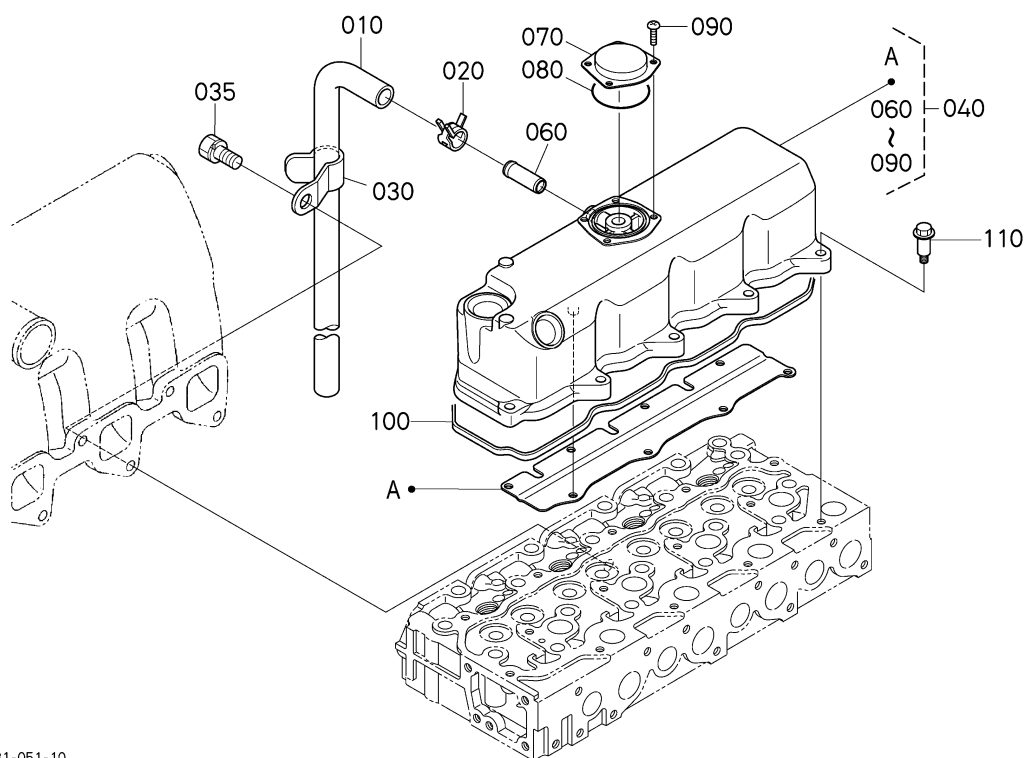


A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

000500



1J881-051-10

A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

000700



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

010000



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

010100

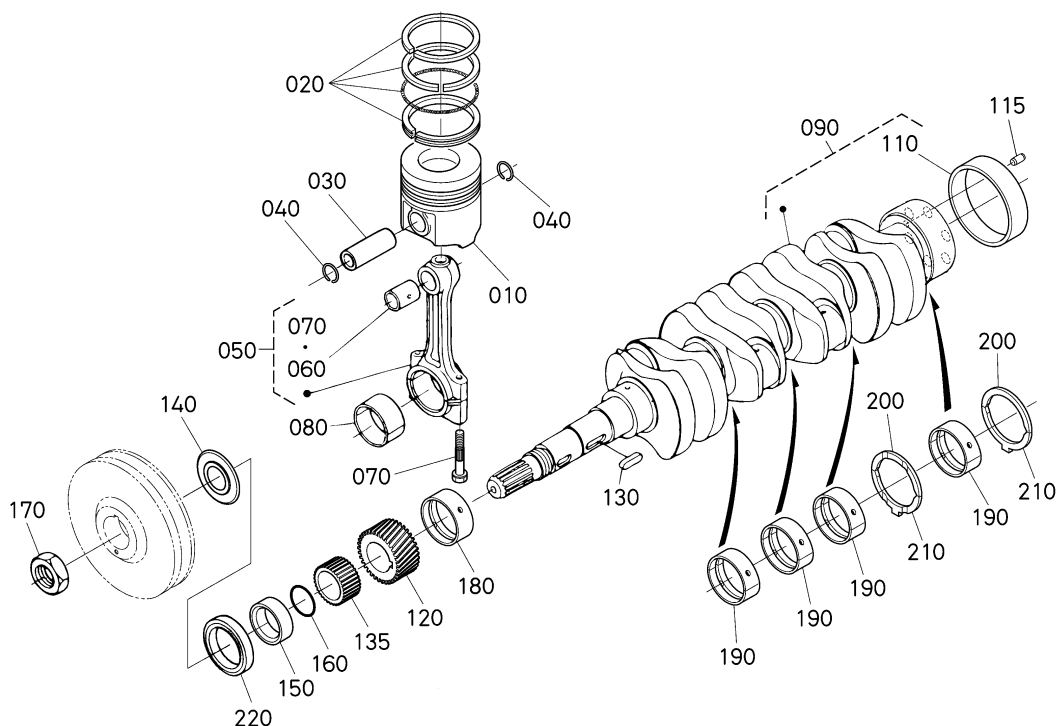


A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

010200 PÍT-TÔNG VÀ TAY QUAY PISTON AND CRANKSHAFT



1J881-046-13

A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	1J881-2111-0	PÍT-TÔNG	PISTON	4		(H05)STD
010	1J881-2190-0	PITTÔNG	PISTON(05,025)	4		(H05)+0.25mm
020	1J881-2105-0	KẾT CẤU VÒNG PITTÔNG	RING,PISTON,ASSY	4		STD
020	1J881-2109-0	KẾT CẤU VÒNG PITTÔNG	RING,PISTON,ASSY(025)	4		+0.25mm
030	1J864-2131-2	CHÓT, PITTÔNG	PISTON PIN	4		
040	1J864-2133-0	KẸP TRÒN,BỘ PHẬN TRONG	CLIP, PISTONPIN	8		
050	1J881-2201-2	KẾT CẤU THANH, NỐI	ROD,CONNECTING,ASSY	4		
060	1G924-2198-0	ỔNG LÓT, CHÓT PITTÔNG	BUSH,PISTON PIN	4		
070	1J864-2214-0	BU LÔNG, THANH NỐI	BOLT,CONNECTING ROD	8		
080	1J864-2290-0	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	METAL,KIT(CRANKPIN)	4		STD/BỘ
080	1J864-2291-0	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	METAL,KIT(CRANKPIN,02)	4		-0.20 mm/BỘ
080	1J864-2292-0	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	METAL,KIT(CRANKPIN,04)	4		-0.40 mm/BỘ
090	1J884-2301-0	Bộ trục khuỷu	CRANKSHAFT,COMP	1		
110	1J887-2328-0	NÚT	BUSHING(CRANKSHAFT)	1		
115	1A021-2319-2	CHÓT, THẲNG	PIN,STRAIGHT	1		
120	1J871-2411-0	BÁNH RĂNG, TAY QUAY	GEAR(CRANKSHAFT)	1		
130	05712-00720	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	KEY, FEATHER	1		
135	1J884-3563-0	BÁNH RĂNG, BỘ TRUYỀN ĐỘNG BƠM DẦU	GEAR(OIL PUMP DRIVE)	1		
140	1J871-2332-0	NẬP (VÒNG ĐỆM CHẶN DẦU)	COVER(OIL SEAL)	1		
150	1J864-2325-0	VÒNG ĐỆM	COLLAR(CRANKSHAFT)	1		
160	1J884-2327-0	Phốt chữ O	O-RING	1		
170	15221-2336-0	ĐAI ỐC, TAY QUAY	NUT,CRANKSHAFT	1		
180	1A091-2347-2	KIM LOẠI, TAY QUAY	METAL,CRANKSHAFT	1		STD
180	1A091-2391-0	KIM LOẠI, TAY QUAY	METAL,CRANKSHAFT	1		-0.20mm
180	1A091-2392-0	KIM LOẠI, TAY QUAY	METAL,CRANKSHAFT	1		-0.40mm
190	1J864-2340-0	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	METAL,KIT(CRANKSHAFT,2)	4		STD/BỘ
190	1J864-2388-0	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	METAL,KIT(CRANKSHAFT,2,02)	4		-0.20 mm/BỘ
190	1J864-2389-0	BỘ KIM LOẠI,ĐỘNG CƠ	METAL,KIT(CRANKSHAFT,2,04)	4		-0.40 mm/BỘ
200	1J864-2353-0	KIM LOẠI, BÊN HÔNG	METAL,SIDE	2		STD
200	1J864-2395-0	KIM LOẠI, BÊN HÔNG	METAL,SIDE(1,02)	2		+0.20mm

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

010200

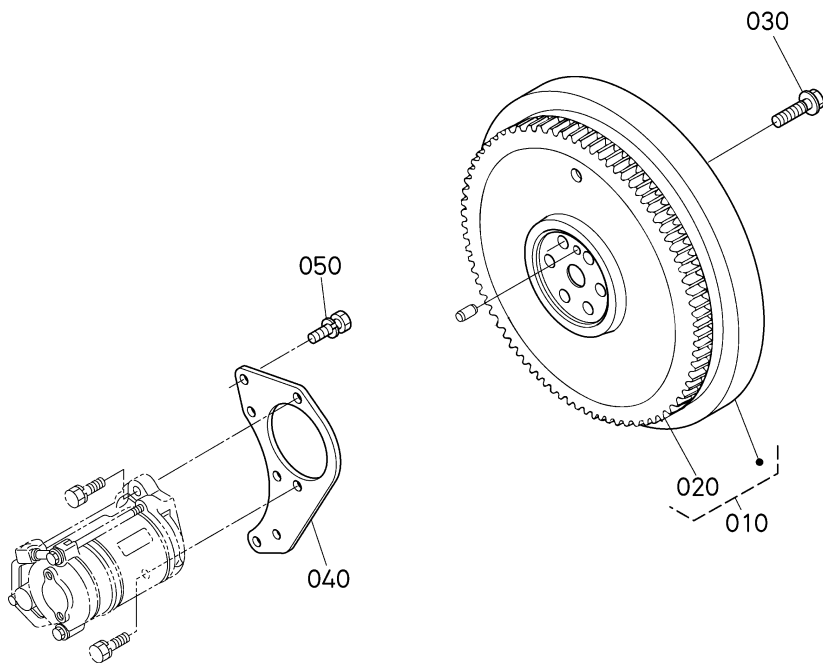


A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**010300 BÁNH ĐÀ
FLYWHEEL**



1J881-010-10

A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

010500



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

020000



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

$\Leftrightarrow$ Thay thế được:

020200



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

020500



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

020601



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**020602 ỐNG THOÁT NƯỚC
OVER FLOW PIPE**



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

050000



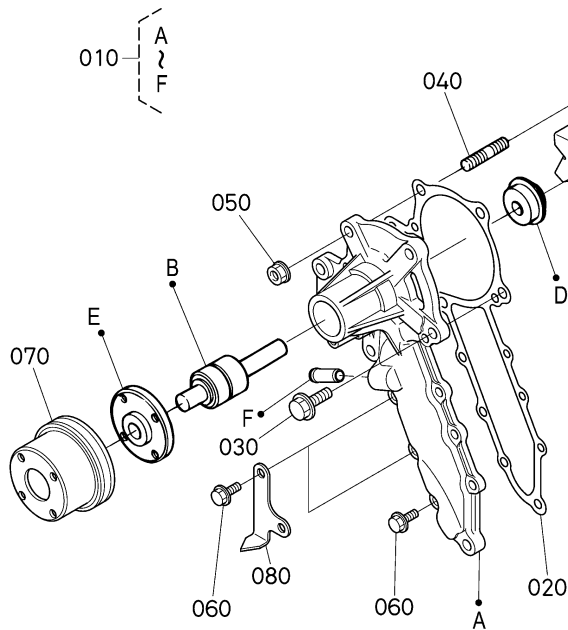
A:V2403-M-DI-TE-CS4T

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

050100

MÁY BƠM NƯỚC

WATER PUMP



1J881-040-12

A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**050400 QUAT
FAN**



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

060000



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

060100



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

060200

ÔNG XÃ



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

MÃ SỐ PHỤ TÙNG
PART No

TÊN PHỤ TÙNG

PART NAME

SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	A
---------------------------------	---

I.C
I.CI.C
I.CLU'U Ý
REMARKS

010

1J881-1231-2

ÔNG. XÀ

MANIFOLD(EXHAUST)

1

020

1J872-1235-2

ĐÊM LÓT, ỒNG XÀ

GASKET,EX-MANIFOLD

1

030

1J872-1236-2

ĐÊM LÓT, ỚNG XÀ

GASKET,EX-MANIFOLD

1

040

1J864-9155-0

ĐÌNH ĐẦU TỌ

STUD

6

050

16429-9201-0

ĐẠI ỒC

NUT WITH LOCK WASHER

8

060

1J881-9149-0

ĐÌNH ĐẦU TỌ

STUD

2

**061200 ÔNG BÔ
MUFFLER**



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

061600



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

061800

BỘ LỌC KHÍ AIR CLEANER



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

061900



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

062000



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

070200



A:V2403-M-DI-TE-CS4T

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

130400



Fig.No.
A400XX

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

132501



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

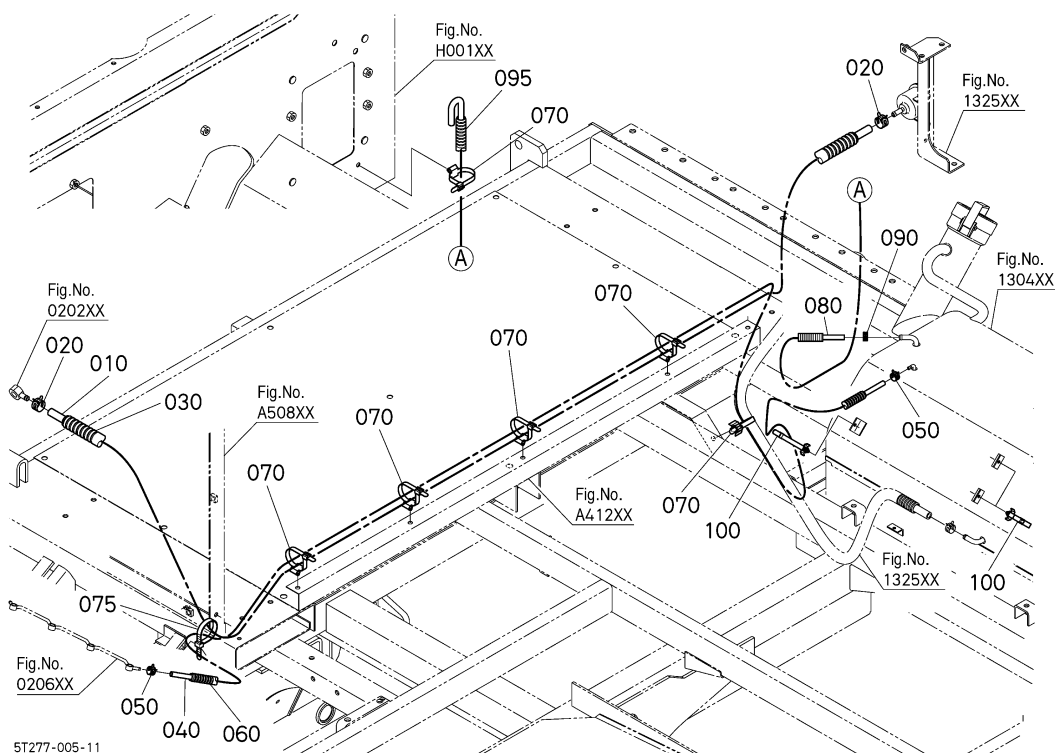
$\longleftrightarrow$ Thay thế được;

ong thay thế được;

← Mới thay cho cũ được;

→ Cũ thay cho mới được

132502 ỐNG NHIÊN LIỆU 2
FUEL PIPE 2

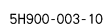


A:DC-70 PRO VN

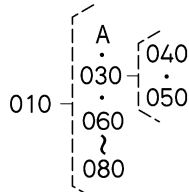
[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

132600

[illegible]

133000



A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

150200



Fig.No.
A508XX

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

150300

ỐNG NƯỚC WATER PIPE

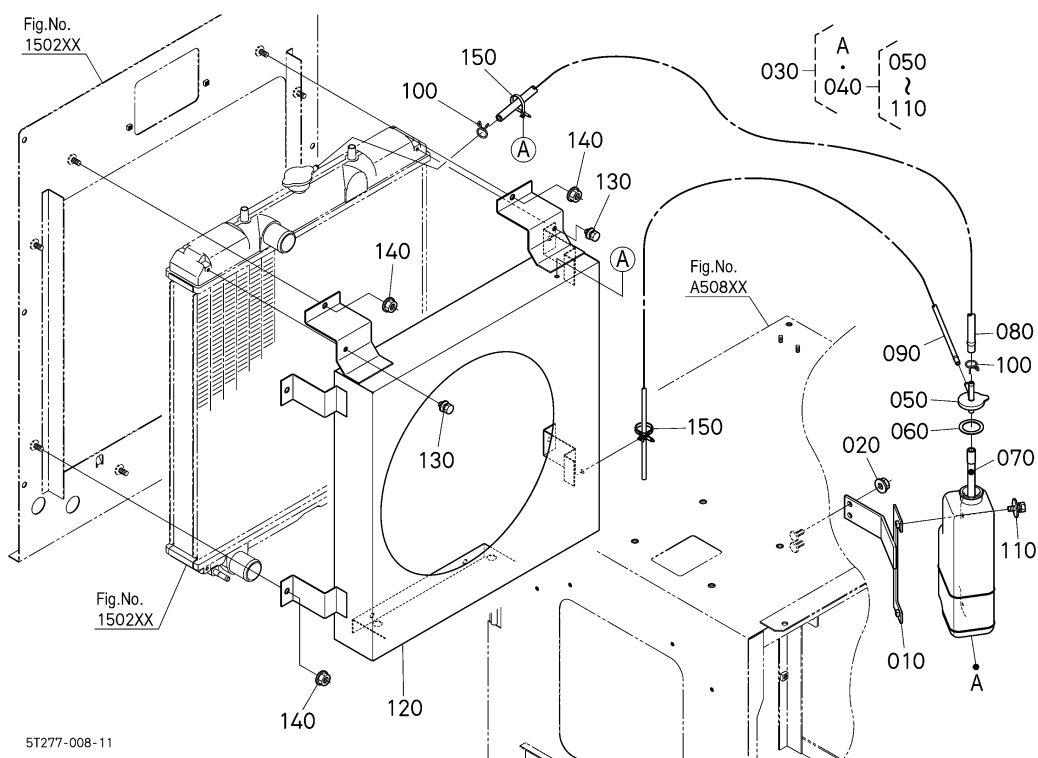


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

150500



5T277-008-11

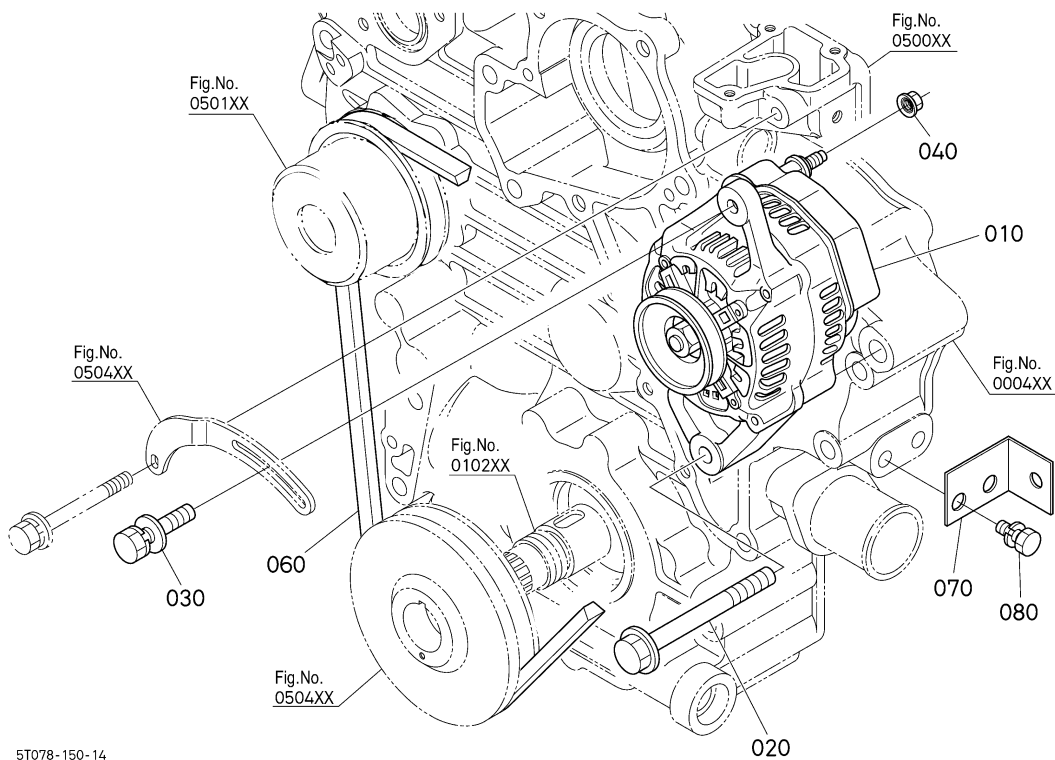
A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

501000

MÁY GIAO ĐIỆN ALTERNATOR



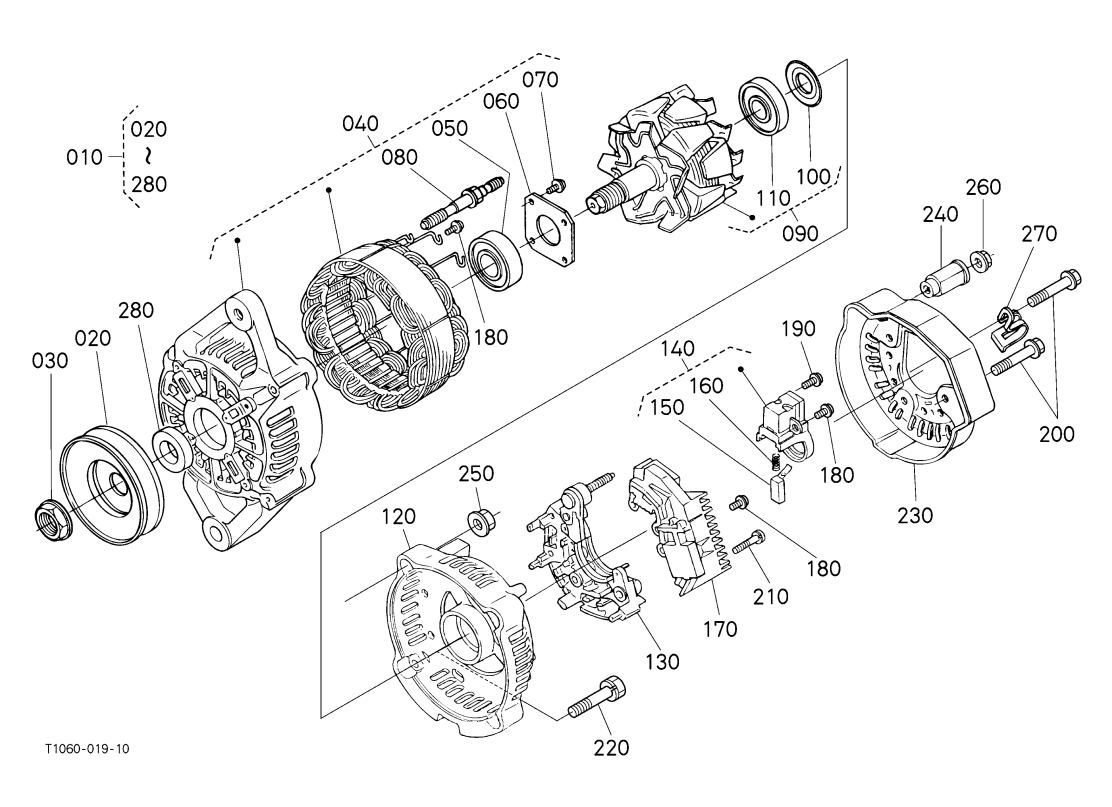
5T078-150-14

A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

502000

[NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH]CỦA MÁY GIAO ĐIỆN
ALTERNATOR [COMPONENT PARTS]



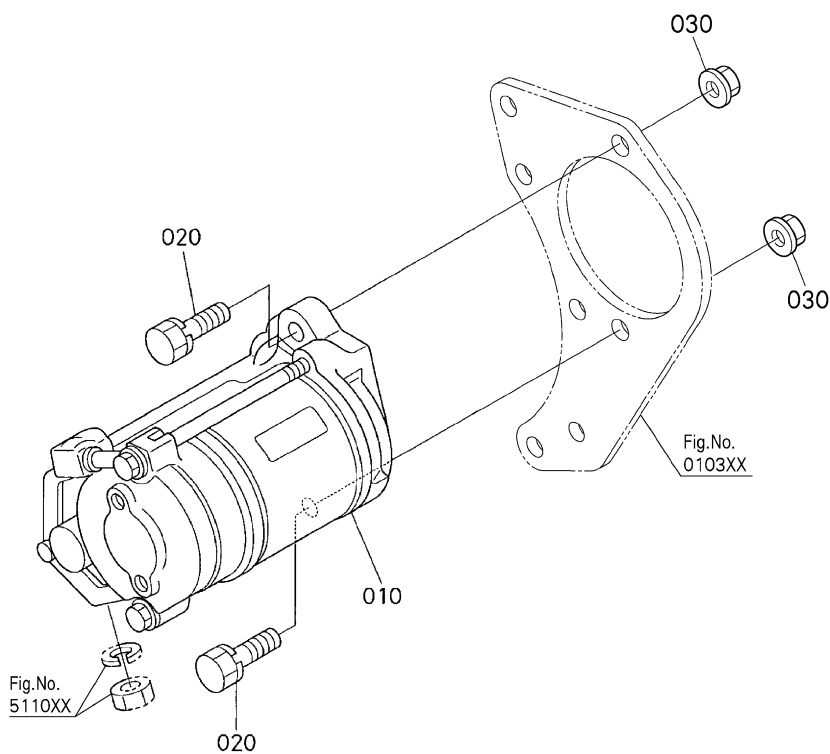
A:DC-70 PRO VN						
SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5H669-4250-3	Bộ phát điện	ASSY ALTERNATOR	1		60A
020	5H730-4251-0	PULI, MÁY GIAO ĐIỆN	PULLEY, ALTERNATOR	1		
030	15881-9201-0	ĐINH ỐC	NUT	1		
040	1K411-6402-2	KẾT CẤU KHUNG, ĐẦU DẪN ĐỘNG	ASSY FRAME,DRIVE END	1		
050	16652-6478-2	Ổ,BI	BEARING BALL	1		
060	15881-6471-0	ĐĨA, CHẶN	PLATE, RETAINER	1		
070	15881-9301-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	4		
080	15881-6426-0	BU LÔNG, XUYỀN	BOLT, THROUGH	2		
090	TA043-6404-0	RÔTÔ	ROTOR	1		
100	15881-6480-0	NẮP, Ổ TRỤC	COVER, BEARING	1		
110	16652-6477-0	Ổ,BI	BEARING BALL	1		
120	T1065-1561-0	KHUNG, CUỐI	FRAME,END REAR	1		
130	T1275-1563-0	GIÁ ĐỠ	HOLDER	1		
140	16652-6431-0	GIÁ ĐỠ, BÀN CHẢI	HOLDER BRUSH	1		
150	15881-6409-0	BÀN CHẢI	BRUSH	2		
160	15881-6433-0	LÒ SO, BÀN CHẢI	SPRING, BRUSH	2		
170	1K531-6460-3	Bộ điều chỉnh	ASSY REGULATOR	1		
180	15881-9303-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	6		
190	15881-9304-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	1		
200	15881-9104-0	BU LÔNG	BOLT	3		
210	15881-9302-0	ĐINH VÍT, ĐẦU TRÒN	SCREW, ROUND HEAD	2		
220	15881-9105-0	BU LÔNG	BOLT	2		
230	T1065-1566-0	NẮP, PHÍA SAU CÙNG	COVER,END REAR	1		
240	16241-6490-0	ÔNG LÓT, CÁCH NHIỆT	BUSH INSULATION	1		
250	15881-9202-0	ĐINH ỐC	NUT	2		
260	14182-9203-0	ĐINH ỐC	NUT	1		
270	17369-6757-0	VÒNG SIẾT, DÂY	CLAMP CORD	1		
280	15881-6415-0	VÒNG ĐAI	COLLAR	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

505000

BỘ PHẬN KHỞI ĐỘNG

STARTER



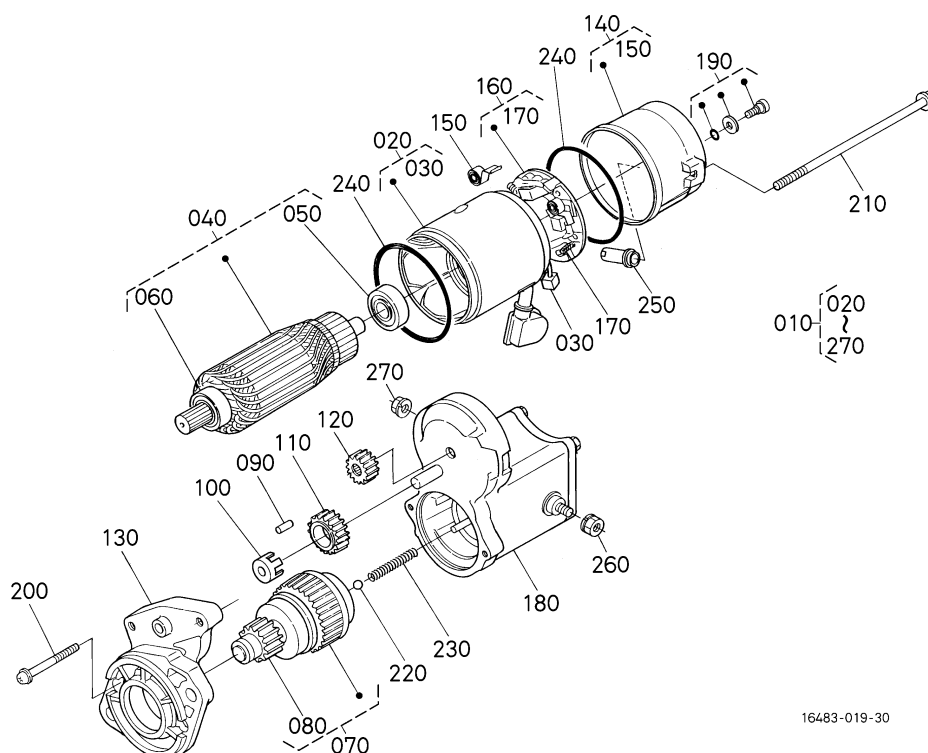
5T277-046-10

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

506000

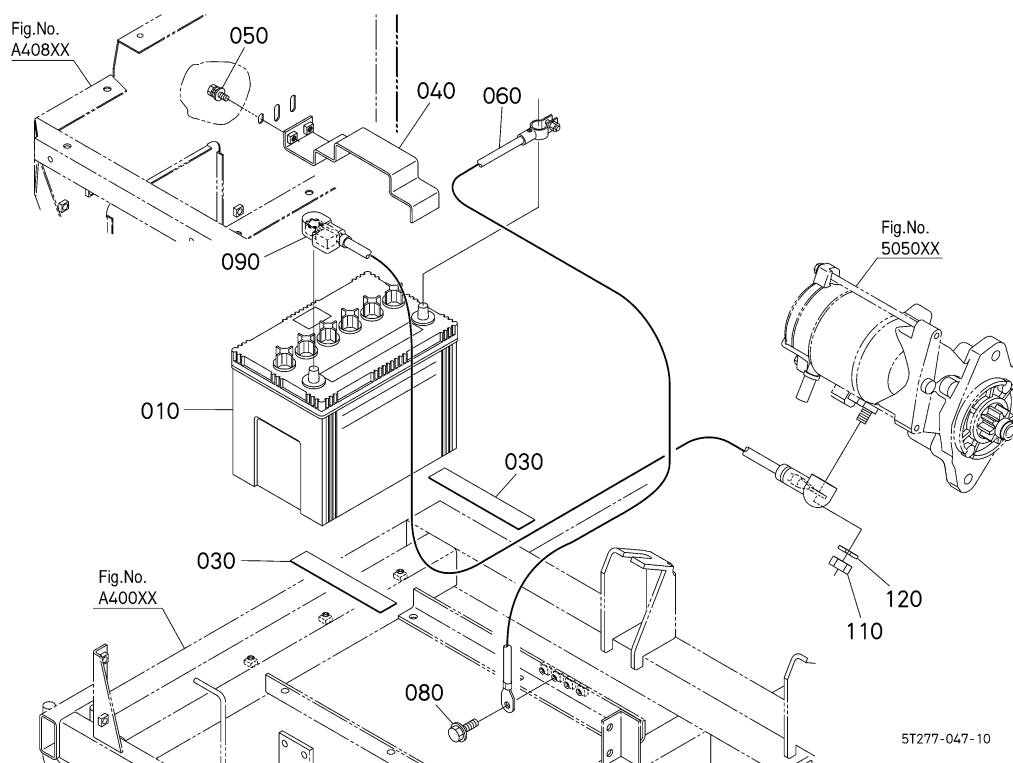


A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri	I.C.	LƯU Ý REMARKS
				Q'TY/S.No.		
				A		
010	17123-6301-7	KẾT CẤU BỘ PHẦN KHỞI ĐỘNG	ASSY STARTER	1		
020	17123-6308-0	GÔNG	YOKE	1		
030	15425-6340-0	BÀN CHAI CÔNG CỤ	KIT BRUSH	2		
040	17123-6307-0	PHẦN ỨNG	ARMATURE	1		
050	17123-6350-0	Ổ TRỤC	BEARING	1		
060	11460-6350-0	Ổ TRỤC	BEARING	1		
070	17123-6304-0	KHỚP LY HỢP, SIÊU VIỆT	CLUTCH(OVER RUNNING)	1		
080	17311-6328-0	BÁNH RĂNG, BÁNH RĂNG CHỦ ĐỘNG	GEAR,PINION	1		
090	19212-6310-0	TRỤC LĂN	ROLLER	5		
100	11460-6311-0	CÁI CHẶN	RETAINER	1		
110	11460-6327-0	BÁNH RĂNG	GEAR	1		
120	17123-6326-0	BÁNH RĂNG	GEAR	1		
130	17123-6303-0	KHUNG, ĐẦU DẪN ĐỘNG	FRAME,DRIVE END	1		
140	17123-6320-0	KHUNG, CUỐI	FRAME,END	1		
150	15425-6339-0	LÒ SO, BÀN CHAI	SPRING,BRUSH	4		
160	17123-6338-0	GIÁ ĐỖ, BÀN CHAI	HOLDER,BRUSH	1		
170	17123-6314-0	LÒ XO 1	SPRING	4		
180	1J979-6302-0	Vỏ bộ khởi động	SWITCH,ASSY(MAGNETIC)	1		
190	17123-9331-0	ĐINH VÍT	SCREW	2		
200	17123-9332-0	ĐINH VÍT	SCREW	2		
210	17123-6332-0	BU LÔNG, XUYỀN	BOLT,THROUGH	2		
220	19212-9713-0	BI	BALL	1		
230	11460-6312-0	LÒ XO 1	SPRING	1		
240	15511-9666-0	VÒNG CHỮ O	O RING	2		
250	16285-6357-0	ỐNG, THÁO NƯỚC	PIPE,DRAIN	1		
260	13963-9201-0	ĐAI ỐC, LỤC GIÁC	NUT,HEXAGON	1		
270	16285-9201-0	ĐAI ỐC, LỤC GIÁC	NUT,HEXAGON	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

511000 AC QUY BATTERY



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**521000 CÔNG TẮC ĐỘNG CƠ
ENGINE SWITCH**

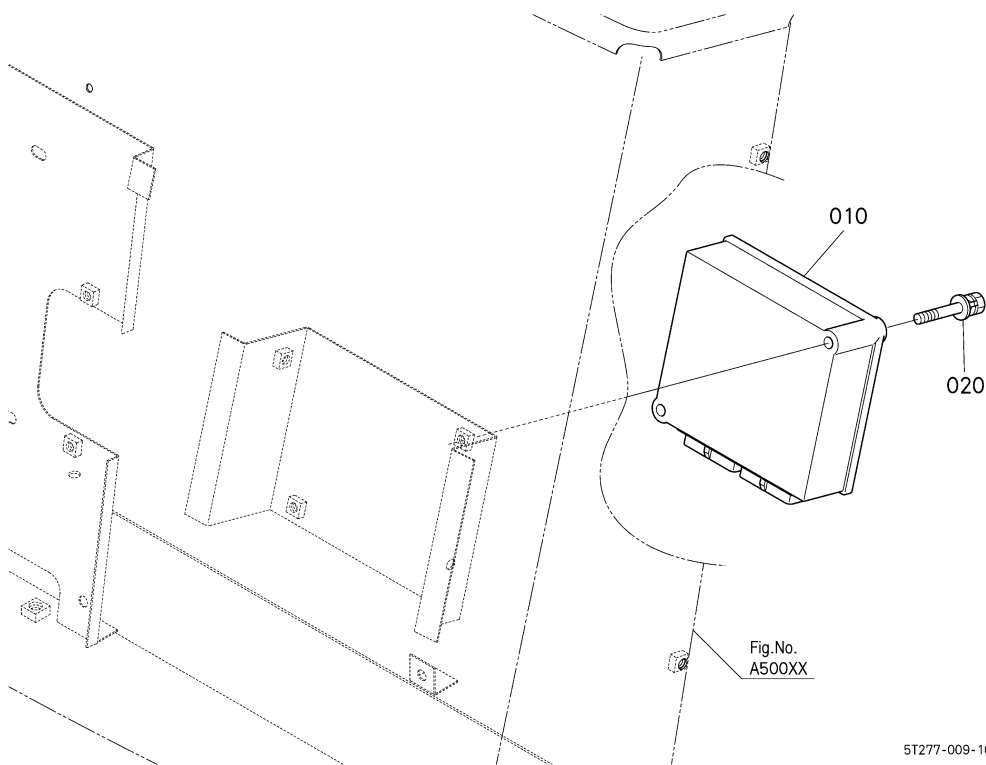


A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**522600 BỘ MI-CON (THÂN)
MI-CON UNIT (BODY)**



5T277-009-10

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

522800



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

523000



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

531000

TÂM MẶT TRU FRONT PANEL



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

531 400



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỔ THAM KHẢO
REF.No.

531600



A:DC-70 PRO VN-HOPPER

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

$\longleftrightarrow$ Thay thế được;

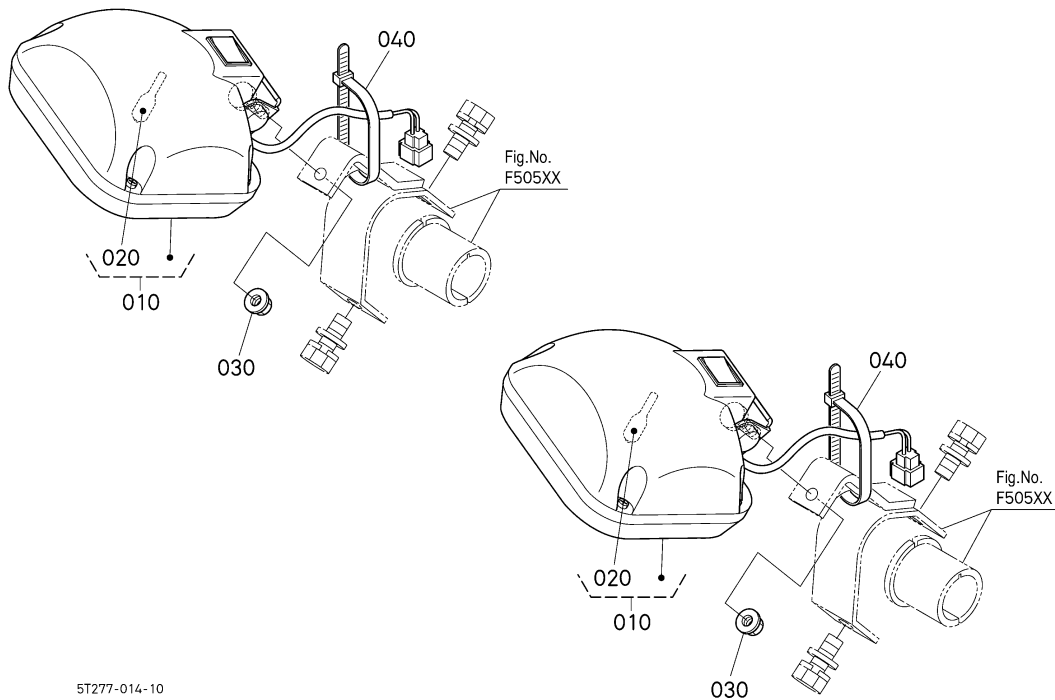
541001



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**541002 ĐÈN TÁC NGHIỆP (GẮT)
WORK LIGHT (HARVEST)**



5T277-014-10

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

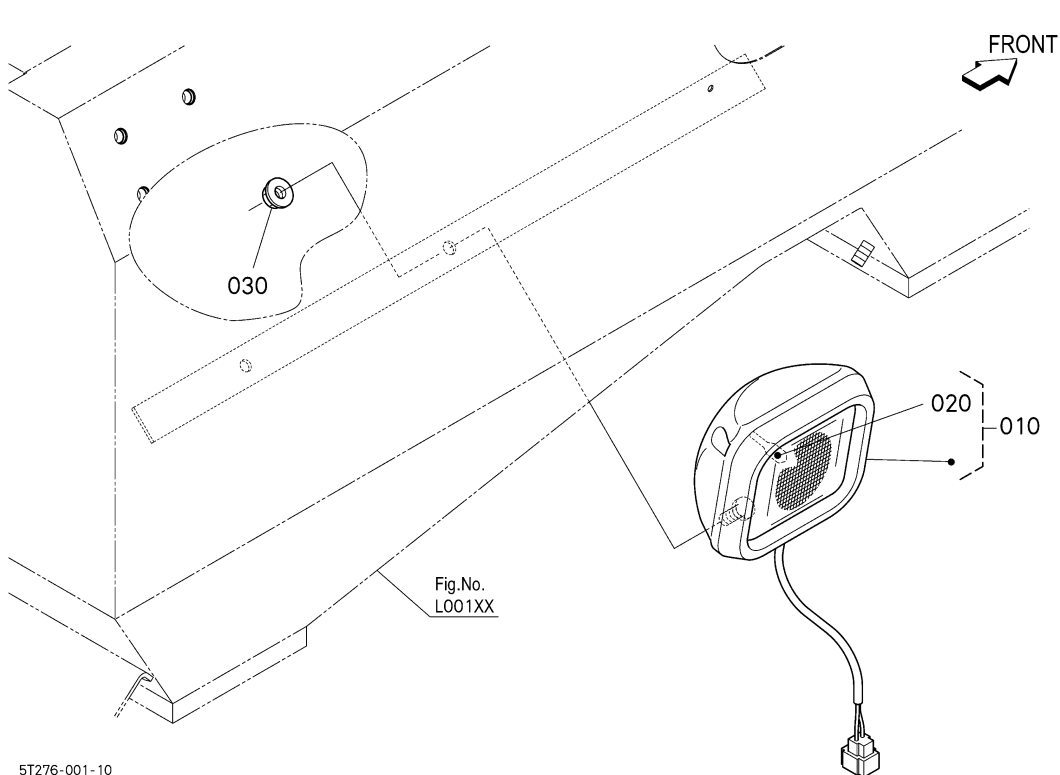
541003



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

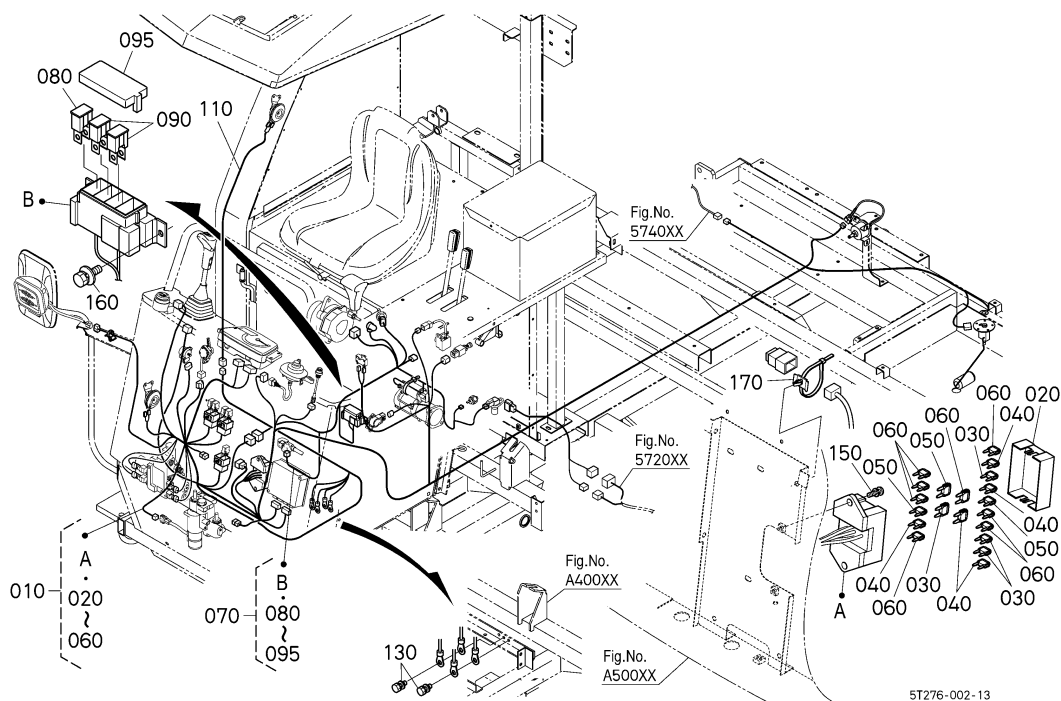
541004 ĐÈN TÁC NGHIỆP (PHẪU NẠP LIỆU)
WORK LIGHT (HOPPER)



A:DC-70 PRO VN-HOPPER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**571000 BỘ DÂY ĐIỆN (THÂN)
WIRE HARNESS (BODY)**



A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

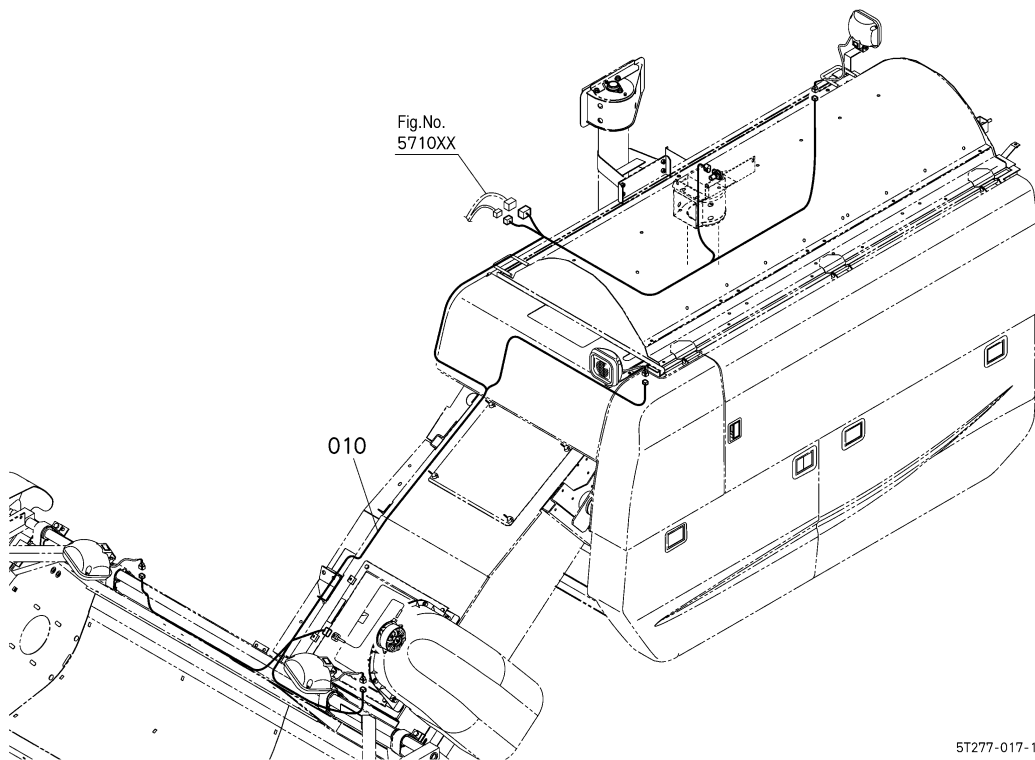
571700



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

572000 BỘ DÂY ĐIỆN (ĐẬP)
WIRE HARNESS (THRESHING)



5T277-017-10

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

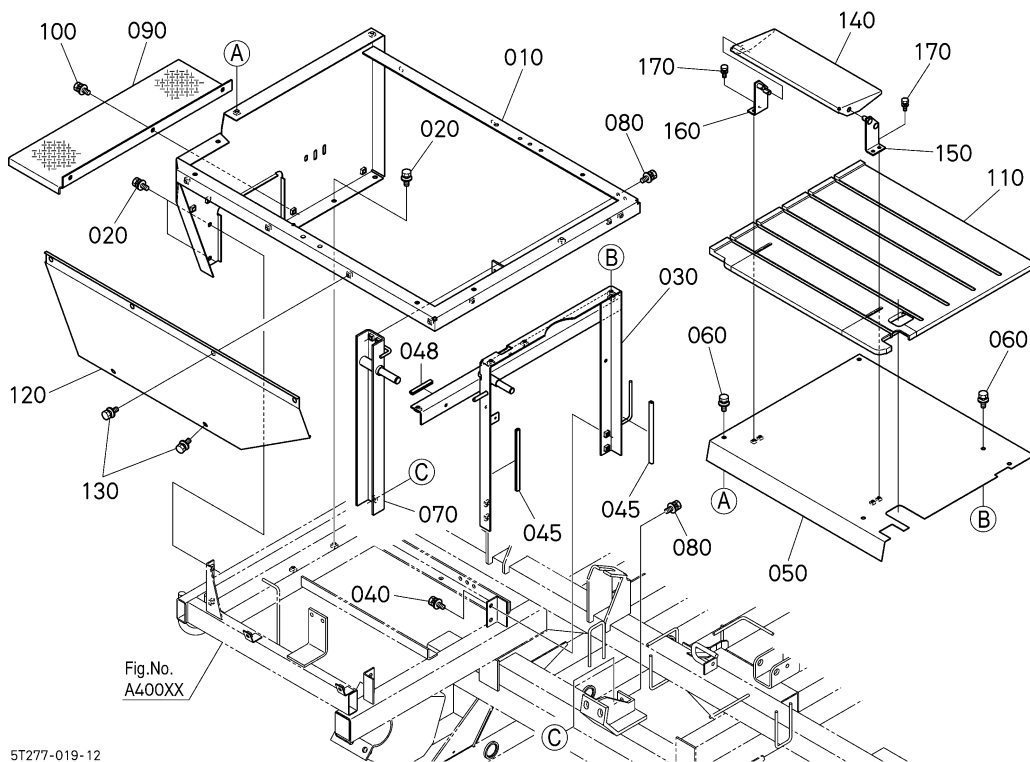
574000



A:DC-70 PRO VN-HOPPER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

A40800 SÀN DECK



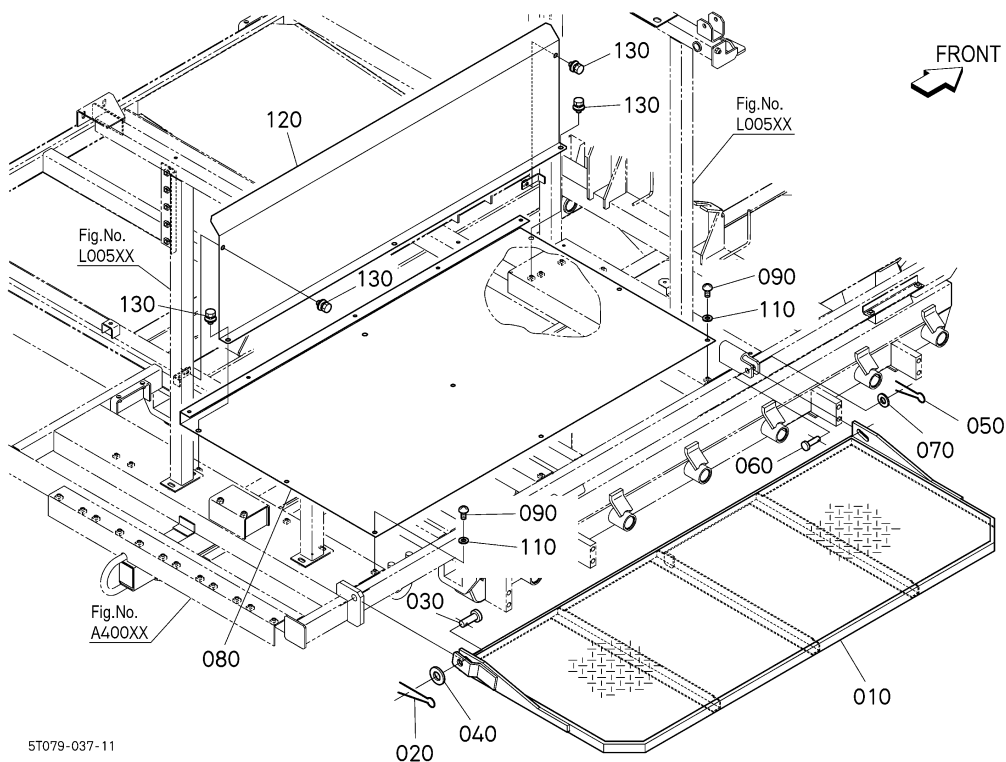
5T277-019-12

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A41200 SÀN PHỤ SUBSIDIARY DECK

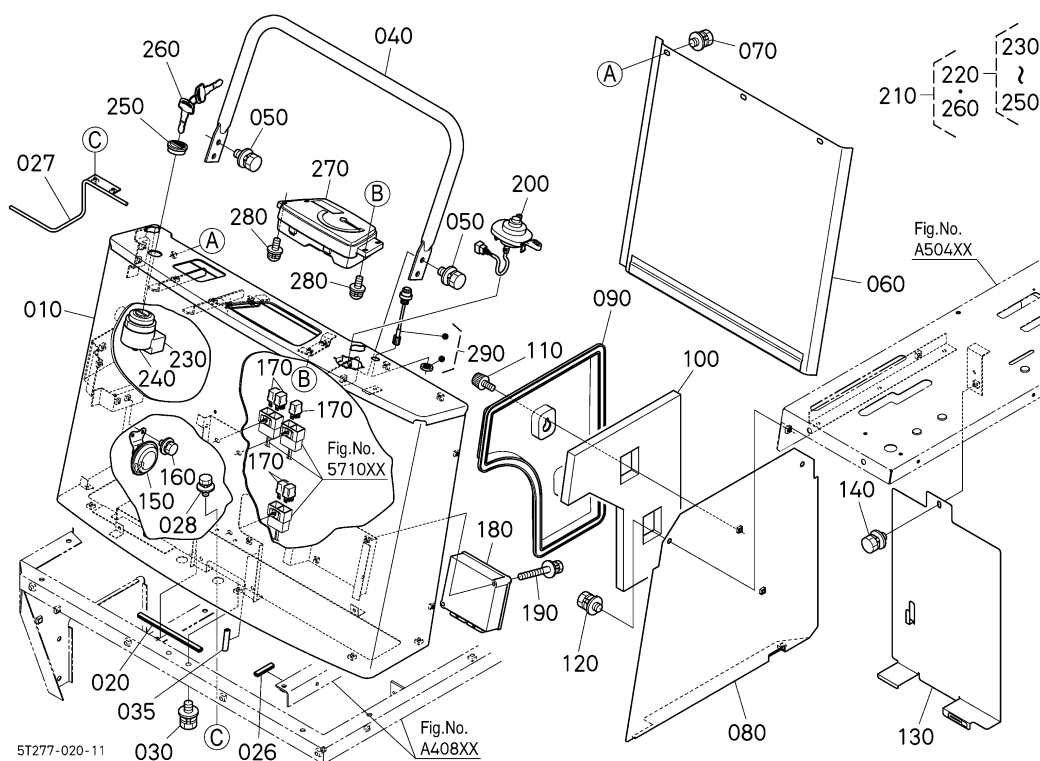


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A50000 KHUNG VẬN HÀNH OPERATION FRAME

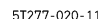


A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T277-3111-3	KHUNG, VẬN HÀNH	FRAME(OPERATION)	1		
020	5T072-2116-0	ĐỘ CHÈNH	TRIM,2-170	1		
026	5T124-7919-0	Chốt chêm	TRIM(2-45)	1		
027	5T277-3171-0	Thanh dẫn	GUIDE(HOSE)	1		
028	01025-50616	BU LÔNG	BOLT	2		
030	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	5		
035	5T124-7919-0	Chốt chêm	TRIM(2-45)	1		
040	5T072-3134-0	TAY CẦM	HANDLE	1		
050	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	4		
060	5T078-3137-0	NẮP, KHUNG	COVER,FRAME	1		
070	01025-50612	BU LÔNG	BOLT	3		
080	5T078-3332-3	NẮP, BÊN HÔNG KHUNG	COVER(OPERATE SIDE)	1		
090	5T078-3391-0	NẮP	COVER(HEAT PROOF,L)	1		
100	5T078-3392-0	PHỐT	SEAL(HEAT PROOF,L)	1		
110	53415-4128-0	BU-LÔNG	PLASTIC BOLT	2		
120	01125-50816	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	2		
130	5T078-3336-3	NẮP, CHỐNG NHIỆT PHÍA TRƯỚC	COVER(HEAT PROOF FR)	1		
140	01125-50816	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	1		
150	5T072-4251-0	ĐẦU NHỌN	HORN	1		
160	01025-50612	BU LÔNG	BOLT	2		
170	3C081-7523-2	Rờ le	RELAY	5		
180	5T279-4211-3	Bộ điều khiển	ECU(DC70PRO)	1		
190	01025-50650	BU LÔNG	BOLT	2		
200	5T171-4224-0	CÔNG TẮC	SWITCH,CONBI	1		
210	5T056-4202-2	CÔNG TẮC,ĐÁNH LỬA,CỤM	SWITCH,STARTER,ASSY	1		
220	5T056-4222-2	CÔNG TẮC,ĐÁNH LỬA	SWITCH,STARTER	1		
230	5T056-4242-0	CÔNG TẮC KHỞI ĐỘNG	SWITCH,STARTER	1		
240	5T056-4225-0	PHỐT,BỤI	SEAL,DUST	1		
250	5T056-4227-0	NẮP	CAP	1		
260	15248-6370-0	CHÌA KHÓA	KEY,STARTER	1		BỘ

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A50000



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A50400

BẢNG VẬN HÀNH OPERATION PANEL

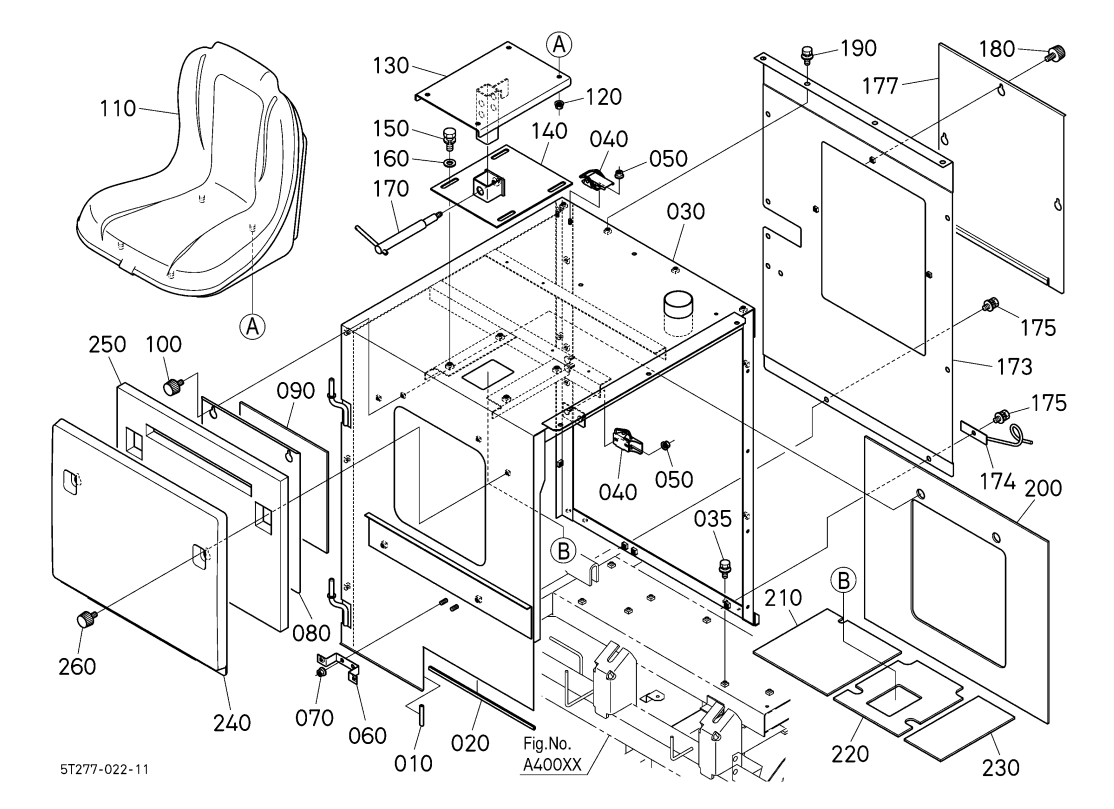


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A50800 ĐỂ SEAT



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T072-3548-0	ĐỘ CHÈNH	TRIM,2-65	1		
020	5T072-3549-0	ĐỘ CHÈNH	TRIM,2-345	1		
030	5T277-3541-0	KHUNG, ĐỂ	FRAME(SEAT)	1		
035	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	5		
040	5T078-7878-0	VÒNG SIẾT	CLAMP(CATCH)	2		
050	02021-50060	ĐINH ỐC	NUT	4		
060	5T277-3549-0	Gá đỡ hộp cầu chì	STAY(FUSE)	1		
070	02121-50080	ĐINH ỐC	NUT	2		
080	5T078-3543-0	NẮP, KHUNG ĐỂ	COVER(1 SEAT FRAME)	1		
090	5T078-3751-0	LỚP CÁCH ĐIỆN	HEAT INSULATOR,1	1		
100	53415-4128-0	BU-LÔNG	PLASTIC BOLT	2		
110	5T078-3539-0	ĐỂ	SEAT	1		
120	02121-50080	ĐINH ỐC	NUT	4		
130	5T078-3561-2	CHÔNG ĐỖ	STAY(1,SEAT)	1		
140	5T078-3562-2	CHÔNG ĐỖ	STAY(2,SEAT)	1		
150	01133-51020	BU LÔNG	BOLT,SEMS	4		
160	04015-50100	VÒNG ĐỆM BĂNG	WASHER,PLAIN	4		
170	5T078-3563-2	BU LÔNG, JAKI	BOLT(JACK)	1		
173	5T276-3566-0	Tấm chắn nhiệt ghế ngồi	COVER(SEATFRAME,REAR)	1		
174	5T276-3567-0	Thanh cố định ống nhiên liệu	GUIDE(FUEL TUBE)	1		
175	01125-50816	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	7		
177	5T079-3545-0	NẮP, KHUNG ĐỂ	COVER(3,SEATFRAME)	1		
180	53415-4128-0	BU-LÔNG	PLASTIC BOLT	3		
190	01125-50816	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	4		
200	5T078-3752-0	CÁCH, NHIỆT	HEAT INSULATOR(FR)	1		
210	5T078-3755-2	CÁCH, NHIỆT	HEAT INSULATOR(DN 3)	1		
220	5T078-3756-0	CÁCH, NHIỆT	HEAT INSULATOR(DN 4)	1		
230	5T078-3757-0	CÁCH, NHIỆT	HEAT INSULATOR(DN 5)	1		
240	5T078-3591-0	NẮP	COVER(HEAT PROOF,F)	1		
250	5T078-3592-0	PHỐT	SEAL(HEAT PROOF,F)	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A50800 ĐỂ SEAT

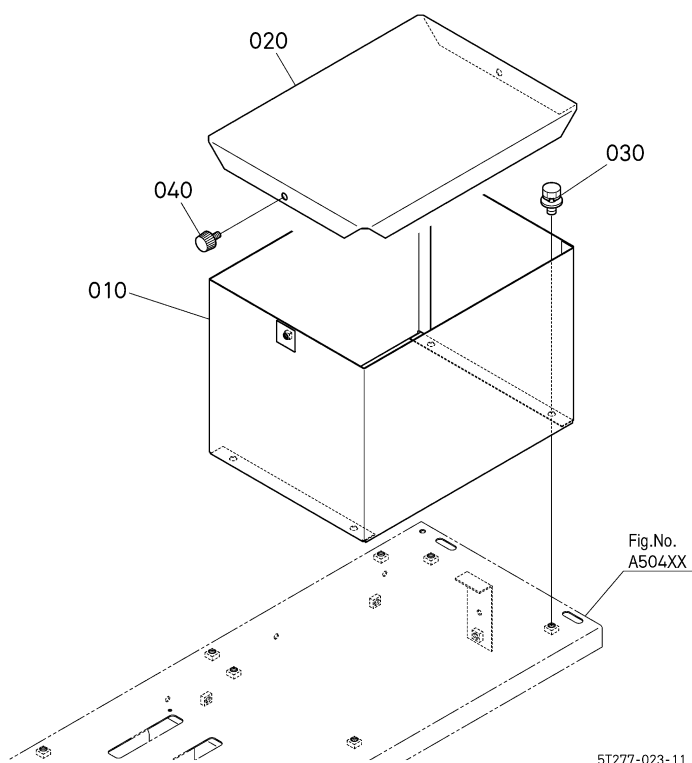


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

A50900 HỘP CÔNG CỤ
TOOL BOX

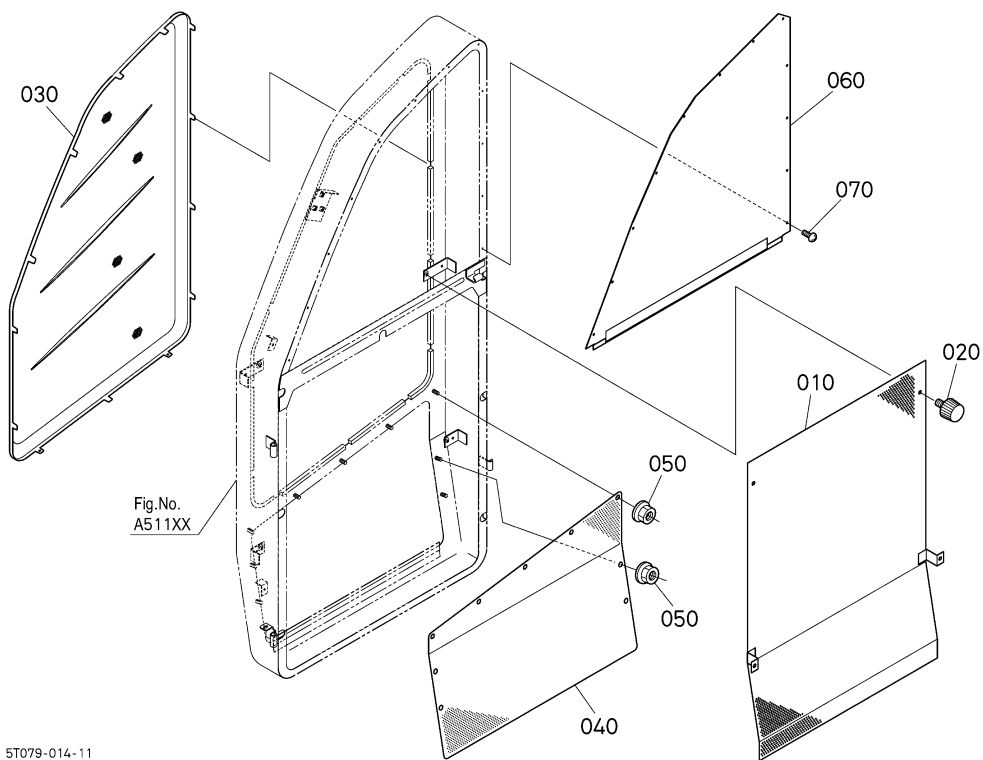


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**A51000 NẮP CHỐNG BỤI 1
DUSTPROOF COVER 1**



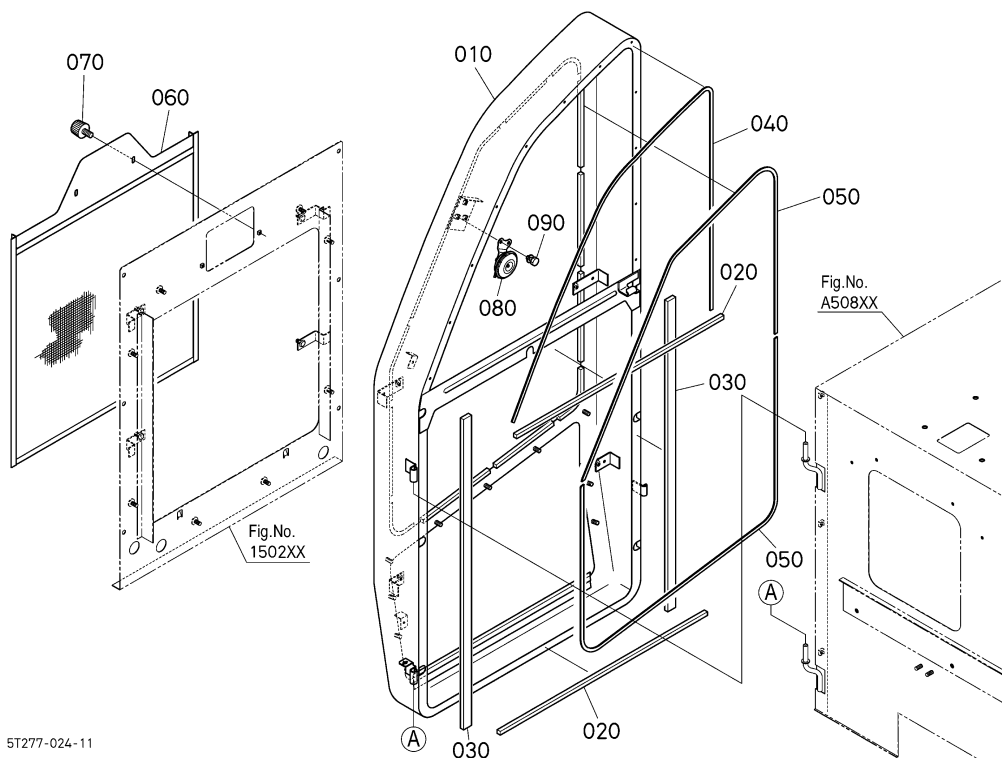
5T079-014-11

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

A51100

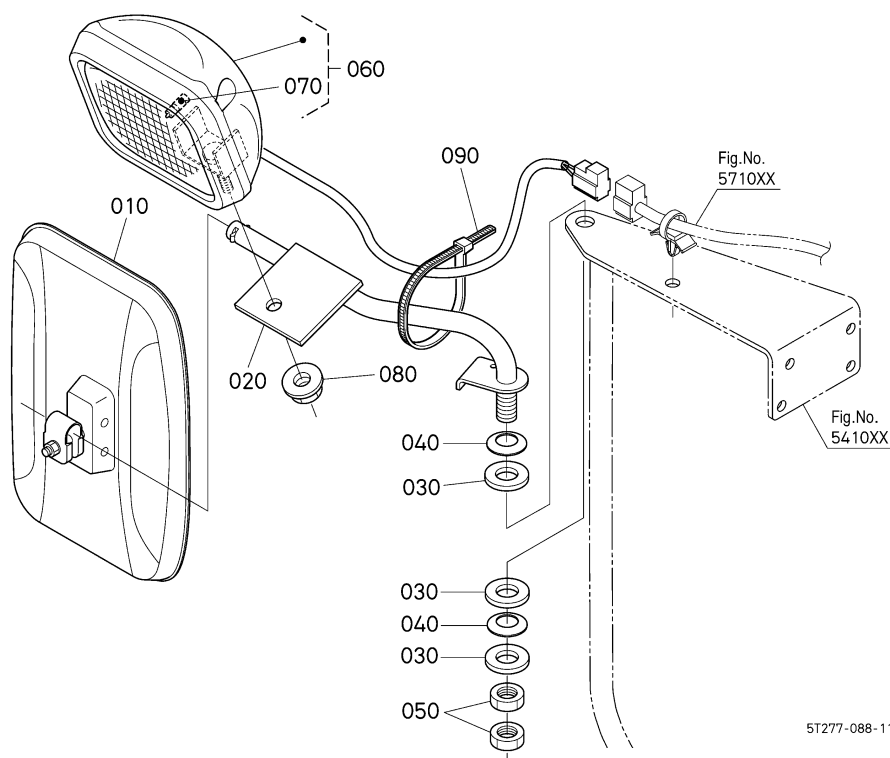


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A51400



A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

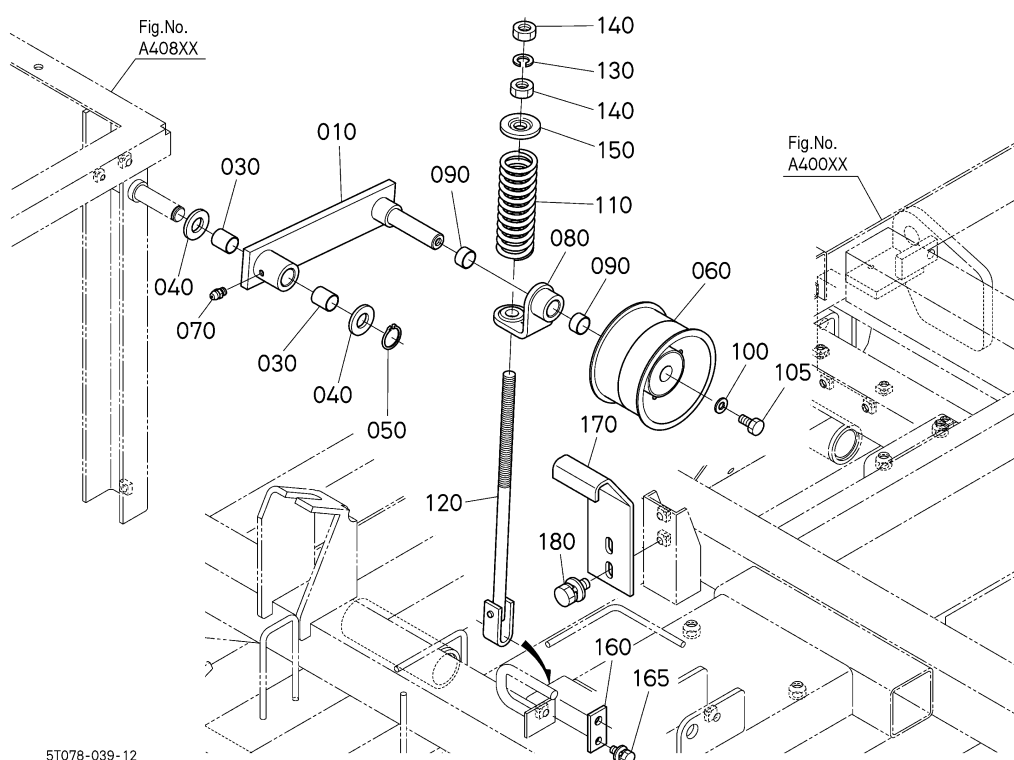
A51500 MÁI CHE CANOPY



A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

A60500



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B30000



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

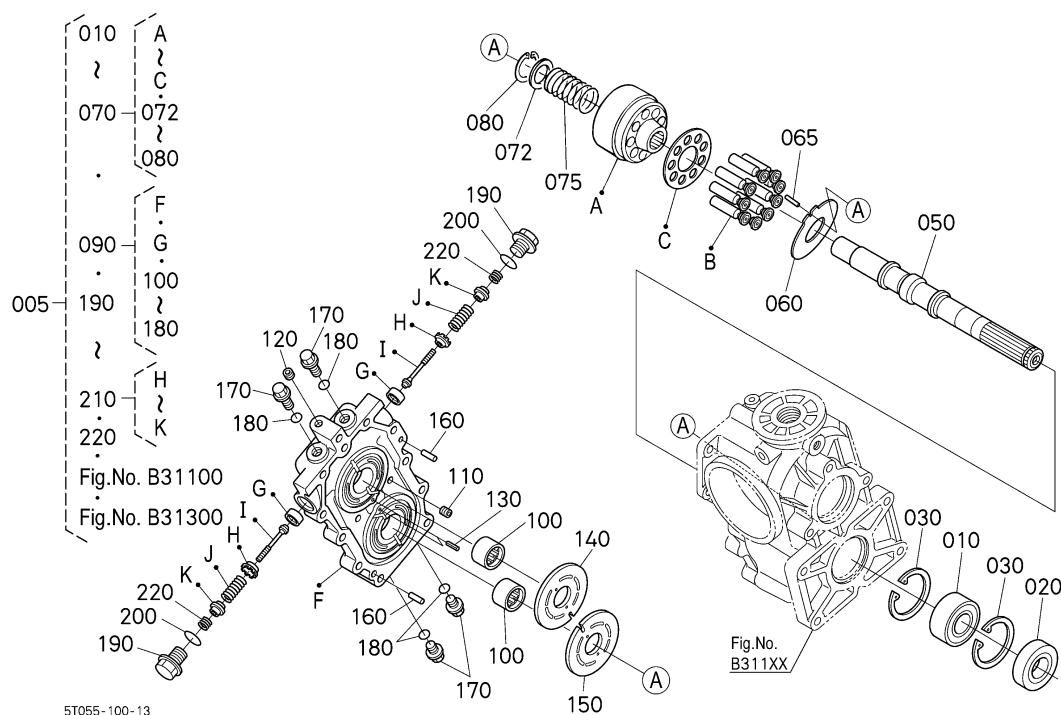


A:DC-70 PRO VN

[illegible]

B31200 HST [NHỮNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH] 2

HST [COMPONENT PARTS] 2



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẼ-RI Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
005	5H470-1100-9	BỘ HST	ASSY HST	1		
010	08241-05205	Ổ, BÌ	BEARING, BALL	1		
020	52807-1102-0	NHẪN, DẦU	SEAL, OIL	1		
030	04611-00520	KÉP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	2		
050	5H630-1051-0	TRỤC	SHAFT	1		
060	5T110-3515-0	Bạc nối	COLLAR, THRUST	1		
065	05411-00420	ĐINH, Lò xo	PIN, SPRING	1		
070	TC220-5840-0	MIẾNG ĐỖ CÁI QUAY, CỤM	ASSY ROTARY	1		
072	66363-3924-0	GIÁ ĐỖ, Lò xo	HOLDER, SPRING	1		
075	66363-3925-0	Lò xo	SPRING	1		
080	04611-00350	KÉP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
090	5H630-1070-2	KẾT CẤU, NÁP, PORTBLOCK	ASSY, COVER, PORTBLOCK	1		
100	52807-1116-0	Ổ TRỤC, KIM	BEARING, NEEDLE	2		
110	6A610-3533-0	NÚT	PLUG	2		
120	K7001-3962-0	BUGI	PLUG	1		
130	05411-00414	ĐINH, Lò xo	PIN, SPRING	2		
140	5H630-1072-2	ĐĨA	PLATE, VALVE	1		
150	TC420-5897-0	ĐĨA	PLATE, VALVE	1		
160	K7561-1118-0	CHÓT, THẰNG	PIN, STRAIGHT 8X14	2		
170	06311-25020	CHÓT, TUA VÍT	PLUG	4		
180	04817-00110	VÒNG CHỮ O	O RING	4		
190	06311-25040	CHÓT, TUA VÍT	PLUG	2		
200	04817-00180	VÒNG CHỮ O	O RING	2		
210	5H630-1080-0	VÁN, CỤM	ASSY VALVE	2		
220	66415-8386-0	Lò xo	SPRING	2		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B31300



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

B31800



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

B32000



↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B32400 BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG 2
TRANSMISSION CASE INSIDE 2



A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

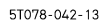
B32800 BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG 3
TRANSMISSION CASE INSIDE 3



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

B33000 BÊN TRONG HỘP TRUYỀN ĐỘNG 4
TRANSMISSION CASE INSIDE 4



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

B33200

PHANH BRAKE

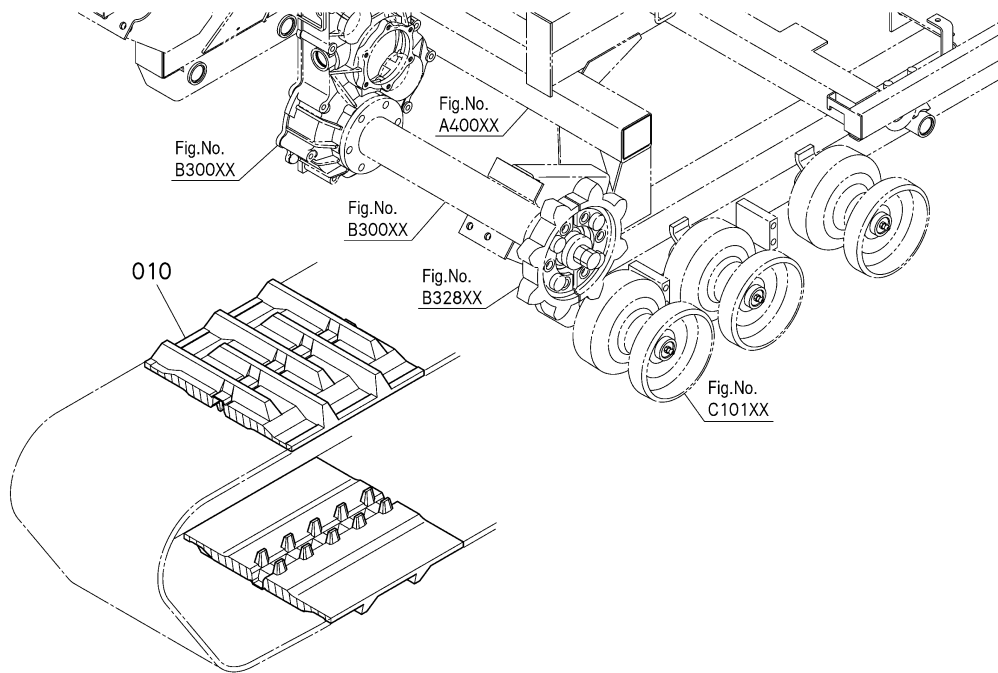


A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

C10000

MÁY KÉO CHẠY XÍCH CRAWLER

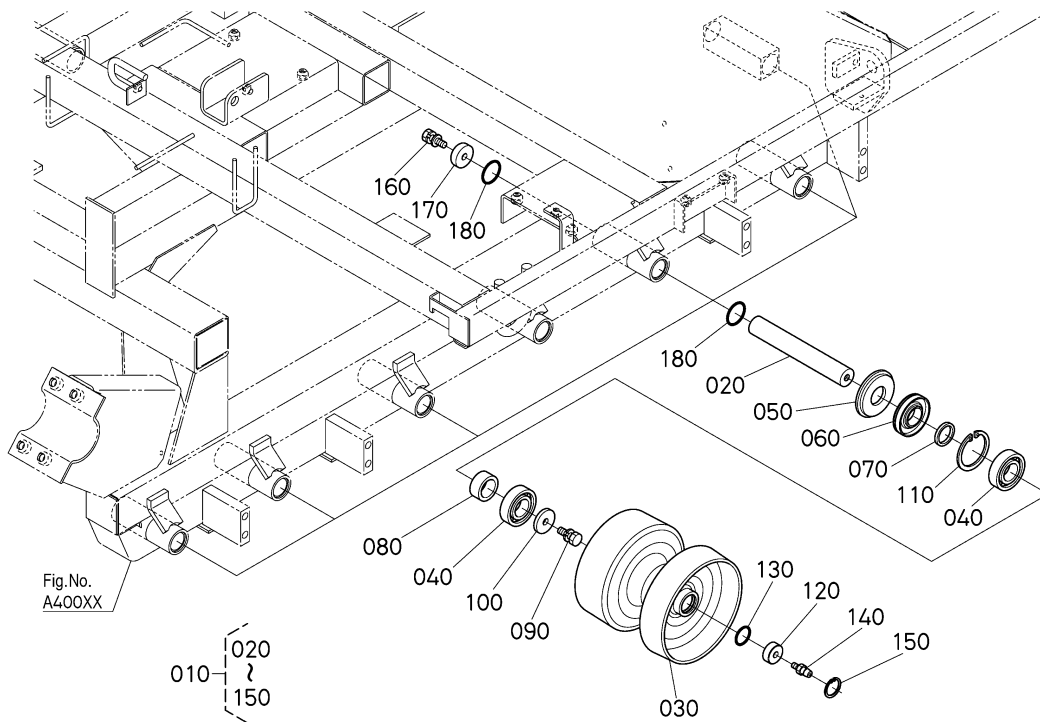


5T078-062-12

A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**C10101 ÔNG LĂN BÁNH XÍCH TAY TRÁI
TRACK ROLLER LH**

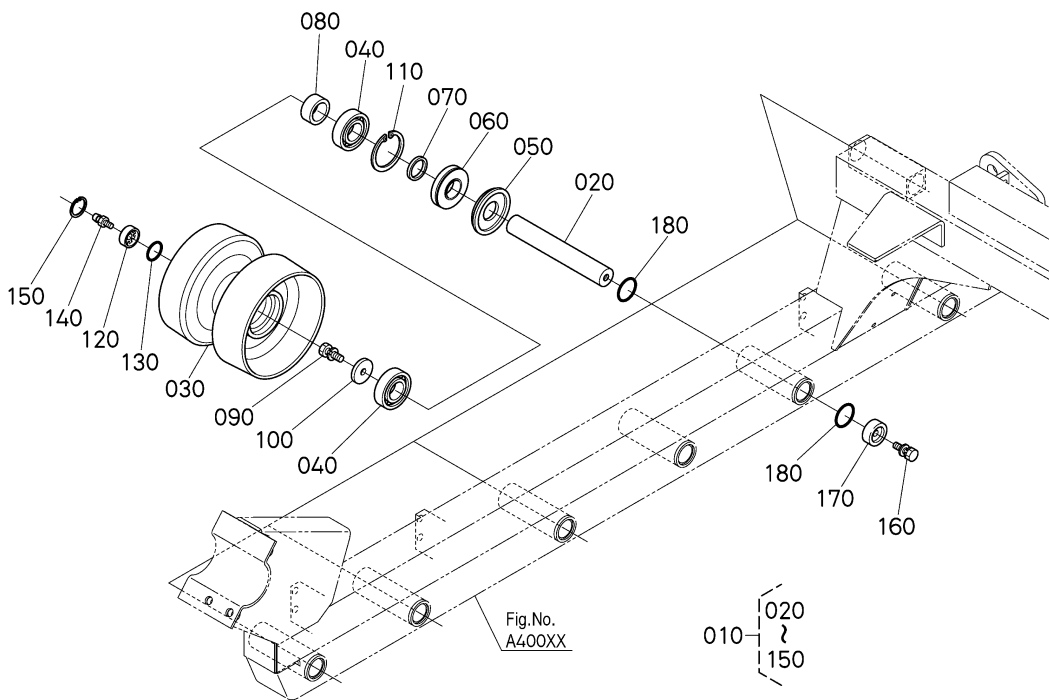


5T078-006-12

A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

C10102 ÔNG LĂN BÁNH XÍCH TAY PHẢI
TRACK ROLLER RH

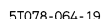


5T078-063-12

A:DC-70 PRO VN

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

C10301



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

C10302



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF No

$\Leftrightarrow$ Thay thế được;

C10401



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

C10402



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

C10501



A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

C10502 ỐNG LĂN TRUYỀN ĐỘNG TAY PHẢI
DRIVE ROLLER RH

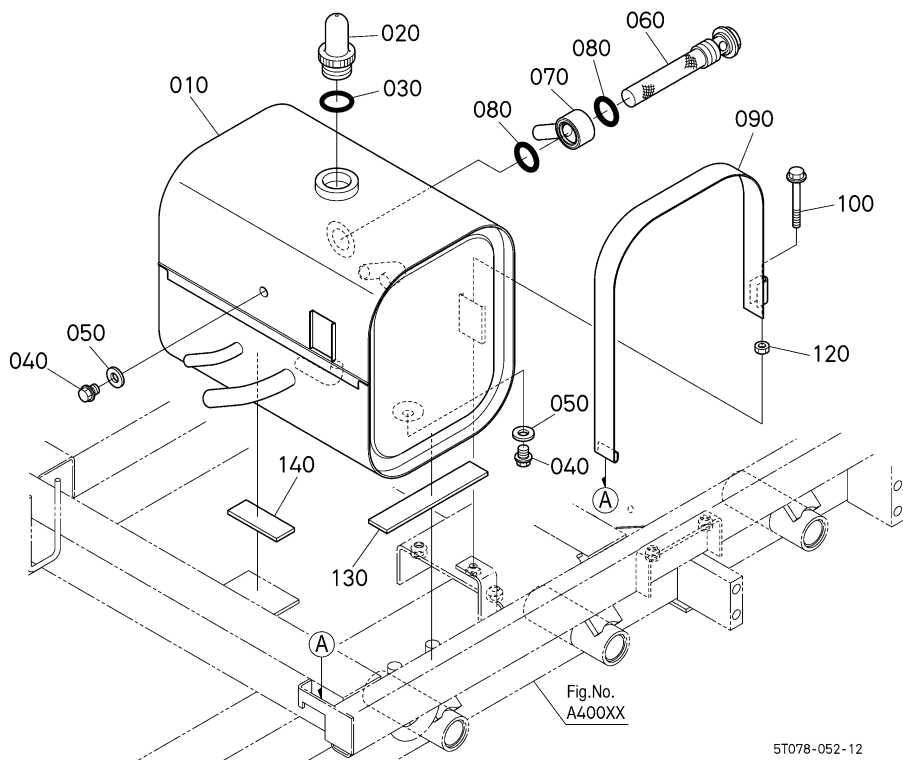


Fig.No.
A400XX

A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D70000 BỂ THỦY LỰC HYDRAULIC TANK



5T078-052-12

A:DC-70 PRO VN

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D70500

BƠM THỦY LỰC HYDRAULIC PUMP



Fig.No.
0105XX

A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

MÃ SỐ PHỤ TÙNG
PART No.

TÊN PHỤ TÙNG

PART NAME

SỐ LU'ỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.
A

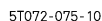
I.C
I.C

1.0

LU'U Ý
REMARKS

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D70600



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D70700

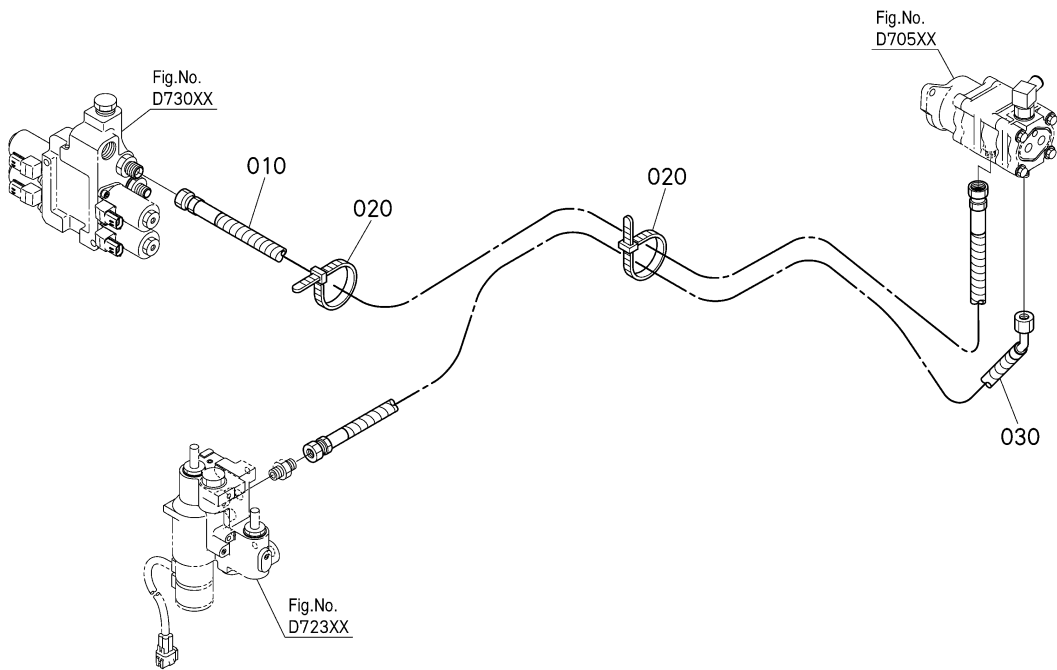


A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

D71000

ỐNG THỦY LỰC 1 HYDRAULIC HOSE 1



5T277-025-10

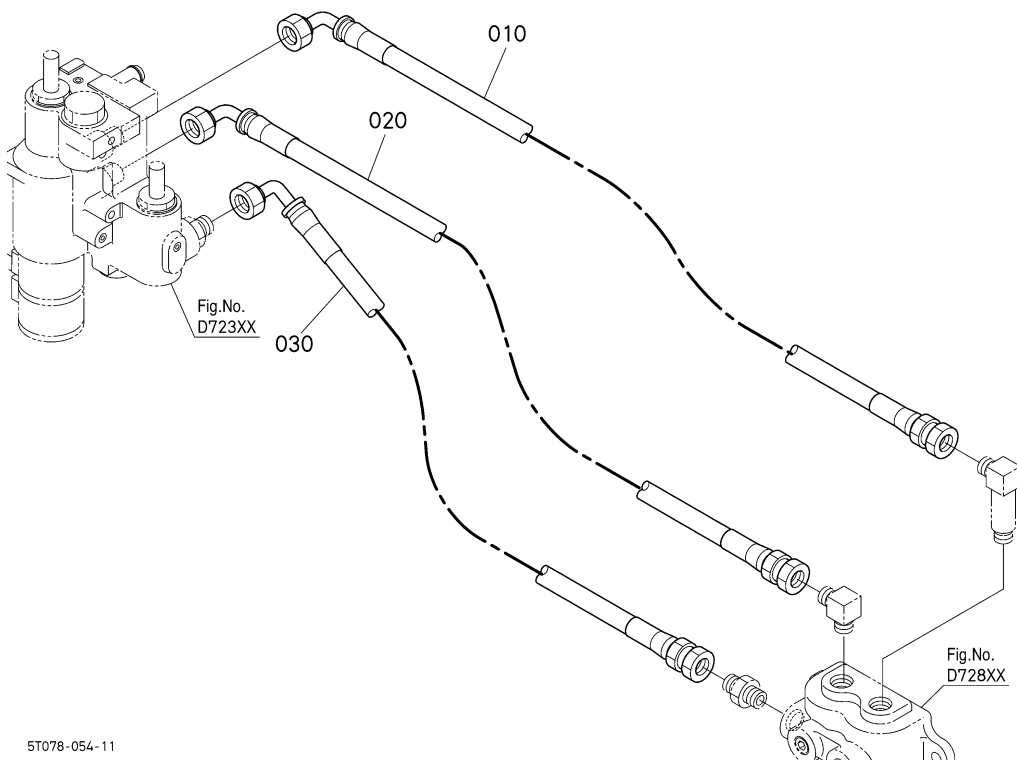
A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

D71100

ỐNG THỦY LỰC 2 HYDRAULIC HOSE 2



5T078-054-11

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

D71200

ÔNG THỦY LỰC 3 HYDRAULIC HOSE 3



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D72000

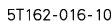


A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D72100



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D72300



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

$\longleftrightarrow$ Thay thế được;

BỘ THỦY LỰC (CÔNG TÁC) [PHỤ TÙNG] HYDRAULIC UNIT (MISSION) [COMPONENT PARTS]



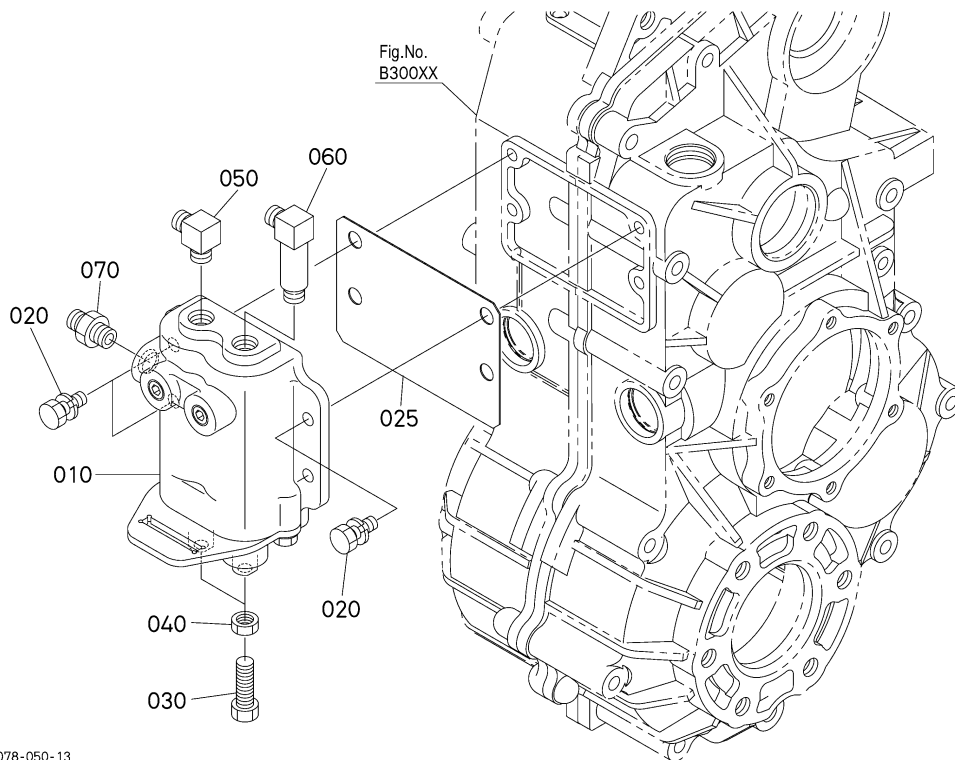
A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D72800

XI-LANH KHỚP LY HỢP **CLUTCH CYLINDER**



5T078-050-13

A:DC-70 PRO VN

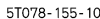
[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

D73100

[illegible]

D73600



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

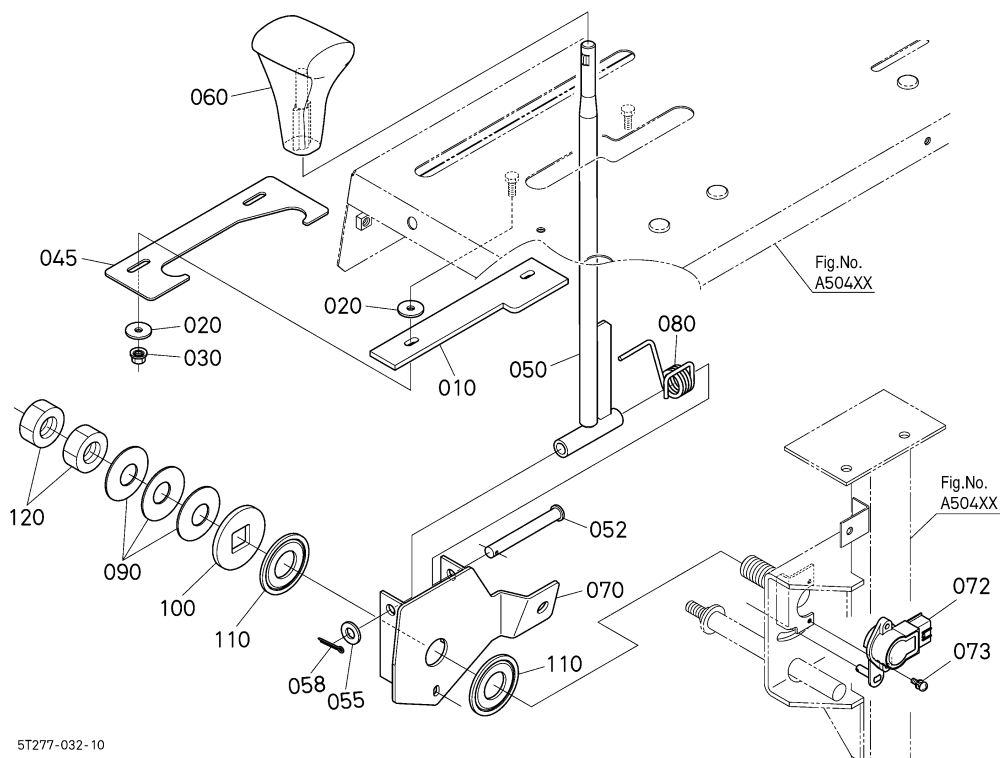
D74000



Fig.No.
1502XX

SỐ THAM KHẢO
REF No

E20200 CẦN SANG SỐ CHÍNH MAIN GEAR SHIFT LEVER



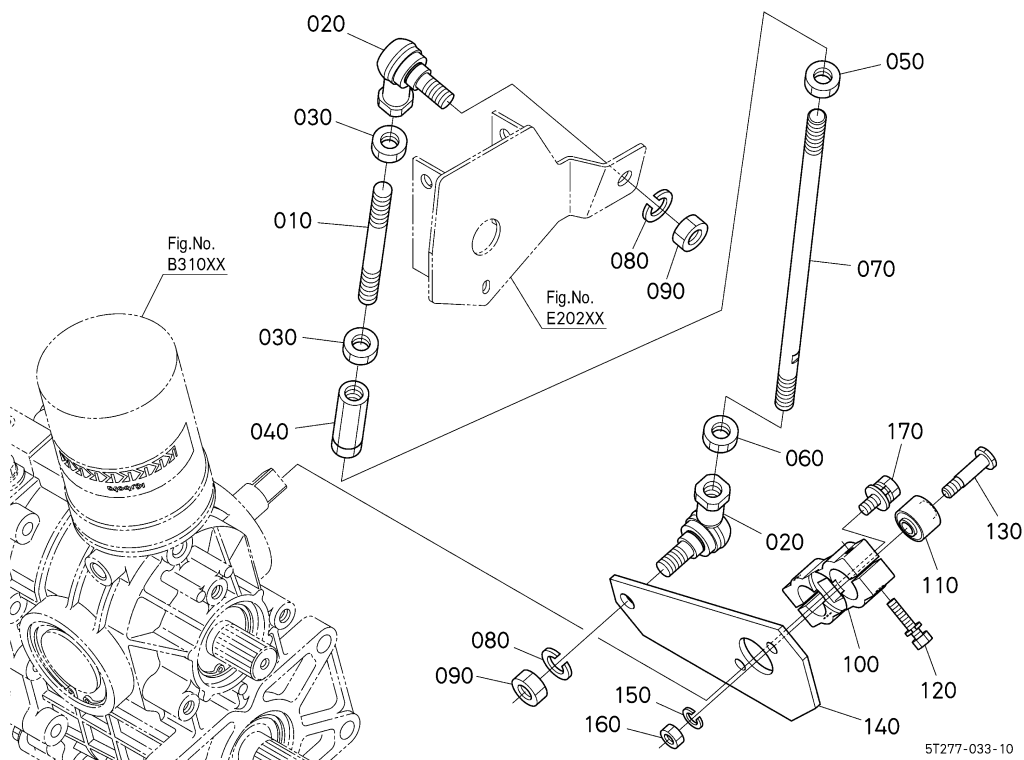
A:DC-70 PRO VN

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

E20400

THANH SANG SỐ CHÍNH MAIN GEAR SHIFT ROD



5T277-033-10

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

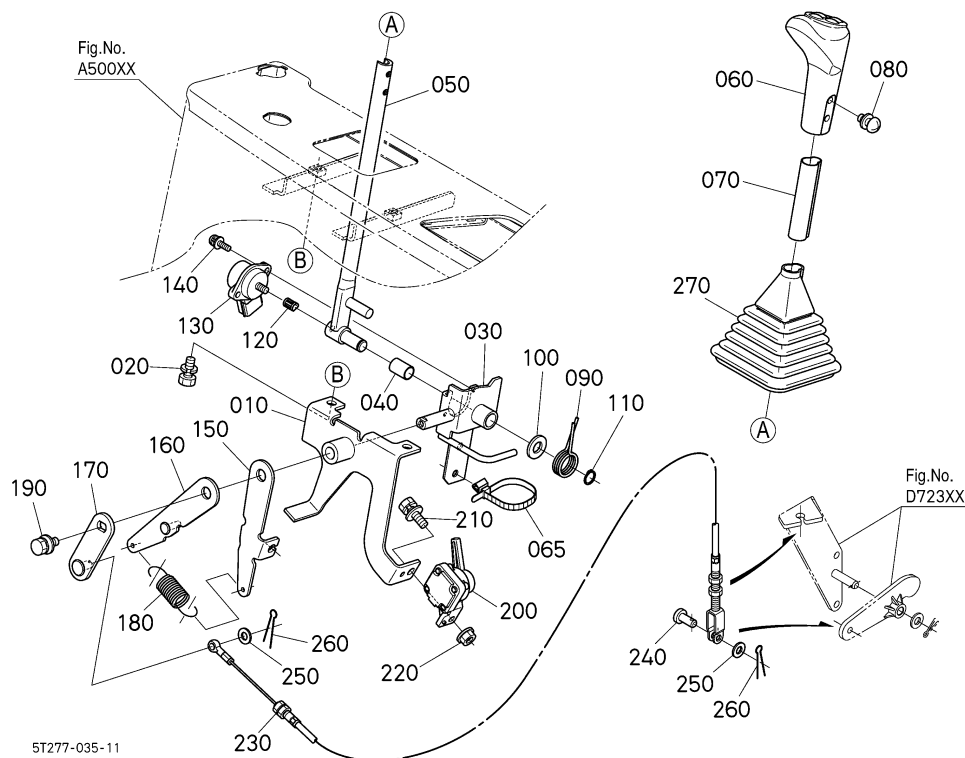
E20800



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO
REF No

E21000 HỆ THỐNG LÁI STEERING

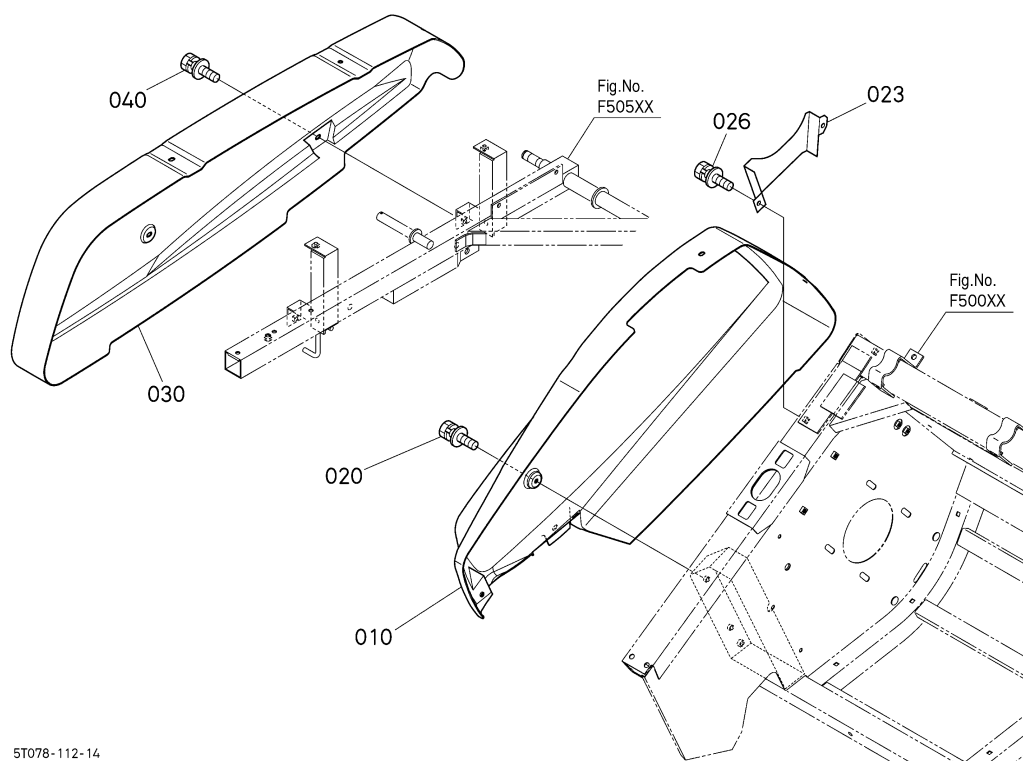


A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẼ-NI Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T072-3113-0	Bệ đỡ	BASE,POWER STEERING	1		
020	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	2		
030	5T277-3114-0	Thanh liên kết	STAY(ARM POWER STEERING)	1		
040	08511-01220	ỔNG LỐT	BUSH	1		
050	5T072-3115-3	CẦN, ĐIỀU KHIỂN LỰC	LEVER,POWER STEERING	1		
060	5T105-3118-0	DỤNG CỤ KÈP, HỆ THỐNG LÁI	GRIP(STEERING)	1		
065	44366-6897-0	ĐAI TRUYỀN, DÂY	BAND,CORD	1		
070	5T072-3123-0	Nắp	COVER,LEVER SHAFT	1		
080	03004-50612	ĐINH VÍT, VỚI VÒNG ĐỆM	SCREW,SEMS(PAN HEAD)	2		
090	5T072-3345-0	Lò xo	SPRING,REAPING HEIGHT	1		
100	04013-50120	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		
110	04612-00120	KÈP TRƠN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIR-CLIP EXTERNAL	1		
120	36741-9445-0	Lò xo	SPRING	1		
130	T1062-3223-2	Cảm biến	SENSOR,POSITION	1		
140	03034-50416	ĐINH VÍT, VỚI VÒNG ĐỆM	SCREW,W SEMS(PAN HEAD)	2		
150	5T072-3352-0	Tay trợ lực lái trái	ARM,LEFT POWER STEERING	1		
160	5T072-3353-0	Tay trợ lực lái phải	ARM,RIGHT POWER STEERING	1		
170	5T072-3354-0	Tay nổi	ARM,CENTER POWER STEERING	1		
180	5T078-3355-0	LÒ XO	SPRING,BRAKE RETURN	1		
190	01027-50616	BU LÔNG	BOLT,W SEMS(LARGE WASHER)	1		
200	5T057-4211-2	Công tắc	SWITCH,LEVER 1	1		
210	01025-50620	BU LÔNG	BOLT	1		
220	02761-50060	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	NUT,FLANGE	1		
230	5T078-3152-0	CÁP	CABLE(POWER BRAKE)	1		
240	05122-50614	ĐINH,ĐẦU NỐI	PIN,JOINT	1		
250	04013-50060	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER, PLAIN	2		
260	05511-51612	ĐINH, TÁCH RỜI	PIN,SPLIT	2		
270	5T072-3122-0	CAO SU, BÊN DƯỚI	COVER,RUBBER PILLOW	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

F51000 NẮP KHUNG GẶT HARVEST FRAME COVER



5T078-112-14

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

F51500



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

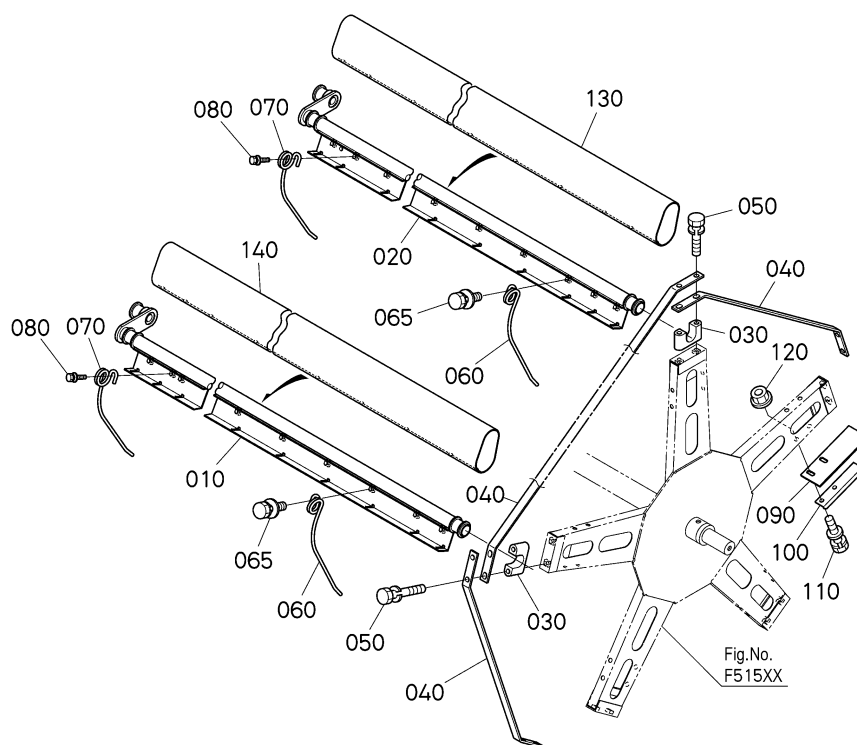
F52000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được



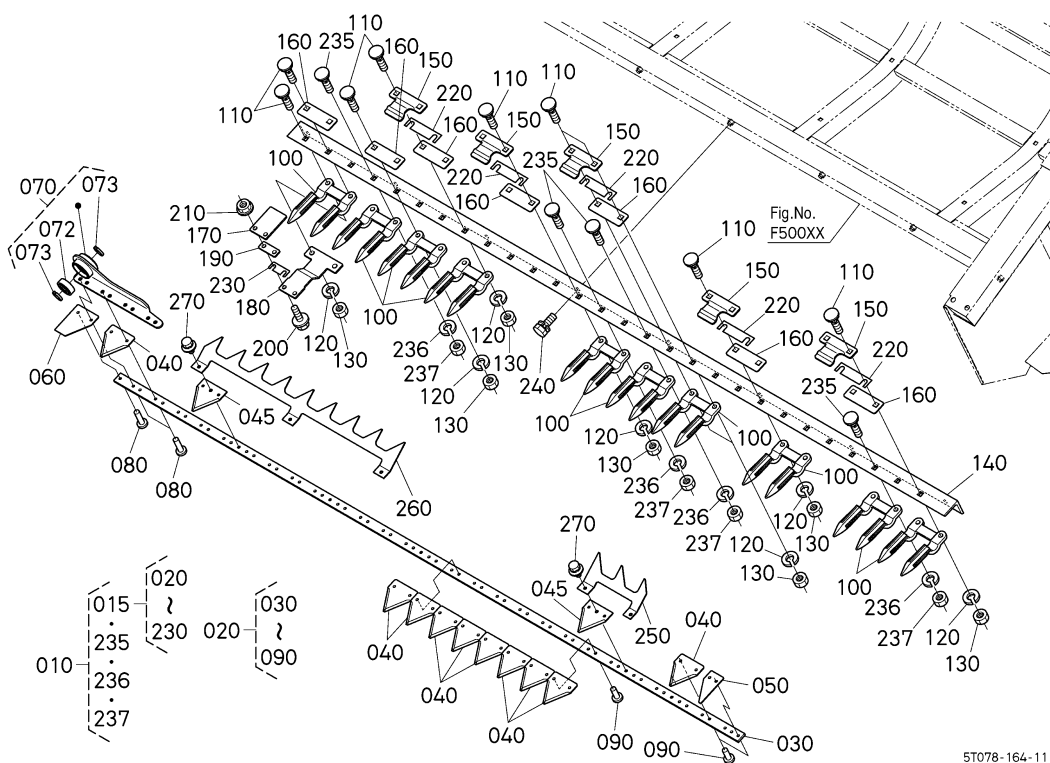
5T078-002-12

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F53000 LƯỖI CẮT BLADE REAPING



5T078-164-11

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SÈ-NI Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T078-5190-3	LƯỖI GẶT,BỘ	BLADE,REAPING,ASSY	1		
015	5T078-5197-0	LƯỖI GẶT,BỘ	BLADE,REAPING,ASSY(SUB)	1		
020	5T078-5191-0	LƯỖI GẶT,BỘ HOÀN CHỈNH	BLADE,REAPING,COMP	1		
030	5T078-5192-2	CÁN DAO	BAR,KNIFE	1		
040	5T072-5133-0	LƯỖI CẮT	CUTTING BLADE	21		
045	5T124-5133-0	LƯỖI GẶT	BLADE,REAPING(2)	5		
050	5T072-5134-0	ĐĨA	PLATE,1	1		
060	5T072-5135-0	ĐĨA	PLATE,2	1		
070	5T078-5193-0	ĐẦU, DAO	HEAD,KNIFE	1		
072	08141-06302	Ổ,BI	BEARING,BALL	1		
073	04611-00420	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	2		
080	5T072-5137-0	ĐINH TÁN	RIVET,1	8		
090	5T072-5138-0	ĐINH TÁN	RIVET,2	48		
100	5T072-5141-0	CỬA CHẮN, DAO	GUARD,KNIFE	14		
110	5T072-5142-0	BULONG, CỎ VUÔNG	BOLT,SQ.NECK 7T M10*35	24		
120	04512-50100	VÒNG ĐỆM	WASHER,SPRING LOCK	24		
130	02114-50100	ĐINH ỐC	HEX.NUT	24		
140	5T078-5143-0	BỀ ĐỒ	BASE,RECIEVED BLADE	1		
150	5T072-5144-0	KẸP, DAO	CLIP,KNIFE	5		
160	5T072-5145-0	THÀNH DẪN, BÀN TRƯỢT	GUIDE,SLIDE	7		
170	5T072-5146-0	KẸP DAO, PHẢI	KNIFE CLIP,RH	1		
180	5T072-5147-0	HỖ TRỢ	SUPPORT	1		
190	5T072-5148-0	THÀNH GIẢNG	SPACER	1		
200	01754-50825	BULONG,MỀP	BOLT,FLANGE	2		
210	02751-50080	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	NUT,FLANGE	2		
220	5T072-5149-0	MIẾNG CHÈN	SHIM,0.27	5		
230	5T072-5151-0	THÀNH GIẢNG	SPACER,0.5	1		
235	5T072-5142-0	BULONG, CỎ VUÔNG	BOLT,SQ.NECK 7T M10*35	4		
236	04512-50100	VÒNG ĐỆM	WASHER,SPRING LOCK	4		
237	02114-50100	ĐINH ỐC	HEX.NUT	4		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

F53000

LƯỖI CẮT BLADE REAPING



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F53500 CẦN KÉO TENSION ARM

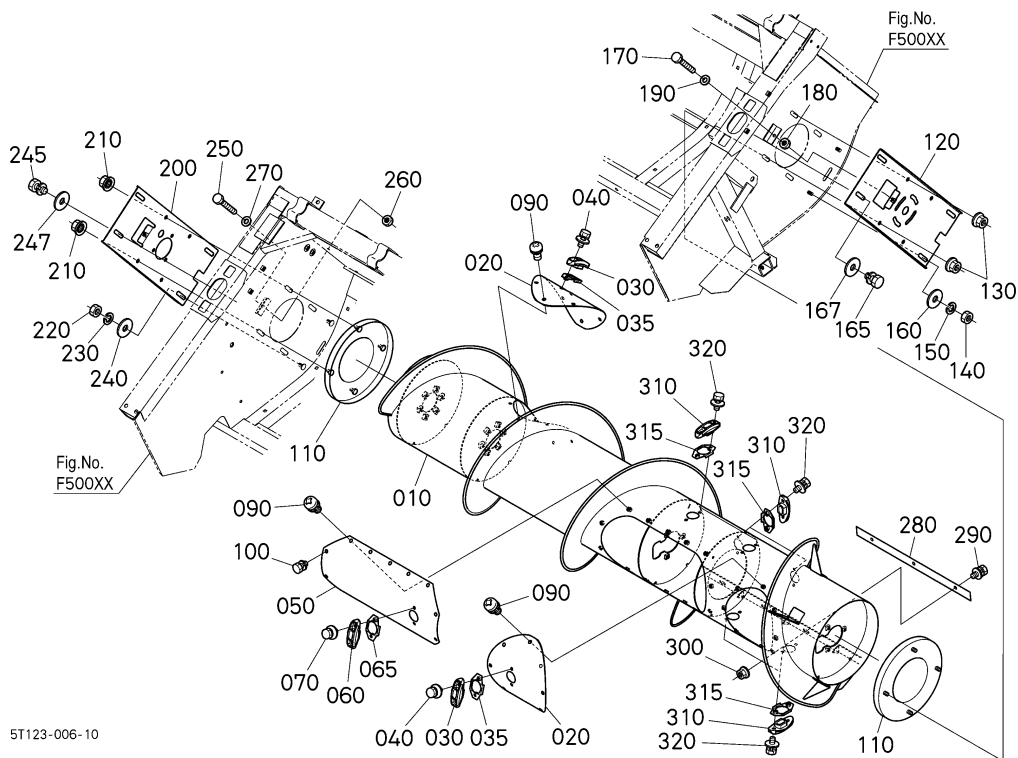


Fig.No.
F505XX

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F54000 TRỐNG MÁY KHOAN AUGER DRUM



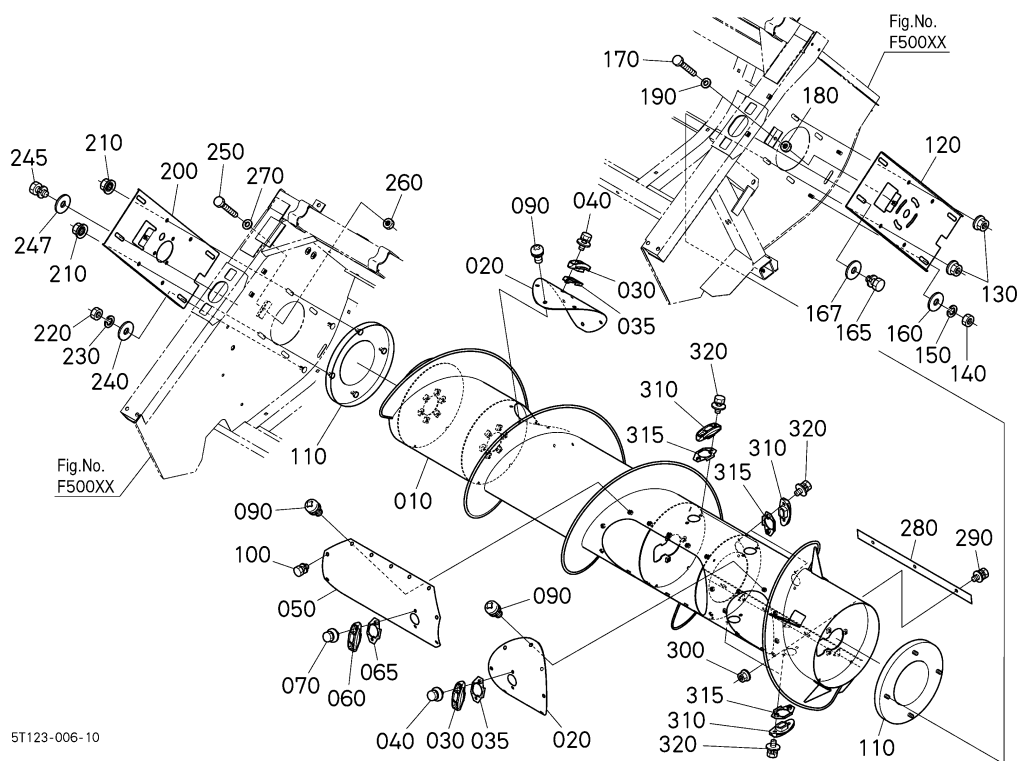
5T123-006-10

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẼ-RI Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T078-5291-0	TRỐNG, MÁY KHOAN	DRUM(AUGER)	1		
020	5T124-5212-0	NẮP	COVER(DRUM)	2		
030	5T072-5245-0	THANH DẪN	GUIDE,FINGER	2		
035	5T119-5248-0	VẬT CHỐNG ĐỔ	STAY(AUGER FINGER)	2		
040	01125-50825	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	4		
050	5T078-5292-0	NẮP	COVER(DRUM,2)	1		
060	5T072-5245-0	THANH DẪN	GUIDE,FINGER	1		
065	5T119-5248-0	VẬT CHỐNG ĐỔ	STAY(AUGER FINGER)	1		
070	01125-50825	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	2		
090	5T072-5219-2	VÍT,ĐẦU TRÒN	SCREW,RD MACH.(CROSS RECESS)	29		
100	01123-50816	BU LÔNG	BOLT,SEMS	1		
110	5T072-5215-0	THANH DẪN, TRỐNG	GUIDE,DRUM	2		
120	5T072-5216-7	VẬT CHỐNG ĐỔ	STAY,DRUM LH	1		
130	02131-50100	ĐINH ỐC	NUT	4		
140	02176-50100	ĐINH ỐC	HEX.NUT	2		
150	04512-50100	VÒNG ĐỆM	WASHER,SPRING LOCK	2		
160	04015-50100	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	2		
165	01133-51020	BU LÔNG	BOLT,SEMS	2		
167	04015-50100	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	2		
170	01155-50855	BU LÔNG	HEX.BOLT	1		
180	02114-50080	ĐINH ỐC	HEX.NUT	1		
190	04013-50080	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		
200	5T072-5217-5	VẬT CHỐNG ĐỔ	STAY,DRUM RH	1		
210	02131-50100	ĐINH ỐC	NUT	4		
220	02176-50100	ĐINH ỐC	HEX.NUT	2		
230	04512-50100	VÒNG ĐỆM	WASHER,SPRING LOCK	2		
240	04015-50100	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	2		
245	01133-51020	BU LÔNG	BOLT,SEMS	2		
247	04015-50100	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	2		
250	01155-50855	BU LÔNG	HEX.BOLT	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

F54000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

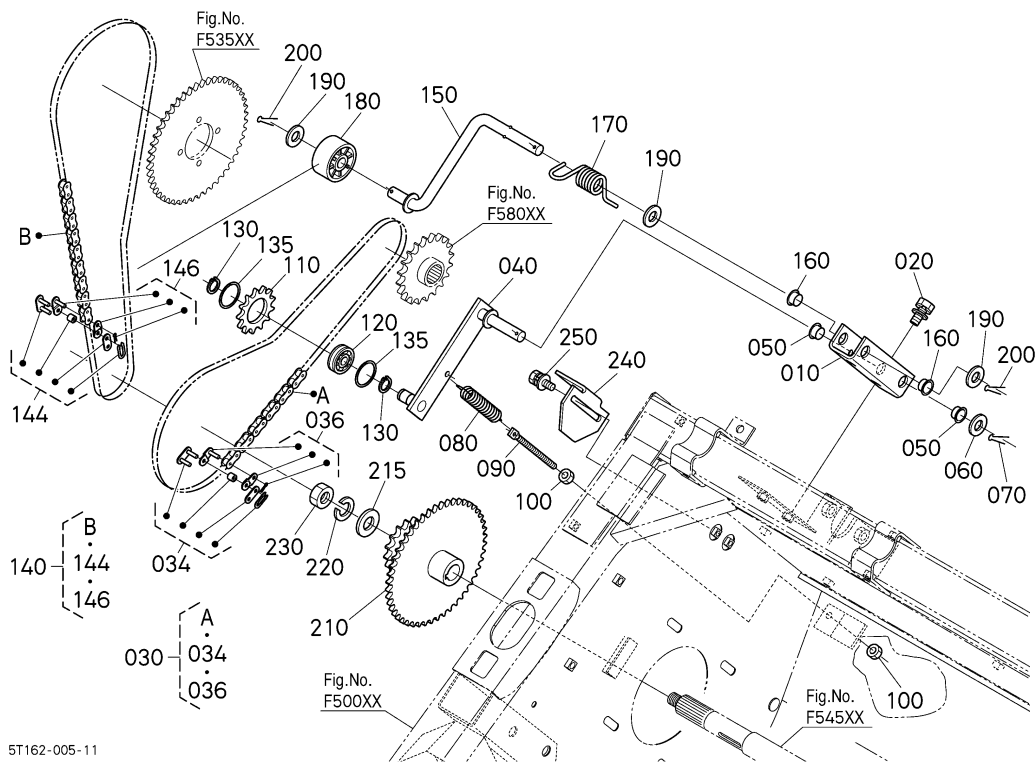
F54500



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F55000 XÍCH TRỒNG MÁY KHOAN AUGER DRUM CHAIN



5T162-005-11

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T072-4921-2	BÊ ĐỒ, LỰC CĂNG	BASE,TENSION	1		
020	01135-51020	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	2		
030	5T051-4930-0	KẾT CẤU XÍCH, MÁY KHOAN	ASSY,CHAIN,AUGER	1		
034	5T051-4645-0	GIÁ ĐỖ, XÍCH	HOLDER,CHAIN	1		
036	5T051-4931-0	MỐI NỐI, ĐỘ LỆCH TÂM CỦA XÍCH	CHAIN JOINT,50OFF SET	2		
040	5T072-4933-0	CÀN KÉO, MÁY KHOAN	ARM,TENSION AUGER	1		
050	T2050-2416-0	ỐNG LÓT	BUSH	2		
060	04011-50160	VÒNG ĐỆM BĂNG	WASHER,PLAIN	1		
070	05511-50430	CHÓT CHẼ	PIN,SPLIT	1		
080	5T072-4642-0	LÒ XO	SPRING	1		
090	5T072-1635-0	BU LÔNG, LỰC CĂNG	BOLT,TENSION	1		
100	02114-50080	ĐINH ỐC	HEX.NUT	2		
110	5T072-4636-0	ĐAI XÍCH, LỰC CĂNG	SPROCKET,TENSION	1		
120	5T070-4637-0	Ổ TRỤC	BEARING	1		
130	04612-00170	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIR-CLIP,EXTERNAL	2		
135	5T070-4638-0	KHUYỀN HÂM	CIR CLIP	2		
140	5T051-4940-0	KẾT CẤU XÍCH, BỘ ĐỀM	ASSY,CHAIN,COUNTER	1		
144	5T051-4941-0	GIÁ ĐỖ, XÍCH	HOLDER,CHAIN	1		
146	5T051-4942-0	MỐI NỐI, ĐỘ LỆCH TÂM CỦA XÍCH	HOLDER,CHAIN OFFSET	1		
150	5T072-4943-0	CÁNH TAY, LỰC CĂNG	ARM,TENSION COUNTER	1		
160	T2050-2416-0	ỐNG LÓT	BUSH	2		
170	5T072-4944-0	LÒ XO, BỘ ĐỀM	SPRING,COUNTER	1		
180	5T072-4935-0	TRỤC LĂN, LỰC CĂNG	ROLLER,TENSION	1		
190	04011-50160	VÒNG ĐỆM BĂNG	WASHER,PLAIN	3		
200	05511-50430	CHÓT CHẼ	PIN,SPLIT	2		
210	5T072-5228-2	ĐAI XÍCH	SPROCKET,38-16	1		38-16T
215	04013-50180	VÒNG ĐỆM BĂNG	WASHER,PLAIN	1		
220	04512-50180	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER,SPRING LOCK	1		
230	02172-50180	ĐINH ỐC	HEX.NUT	1		
240	5T072-4945-0	THIẾT BỊ CHẶN	STOPPER	1		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

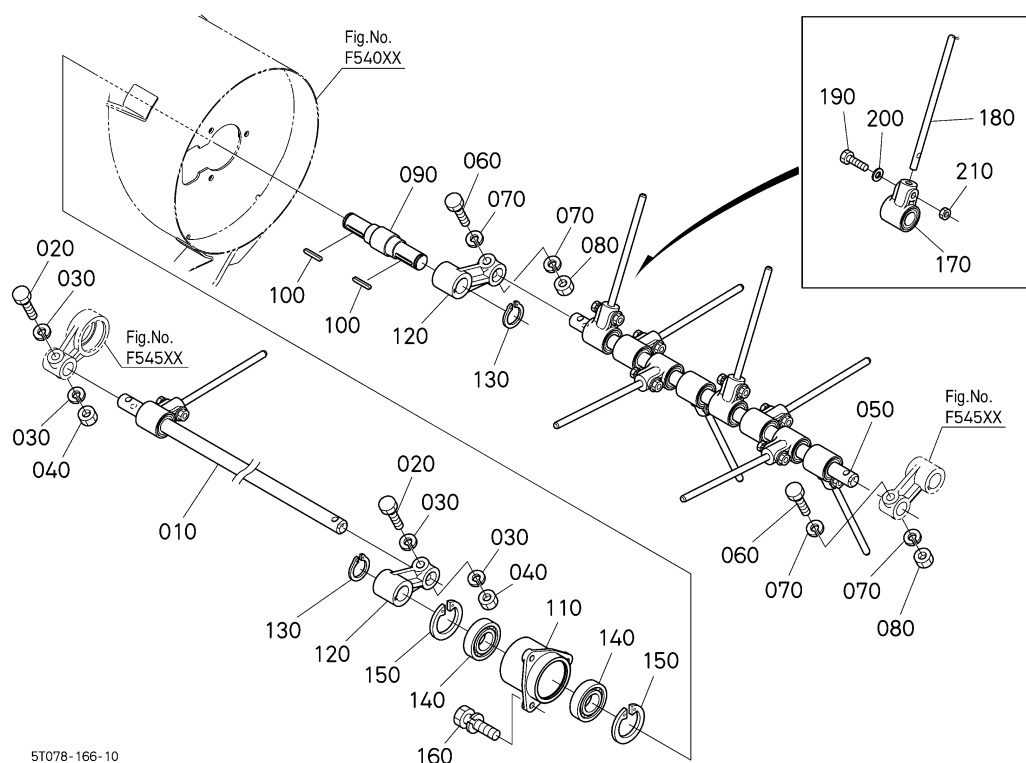
F55000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F55500



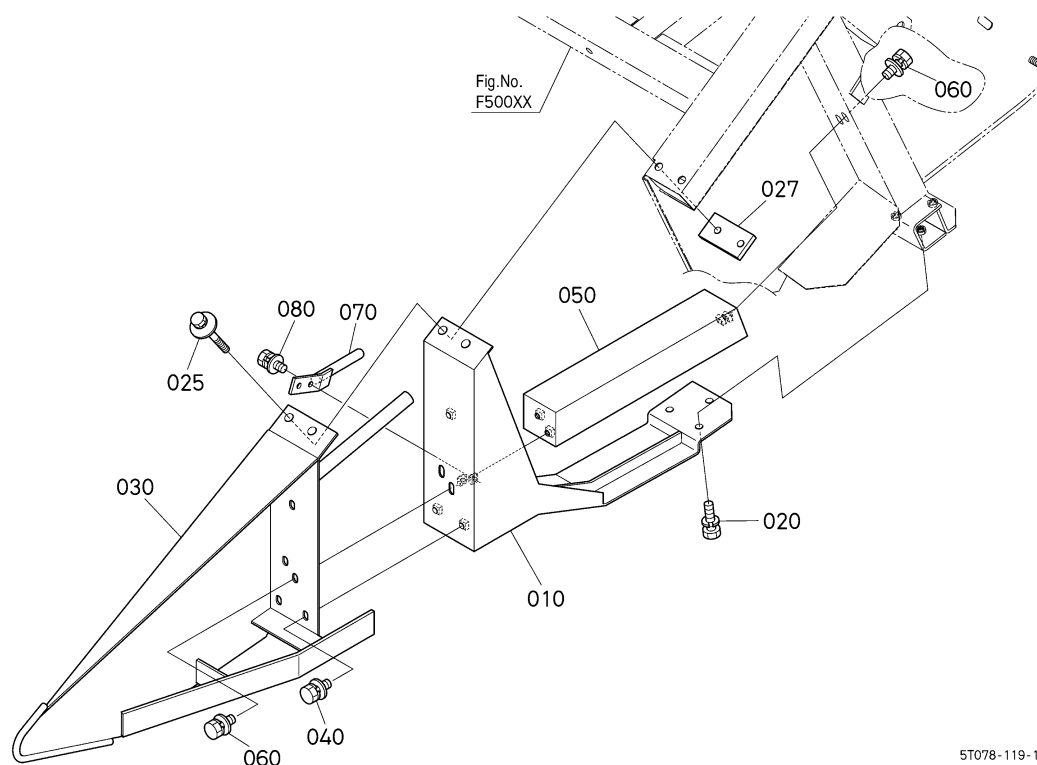
5T078-166-10

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F56000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F56500

BỘ CHIA PHẢI DIVIDER RH



5T078-120-14

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F57000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F57500

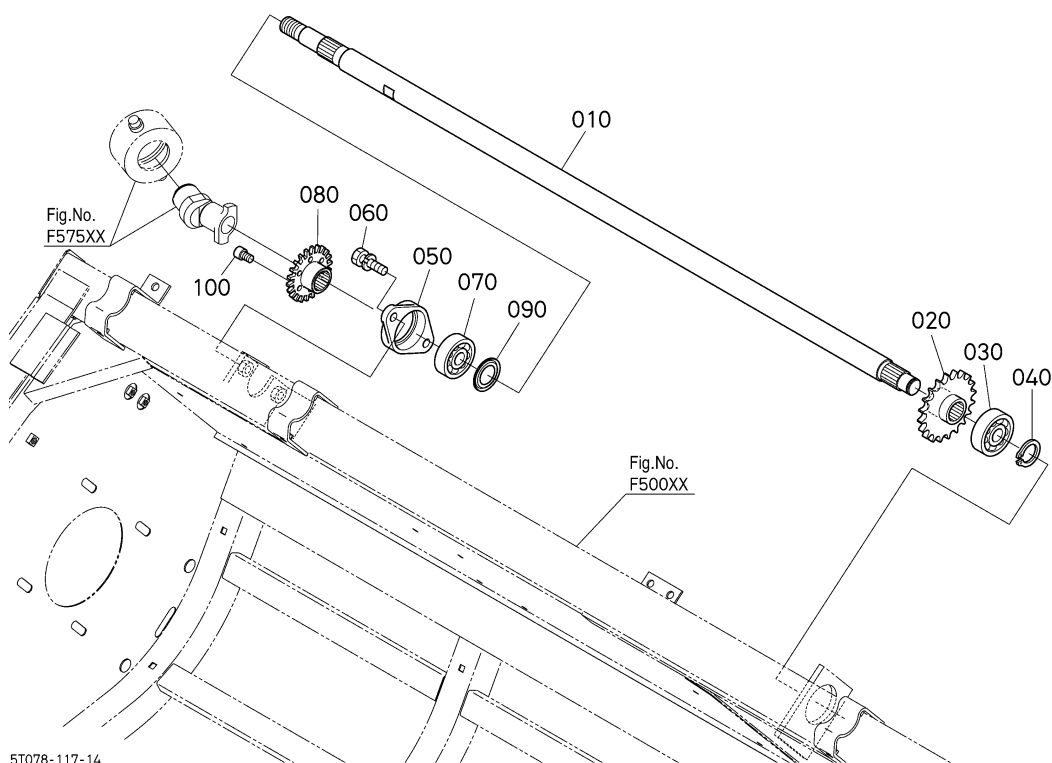


A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F58000

TRỰC TRUYỀN ĐỘNG GẠT HARVEST DRIVE SHAFT



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

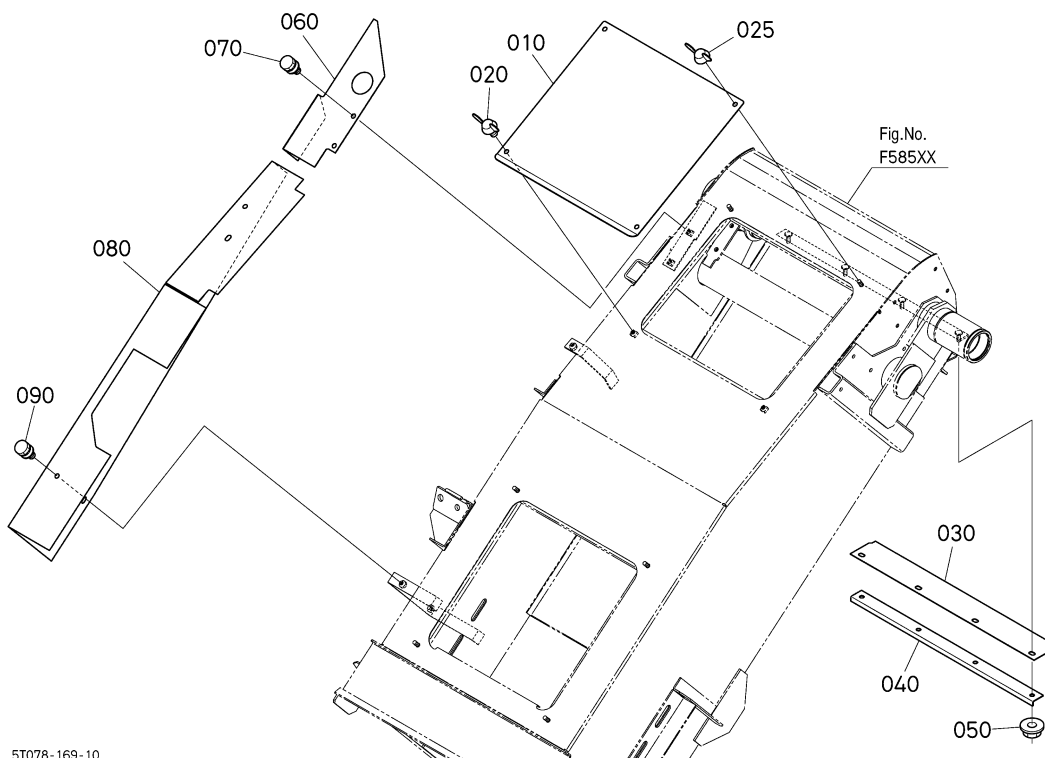
F58500



Fig.No.
H001XX

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**F59000 NẮP ỐNG DẪN
FEEDER COVER**



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

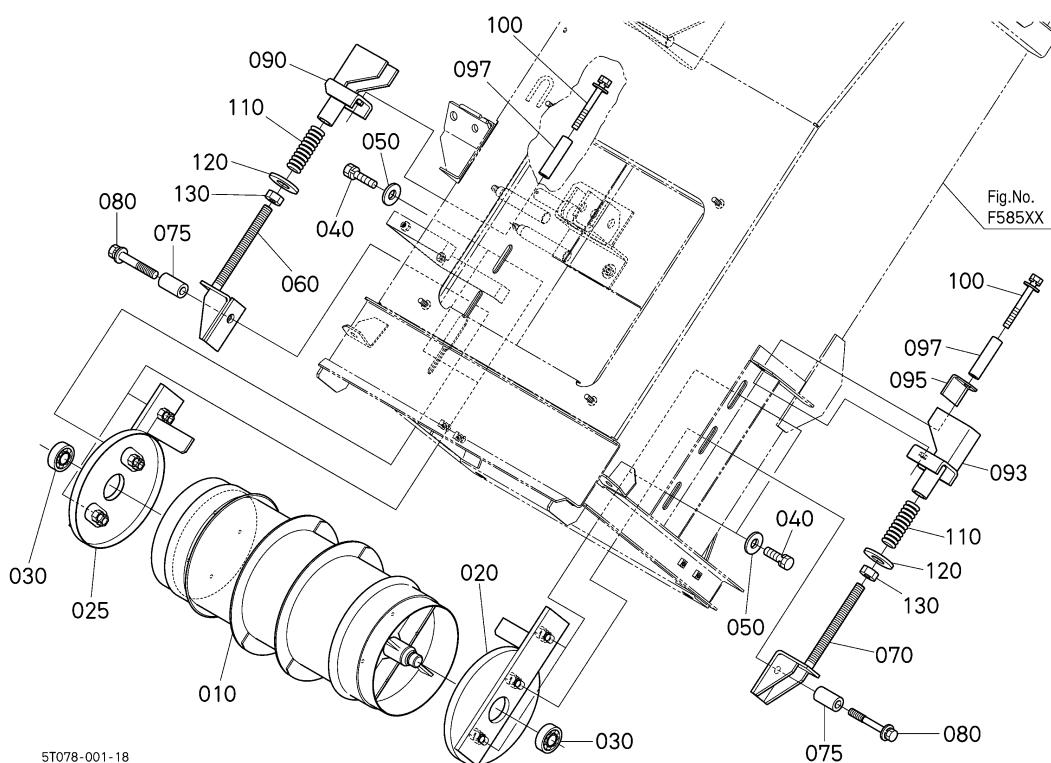
F59500



Fig.No.
F585XX

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F60000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F60500



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F61000



A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F61500



5T078-175-1

SỐ THAM KHẢO
REF No

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F62000



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

F62500



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H00101

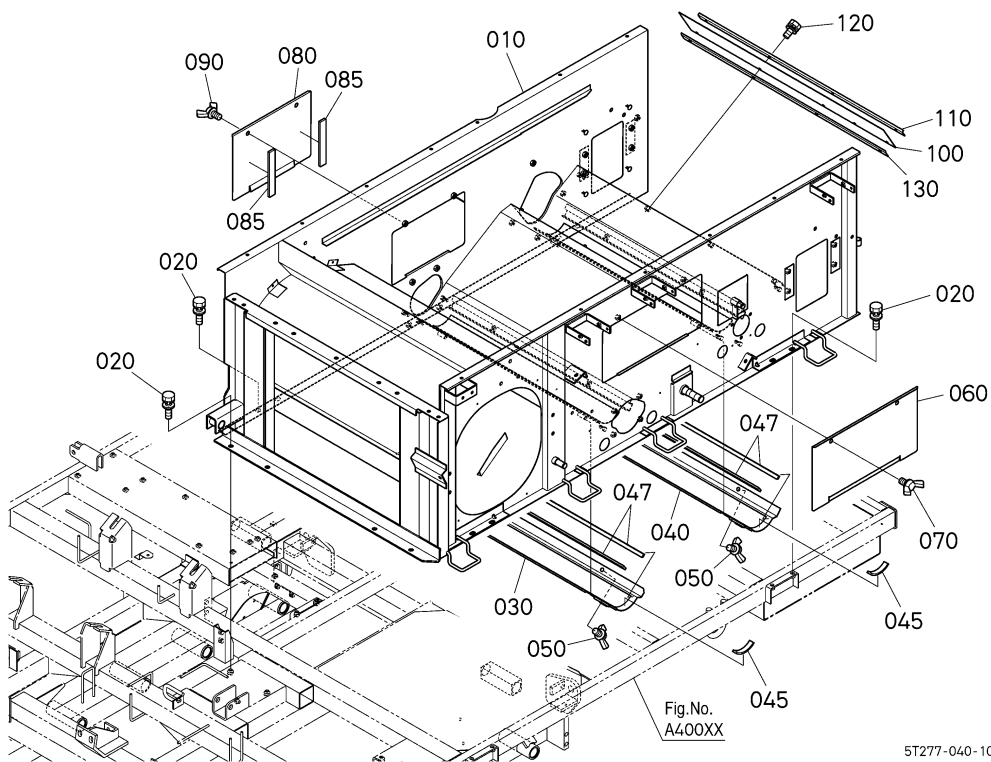


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THANH KHOẢN REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				Q'TY/S.No.		
				A		
010	5T078-6102-2	KHUNG TRÊN HOÀN CHỈNH	FRAME,COMP(UPPER)	1		
020	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	19		
030	01138-51030	BU LÔNG	BOLT,SEMS	2		
045	04013-50100	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	2		
047	01135-51025	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	2		
050	01517-51640	ĐINH ĐẦU TO	BOLT,STUD	2		
060	5T078-6951-0	THANH DẪN, SÀNG	GUIDE(SIEVE)	2		
070	01127-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS(LARGE WASHER)	6		
080	5T072-6193-0	NẮP, BÊN HÔNG PHẢI	COVER(RH,SIDE)	1		
085	5T072-6194-0	ĐỆM LÓT, NẮP BÊN HÔNG PHẢI	PACKING	2		
090	5T078-6196-0	Bu Lông buồng sàng	BOLT,WING(M8*12)	1		
100	5T072-6213-0	CÁI CHẶN, VẢI LÓT PHÍA TRƯỚC	RETAINER(SEAL,FRT FRAME)	1		
110	5T072-6214-0	VẢI LÓT, TRƯỚC KHUNG	CANVAS(FRT,FRAME)	1		
120	01025-50616	BU LÔNG	BOLT	4		
125	5T078-6221-0	ĐĨA	PLATE(THROWER)	1		
126	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	3		
130	5T072-6387-0	VẢI BẠT	CANVAS(FEEDER)	1		
140	5T072-6388-0	CÁI CHẶN, HÀN KÍN ỒNG DẪN	RETAINER(SEAL,FEEDER)	1		
150	01025-50620	BU LÔNG	BOLT	3		
151	01023-50625	BU LÔNG	BOLT,SEMS	1		
152	04015-50060	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN	1		
153	5T124-6389-0	Thanh dẫn	GUIDE(WIRE HARNESS)	1		
160	13824-6758-0	VÒNG SIẾT, DÂY	CLANP,CORD	1		
170	5T078-7981-0	Bộ đèn	LAMP,ASSY(WORKING)	1		
180	5T078-7983-0	Bóng đèn	BULB,LAMP(12V55W)	1	55W	
190	02121-50080	ĐINH ỐC	NUT	1		
200	5T072-4126-0	DÂY	CORD(BAND)	1		

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H00102 KHUNG ĐẬP (PHÍA DƯỚI) THRESHING FRAME (LOWER)



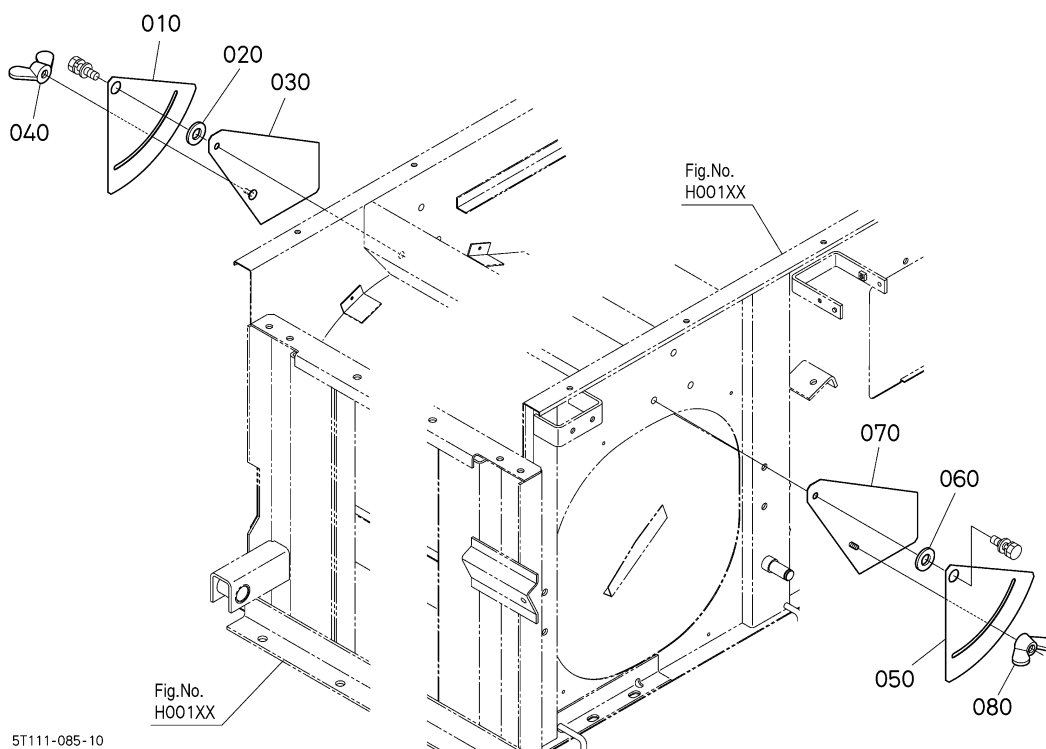
5T277-040-10

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

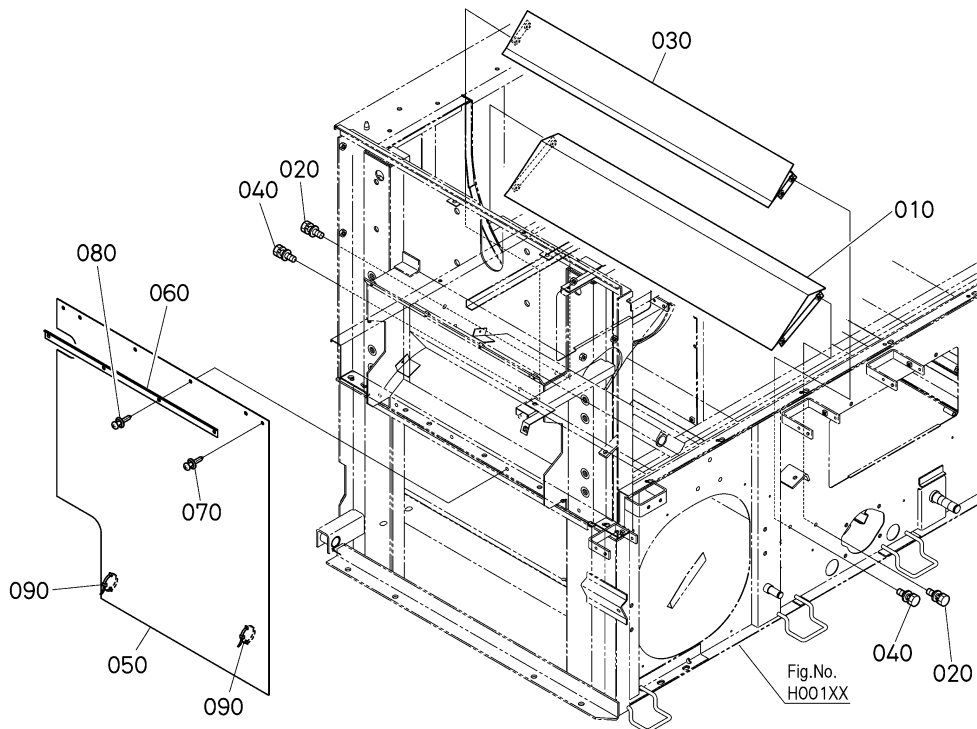
H01000



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

H01100 ĐĨA CHỈ HƯỚNG GIÓ
WIND DIRECTION PLATE



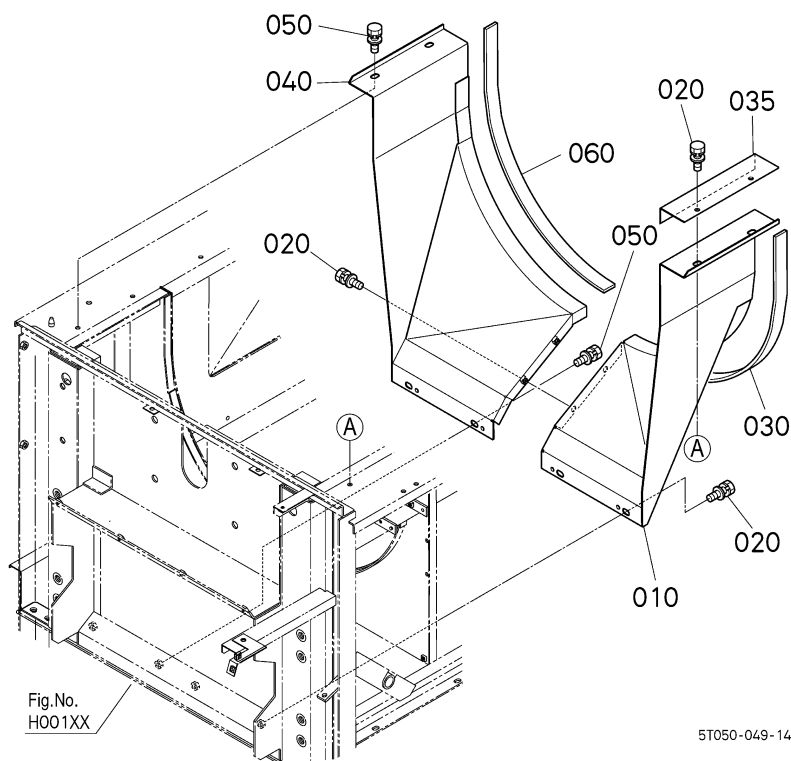
5T078-138-11

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H01200

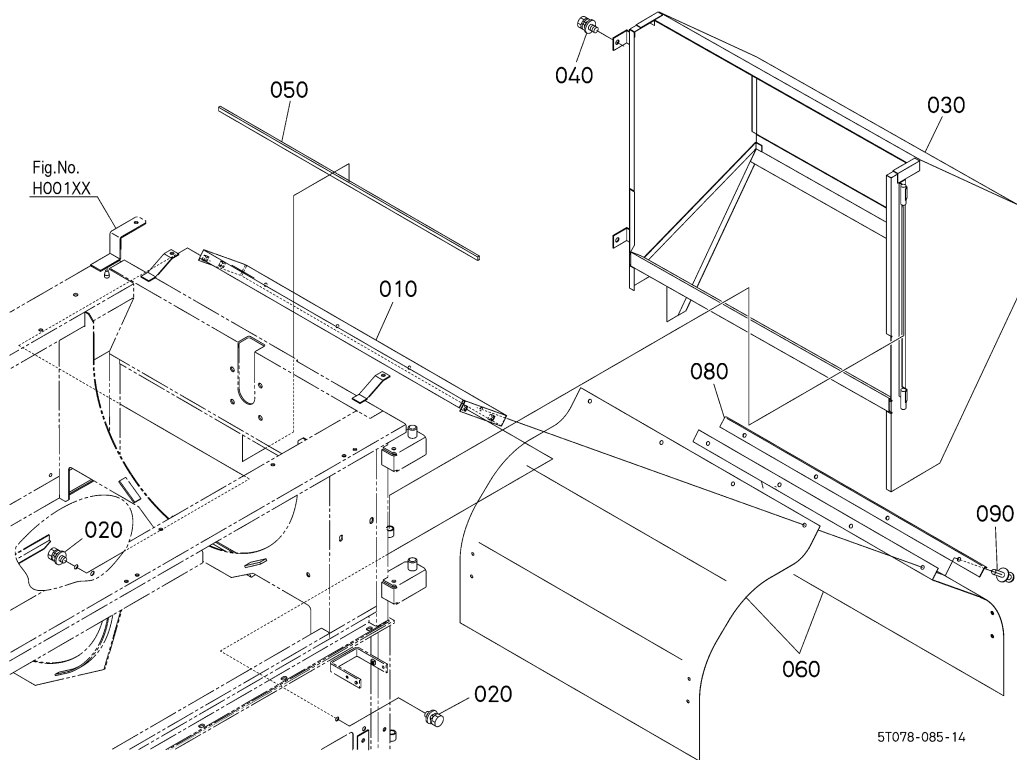


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**H01400 NẮP CHẨN BỤI
DUSTING COVER**

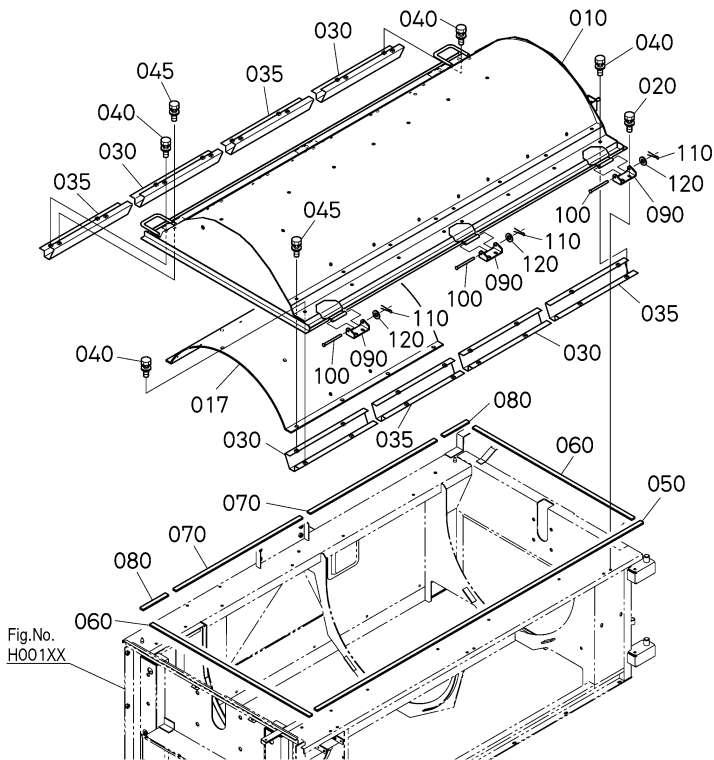


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H01600 CA BÔ ĐẬP THRESHING BONNET



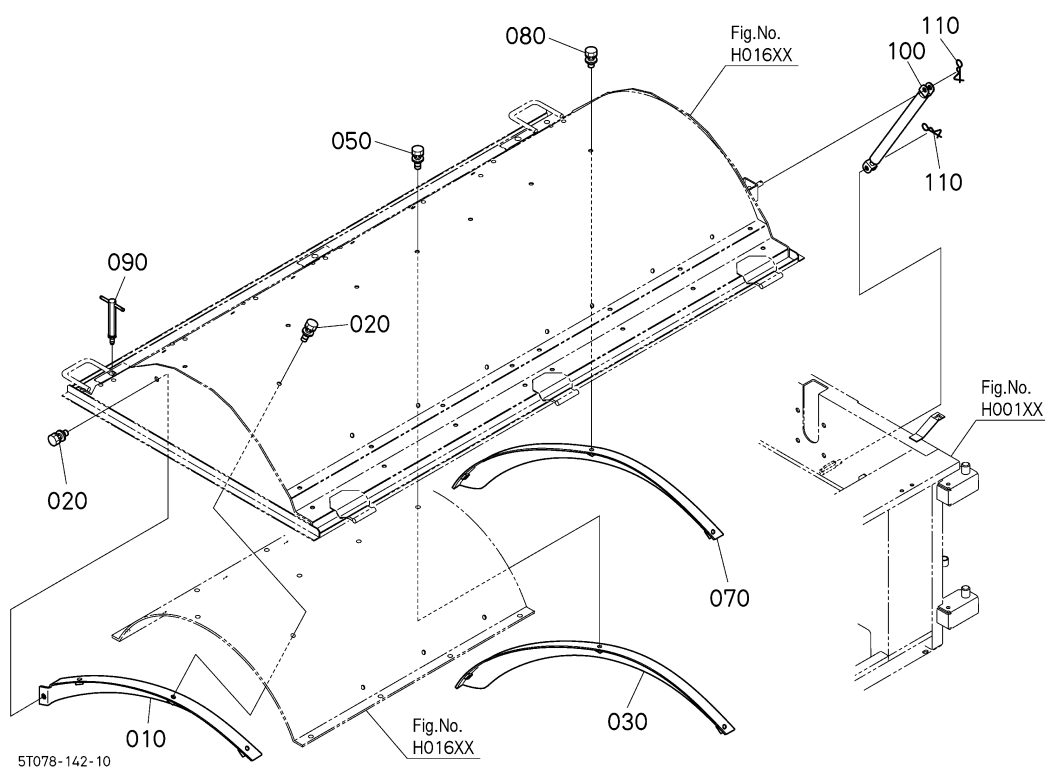
5T078-141-11

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H01800 VAN TẢI BỤI DUST CARRYING VALVE



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H21000



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H21200



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H21500

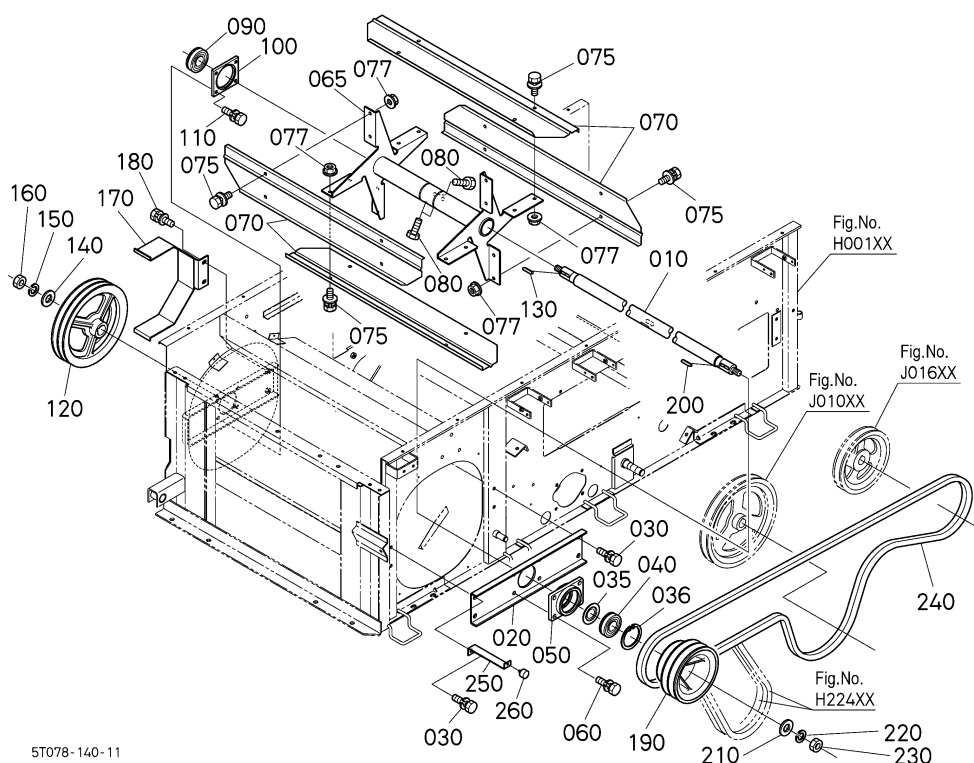


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H22000 TRỤC MÁY QUẠT THÓC WINNOWER SHAFT



5T078-140-11

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẼ-NI Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T078-6611-0	TRỤC	SHAFT(FAN)	1		
020	5T078-6613-2	ĐĨA, MÁY QUẠT THÓC	PLATE(FAN)	1		
030	01133-51020	BU LÔNG	BOLT,SEMS	4		
035	5T078-6634-0	NẮP, BỤI	COVER(DUST)	1		
036	04611-00720	KẸP TRÒN,BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	1		
040	5T078-6624-0	Bạc đạn	BEARING(TMB306)	1		
050	5T078-6615-2	GIÁ ĐỖ	HOLDER(BEARING,1)	1		
060	01133-51030	BU LÔNG	BOLT,SEMS	4		
065	5T078-6623-0	CÁNH TAY, MÁY QUẠT THÓC	ARM(WINNOWER)	1		
070	5T072-6619-0	LUỖI	BLADE(FAN)	4		
075	01127-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS(LARGE WASHER)	16		
077	02751-50080	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	NUT,FLANGE	16		
080	01173-51020	BU LÔNG	HEX.BOLT	4		
090	5T078-6621-0	Bạc đạn	BEARING(6306NR)	1		
100	5T078-6622-0	GIÁ ĐỖ	HOLDER(BEARING,2)	1		
110	01133-51020	BU LÔNG	BOLT,SEMS	4		
120	5T078-6631-0	PULI CHỮ V	V-PULLEY(C2*257)	1		
130	05712-00735	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	KEY,FEATHER	1		
140	5T072-6519-0	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN(17-45)	1		
150	04512-50160	VÒNG ĐỆM, Lò xo	WASHER,SPRING LOCK	1		
160	02174-50160	ĐINH ỐC	HEX.NUT	1		
170	5T078-6632-0	THANH DẪN, MÁY ĐẬP	GUIDE(THRESHER,INLET)	1		
180	01125-50820	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	2		
190	5T078-6633-2	PULI CHỮ V	V-PULLEY(C2*177-B136)	1		
200	05712-00735	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	KEY,FEATHER	1		
210	5T072-6519-0	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN(17-45)	1		
220	04512-50160	VÒNG ĐỆM, Lò xo	WASHER,SPRING LOCK	1		
230	02174-50160	ĐINH ỐC	HEX.NUT	1		
240	5T078-6635-0	DÂY ĐAI CHỮ V, MÁY ĐẬP	V-BELT(B104,THRESHING)	1		
250	5T078-7236-0	ĐĨA	PLATE(COVER GUIDE,2)	1		

← Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H22000

TRỤC MÁY QUẠT THỐC WINNOWER SHAFT

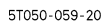


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H22400



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

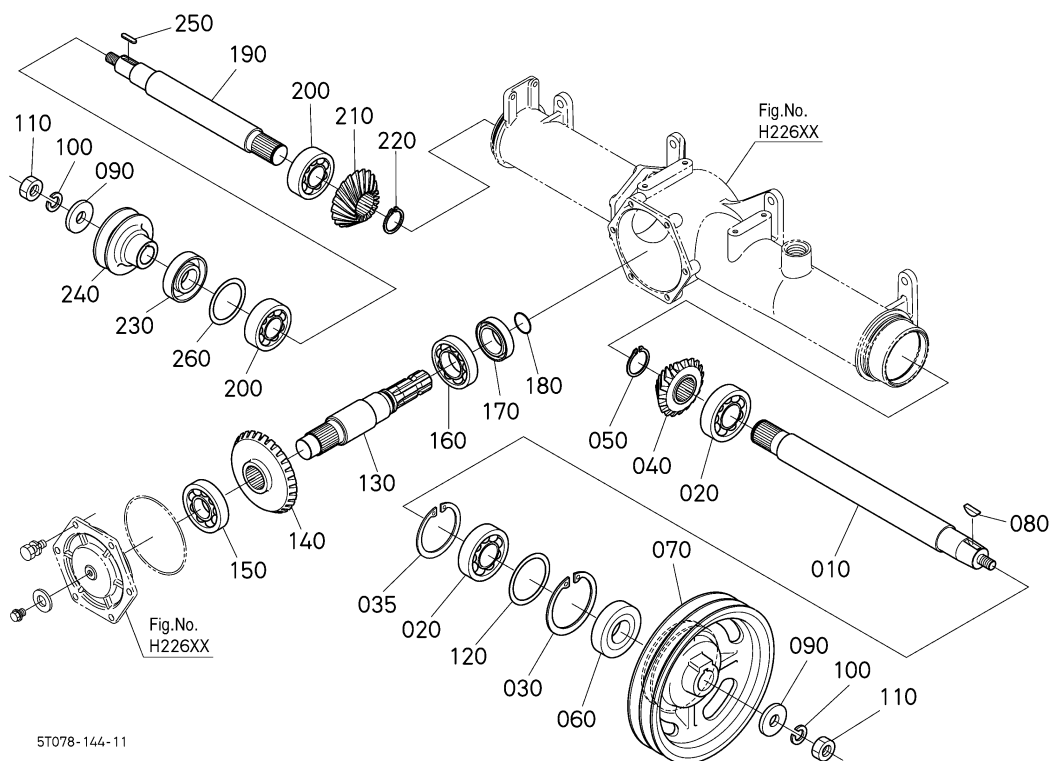
H22600



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H22700 TRỤC TRUYỀN ĐỘNG XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER DRIVE SHAFT



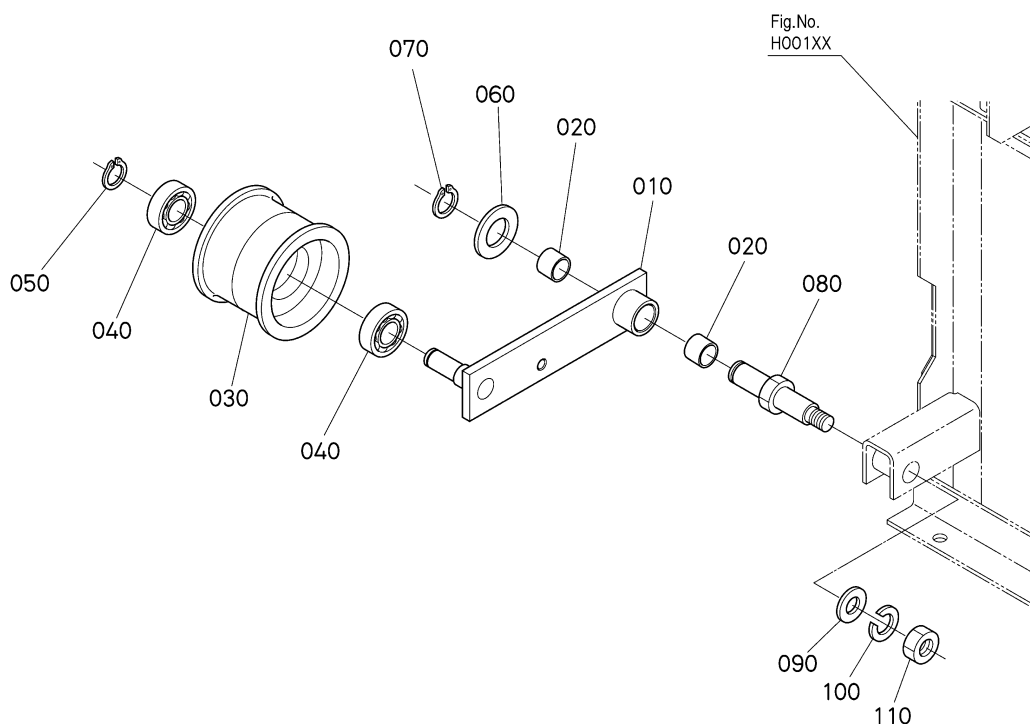
5T078-144-11

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T072-6515-0	TRỤC	SHAFT(BEVEL,1)	1		
020	08101-06308	Ổ,BI	BEARING,BALL	2		
030	04611-00900	KEP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	1		
035	04611-00800	KEP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	1		
040	5T071-6521-0	BÁNH RĂNG,HÌNH CÔN	GEAR,BEVEL 19L	1	19T	
050	04612-00400	KEP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIR-CLIP,EXTERNAL	1		
060	5T073-1071-0	PHỚT,DẦU	SEAL,OIL	1		
070	5T078-6517-3	PULI CHỮ V	V-PULLEY(C2*275-B147)	1		
080	5T072-6518-0	THEN, BÀN NGUYỆT	KEY,WOODRUFF(8*32)	1		
090	5T072-6519-0	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER,PLAIN(17-45)	2		
100	04512-50160	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER,SPRING LOCK	2		
110	02176-50160	ĐINH ỐC	HEX.NUT	2		
120	5T072-6527-0	MIẾNG CHÈN	SHIM(749010)	1	1.0 mm	
120	5T072-6528-0	MIẾNG CHÈN	SHIM(749001)	1	0.1 mm	
120	5T072-6529-0	MIẾNG CHÈN	SHIM(749002)	4	0.2 mm	
120	5T078-6529-0	MIẾNG CHÈN	SHIM(648002)	4	0.2 mm	
130	5T072-6536-0	TRỤC	SHAFT(BEVEL,2)	1		
140	5T071-6522-0	BÁNH RĂNG, HÌNH CÔN	GEAR,BEVEL	1	29T	
150	08101-06307	Ổ,BI	BEARING,BALL	1		
160	08101-06209	Ổ,BI	BEARING,BALL	1		
170	09500-45689	NHẪN,DẦU	SEAL,OIL	1		
180	04816-50350	VÒNG CHỮ O	O RING	1		
190	5T072-5642-0	TRỤC	SHAFT(BEVEL,3)	1		
200	08101-06307	Ổ,BI	BEARING,BALL	2		
210	5T071-6523-0	BÁNH RĂNG,HÌNH CÔN	GEAR,BEVEL R	1	19T	
220	04612-00350	KEP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIR-CLIP,EXTERNAL	1		
230	09503-58011	NHẪN,DẦU	SEAL,OIL	1		
240	5T078-5643-0	PULI CHỮ V	V-PULLEY(B,100)	1		
250	05712-00730	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	FEATHER KEY	1		
260	5T072-6524-0	MIẾNG CHÈN	SHIM(648010)	1	1.0 mm	

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H30600



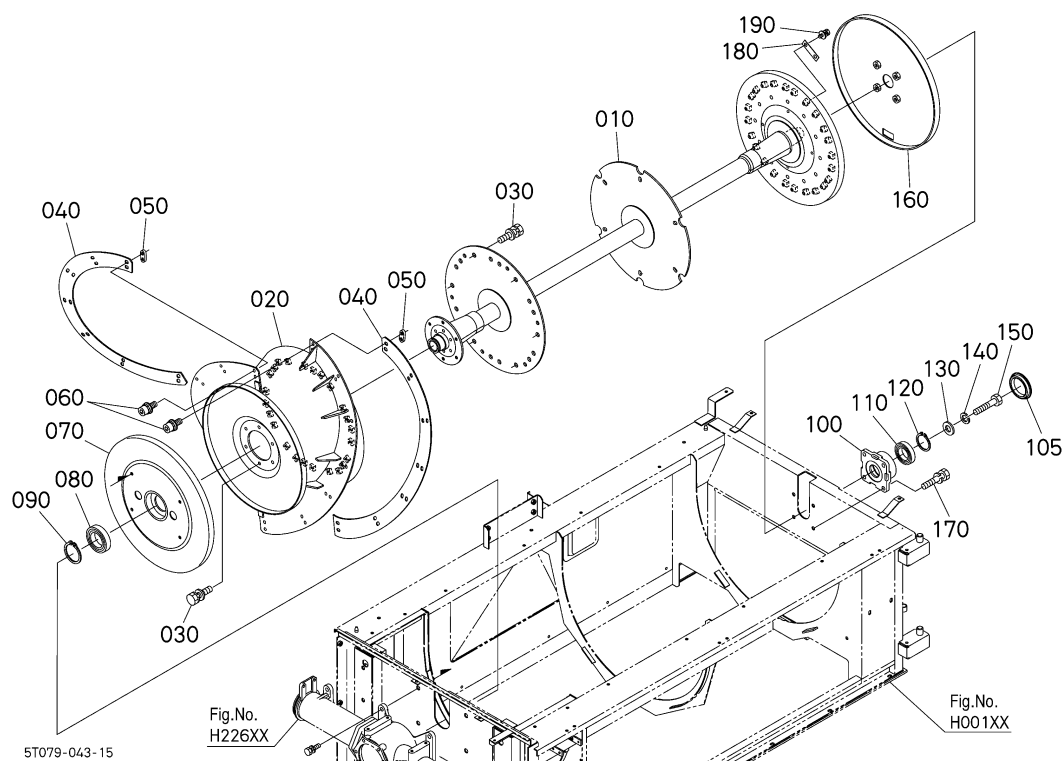
5T050-051-13

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\Leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H40000 TRỤC XYLANH ĐẬP THRESHING CYLINDER SHAFT



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T078-6391-0	TRỤC	SHAFT(THRESHER)	1		
020	5T078-6312-2	RÔ-TƠ	ROTOR(AUGER)	1		
030	01135-51025	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	12		
040	5T072-6313-0	ĐĨA, XOẢN ỐC	PLATE(AUGER)	2		
050	5T072-6315-0	ĐAI ỐC, XOẢN ỐC	NUT(AUGER)	14		
060	5T072-6316-2	BU LÔNG	BOLT(12T)	28		
070	5T072-6314-0	ĐĨA, CHỐNG XOẢN PHÍA TRƯỚC	PLATE(DRUM,FRT)	1		
080	08141-06210	Ổ TRỤC	BEARING,BALL	1		
090	04612-00500	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN NGOÀI	CIR-CLIP,EXTERNAL	1		
100	5T072-6317-2	THÂN Ổ TRỤC, XYLANH ĐẬP	CASE,BEARING(THRESHING,REAR)	1		
105	5T106-6318-0	Bulon	PLUG	1		
110	08141-06307	Ổ TRỤC	BEARING,BALL	1		
120	04611-00800	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	1		
130	04015-50160	VÒNG ĐỆM BĂNG	WASHER,PLAIN	1		
140	04512-50160	VÒNG ĐỆM, LÒ XO	WASHER,SPRING LOCK	1		
150	01173-51635	BU LÔNG	HEX.BOLT	1		
160	5T072-6318-0	ĐĨA, CHỐNG XOẢN PHÍA SAU	PLATE(DRUM,REAR)	1		
170	01133-51030	BU LÔNG	BOLT,SEMS	4		
180	5T124-6331-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(0.8)	1		THÍCH HỢP
180	5T124-6332-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(1.0)	1		THÍCH HỢP
180	5T124-6333-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(1.5)	1		THÍCH HỢP
180	5T124-6334-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(3.0)	1		THÍCH HỢP
180	5T124-6335-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(4.5)	1		THÍCH HỢP
180	5T124-6336-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(5.5)	1		THÍCH HỢP
180	5T124-6337-0	TRỌNG LƯỢNG	WEIGHT(6.5)	1		THÍCH HỢP
190	01135-51030	BU LÔNG	BOLT,W SEMS	24		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

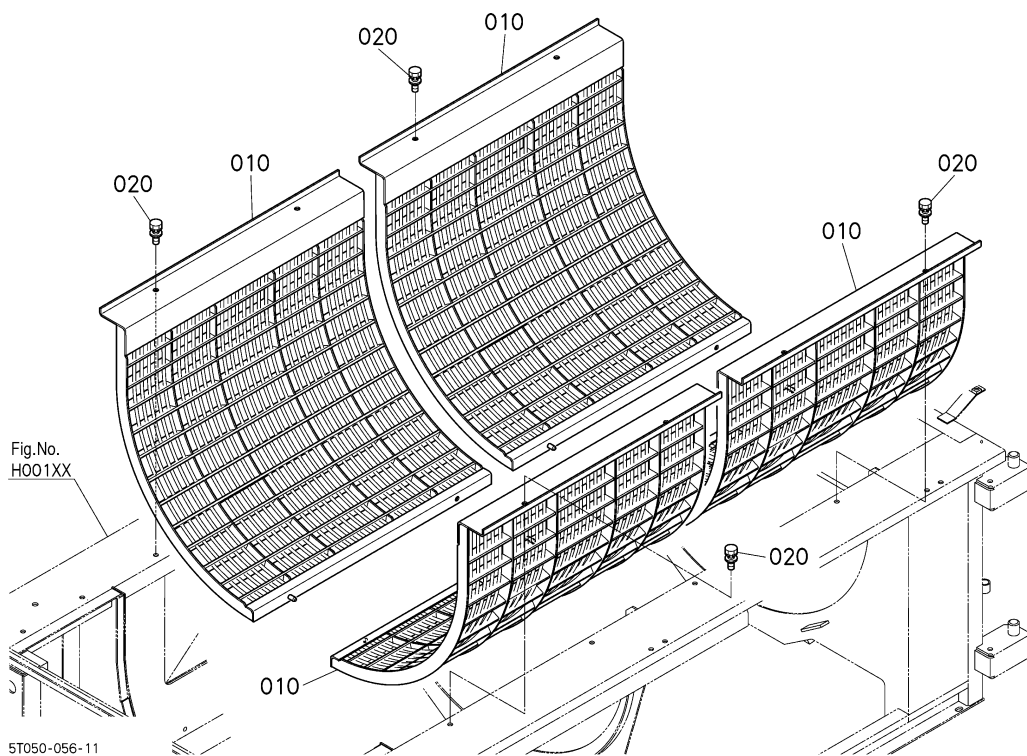
H40200



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

**H40300 ĐỘ LỖM
CỒNCAVE**



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H80401

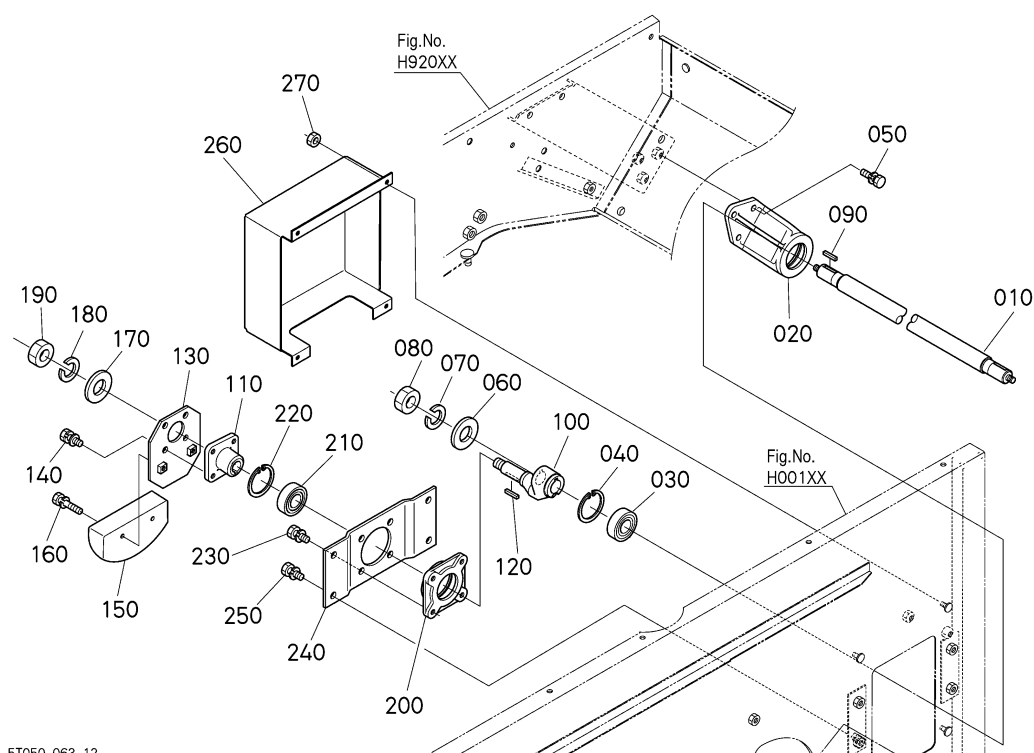


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H80402 TRỤC LUNG LAY PHẢI ROCKING SHAFT RH



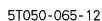
5T050-063-12

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/SỐ SẴN Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T072-6911-0	TRỤC, LUNG LAY	SHAFT(SHAKE)	1		
020	5T072-6919-0	CÁNH TAY, LUNG LAY	ARM(SHAKING)	1		
030	08141-06204	Ổ, BI	BEARING,BALL	1		
040	04611-00470	KEP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
050	01123-50825	BU LÔNG	BOLT, SEMS	3		
060	04015-50080	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER, PLAIN	1		
070	04512-50080	VÒNG ĐỆM, Lò xo	WASHER, SPRING LOCK	1		
080	02156-50080	ĐINH ỐC	HEX. NUT	1		
090	05712-00525	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	FEATHER KEY	2		
100	5T051-6912-0	TRỤC, LUNG LAY	SHAFT	1		
110	5T072-6916-0	VÁU LỖI, PULI LUNG LAY	BOSS(SHAKING PULLEY)	1		
120	05712-00525	THEN, PULI ĐỘNG CƠ	FEATHER KEY	1		
130	5T072-6917-0	ĐĨA, CÂN	PLATE(WEIGHT)	1		
140	01125-50820	BU LÔNG	BOLT, W SEMS	4		
150	5T072-6918-0	TRỌNG LƯỢNG, CÂN BẰNG SÀNG	WEIGHT(SIEVE BALANCE)	1		
160	01123-50845	BU LÔNG	BOLT, SEMS	2		
170	04013-50120	VÒNG ĐỆM BẰNG	WASHER, PLAIN	1		
180	04512-50120	VÒNG ĐỆM, Lò xo	WASHER, SPRING LOCK	1		
190	02176-50120	ĐINH ỐC	HEX. NUT	1		
200	5T072-6915-0	HỘ Ổ BI	CASE, BEARING(SHAKING)	1		
210	08141-06303	Ổ, BI	BEARING, BALL	1		
220	04611-00470	KEP TRÒN, BỘ PHẬN TRONG	CIR-CLIP, INTERNAL	1		
230	01123-50820	BU LÔNG	BOLT, SEMS	4		
240	5T072-6941-0	ĐĨA, LUNG LAY	PLATE(SHAKING)	1		
250	01123-50820	BU LÔNG	BOLT, SEMS	4		
260	5T078-7243-0	NẮP, LUNG LAY BÊN PHẢI	COVER(SHAKING, RH)	1		
270	02021-50060	ĐINH ỐC	NUT	4		

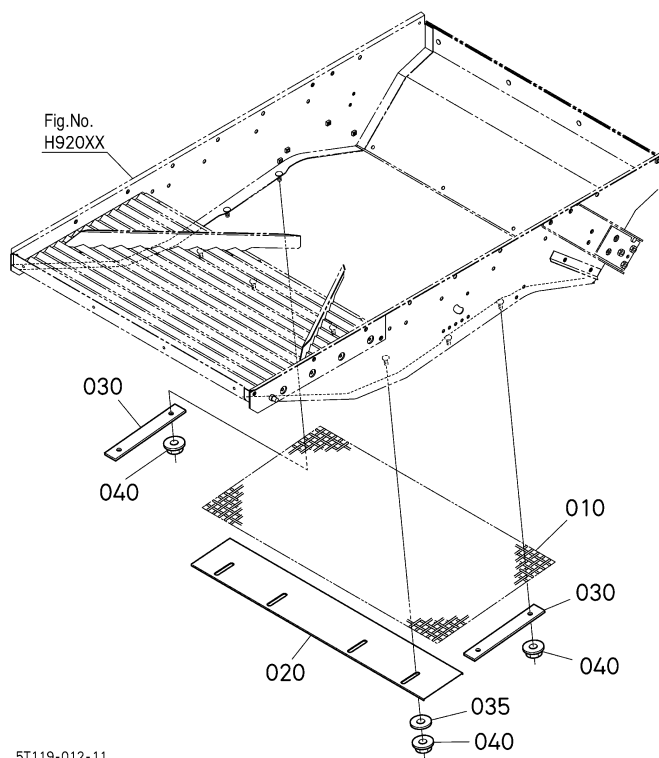
↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

H80700

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H90300

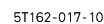


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H92001



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

H92002



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

J01000



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

J01100



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J01200



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J01600

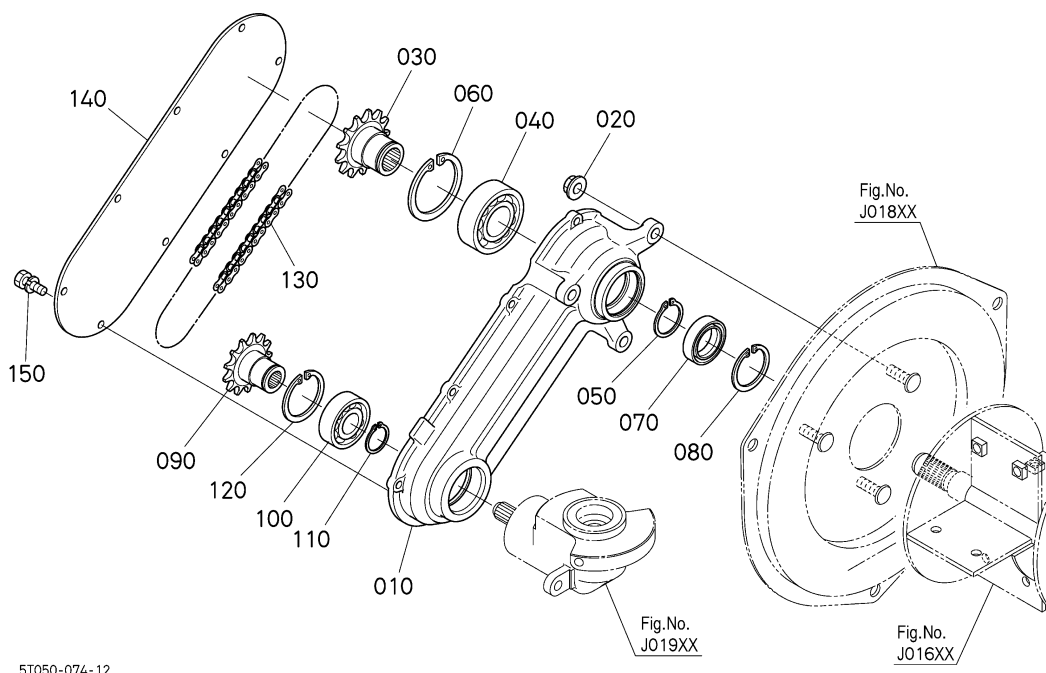


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J01700 HỘP XÍCH TRUYỀN ĐỘNG THỨ 2
SECOND DRIVE CHAIN CASE



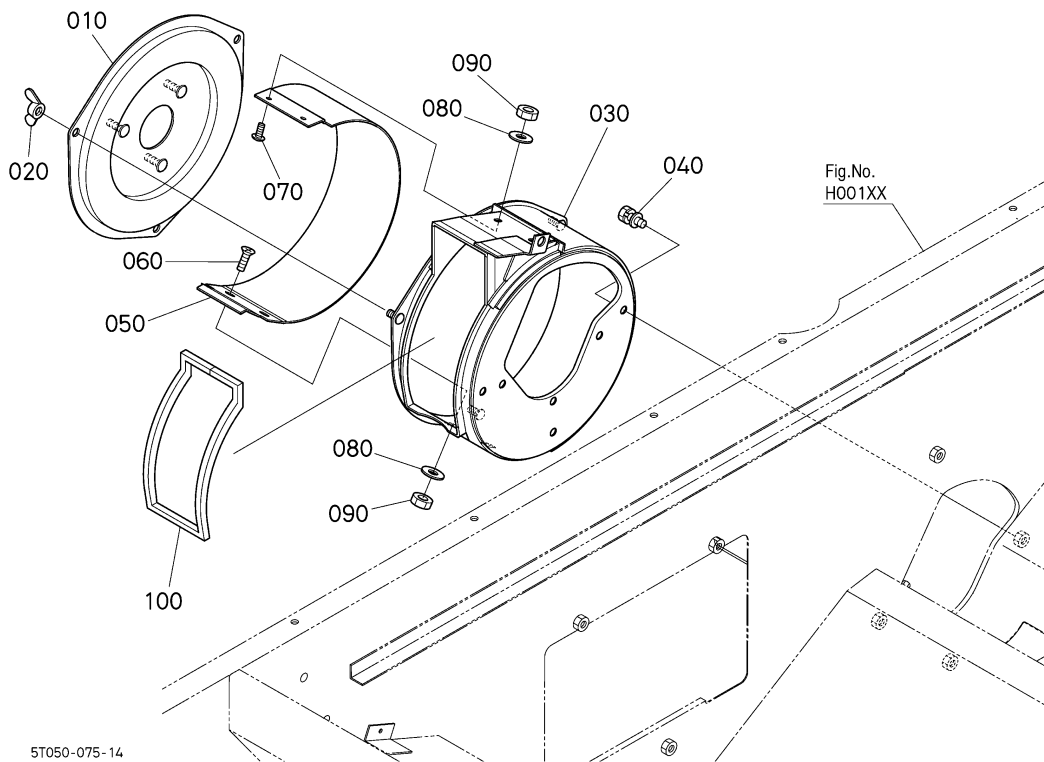
5T050-074-12

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**J01800 HỘP SỐ THỨ 2
SECOND CASE**



5T050-075-14

Fig.No.
H001XX

A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J01900

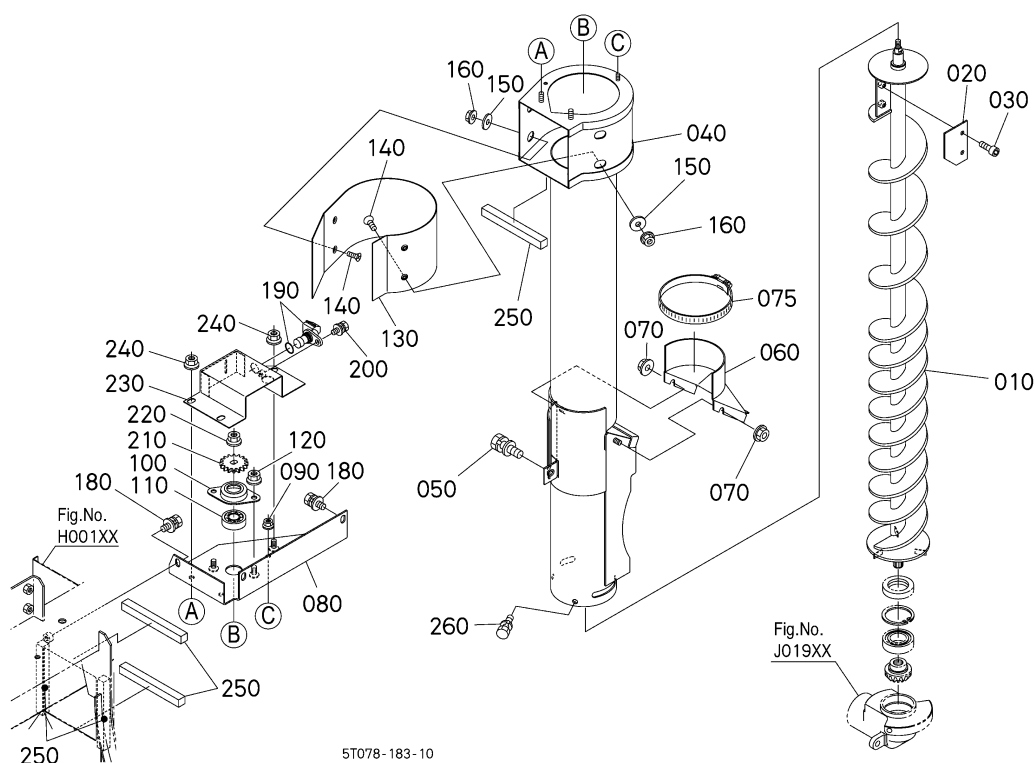


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

J02000



A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

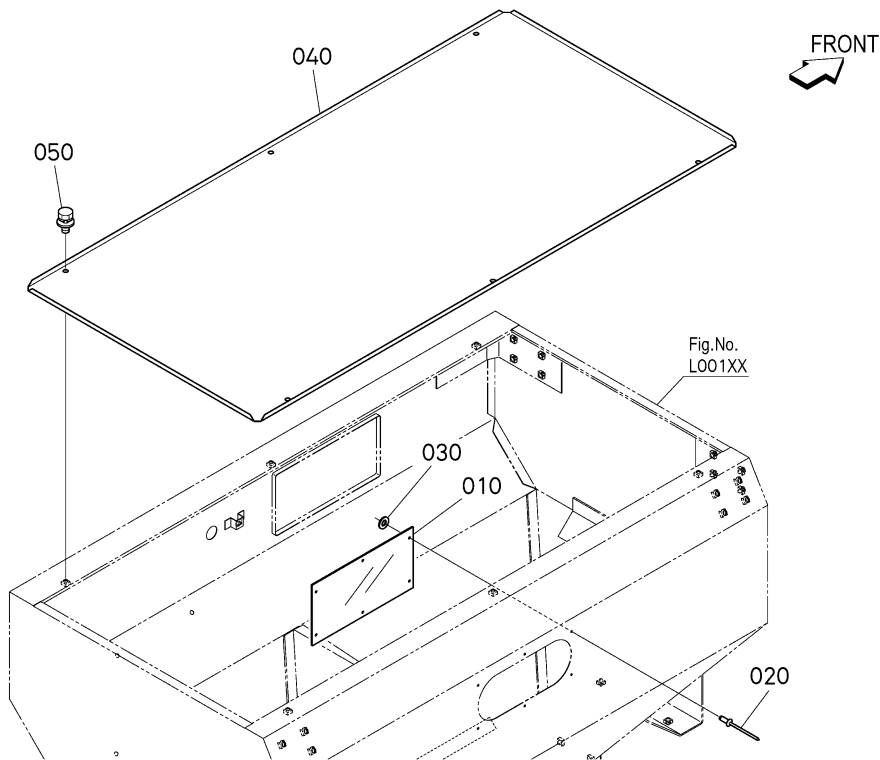
L00100



A:DC-70 PRO VN-HOPPER

SỐ THAM KHẢO
REF.No.

L00300



5T079-031-10

A:DC-70 PRO VN-HOPPER

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

L00400

CỬA SẬP SHUTTER

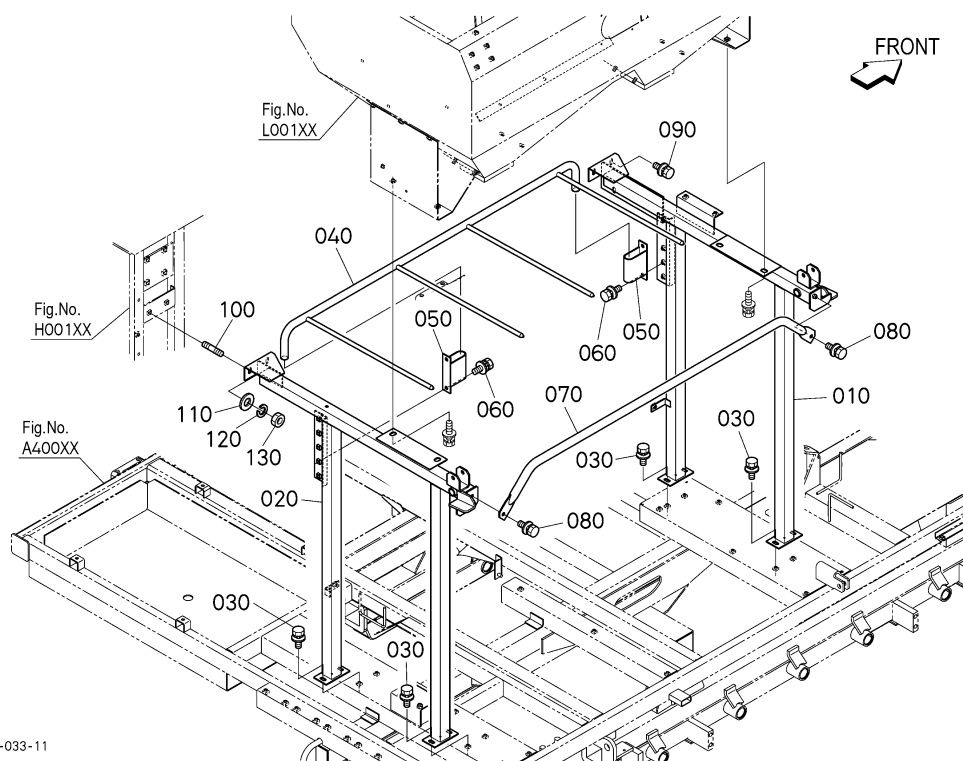


A:DC-70 PRO VN-HOPPER

[illegible]

↔ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

L00500

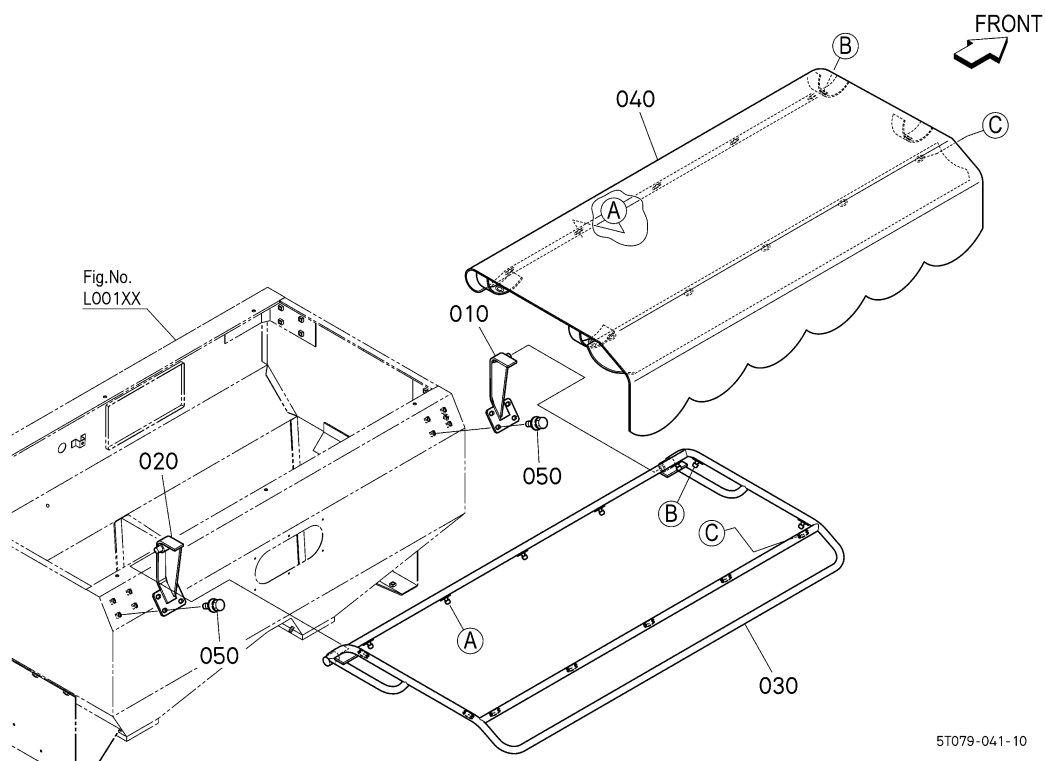


A:DC-70 PRO VN-HOPPER

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**L01500 TẤM LÓT
CANVAS**

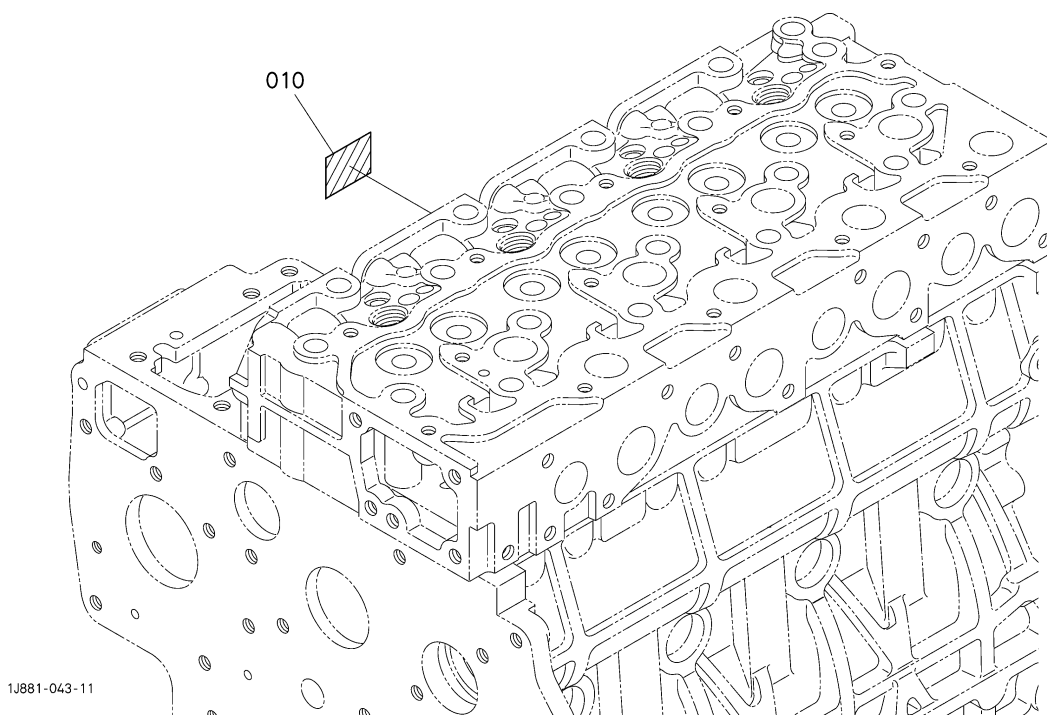


A:DC-70 PRO VN-HOPPER

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**N10000 NHÃN (ĐỘNG CƠ)
LABEL (ENGINE)**

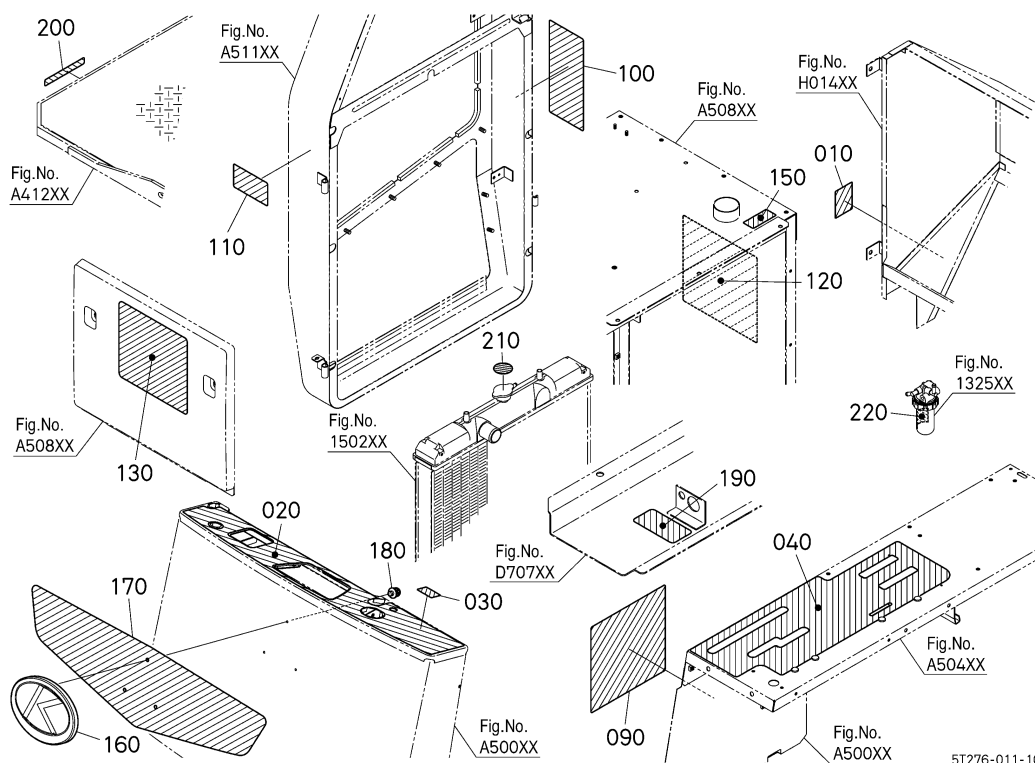


A:V2403-M-DI-TE-CS4T

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

**N10500 NHÃN (THÂN)
LABEL (BODY)**



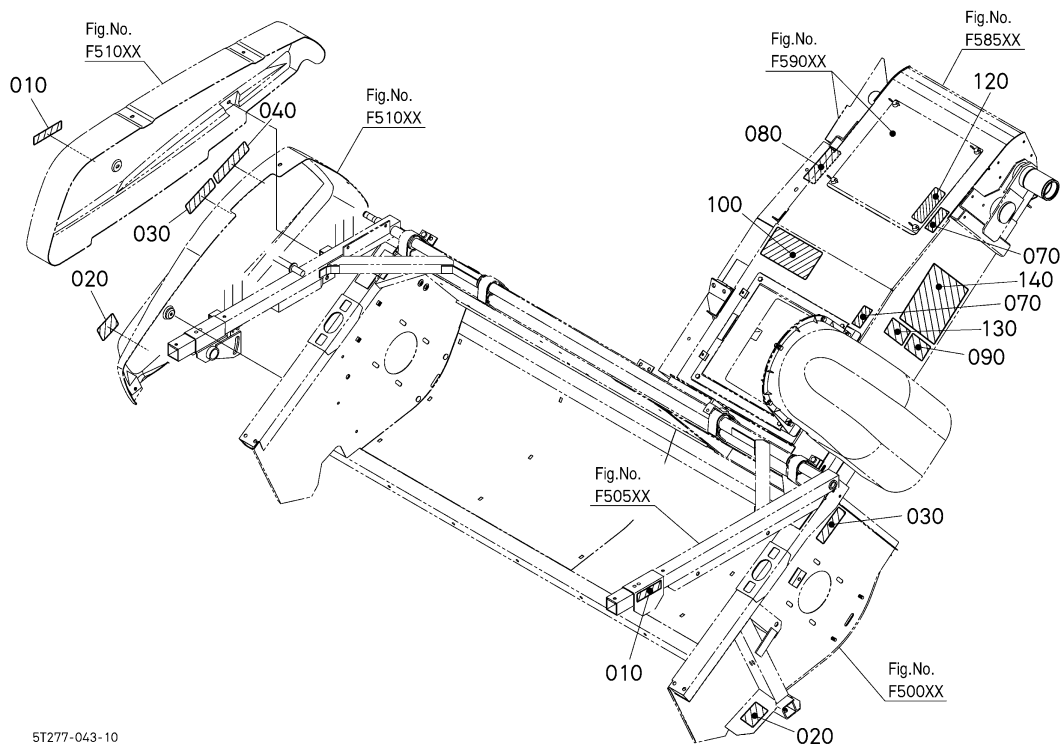
5T276-011-10

A:DC-70 PRO VN

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

**N11000 NHÃN (GẶT)
LABEL (HARVEST)**



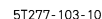
5T277-043-10

A:DC-70 PRO VN-REEL/FEEDER

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

NHÃN (ĐẬP) LABEL (THRESHING)

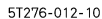


A:DC-70 PRO VN-THRESHING

[illegible]

$\leftrightarrow$ Thay thế được; $\neq$ Không thay thế được; $\leftarrow$ Mới thay cho cũ được; $\rightarrow$ Cũ thay cho mới được

N12000 NHÃN (PHẪU NẠP LIỆU)
LABEL (HOPPER)



A:DC-70 PRO VN-HOPPER

[illegible]

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

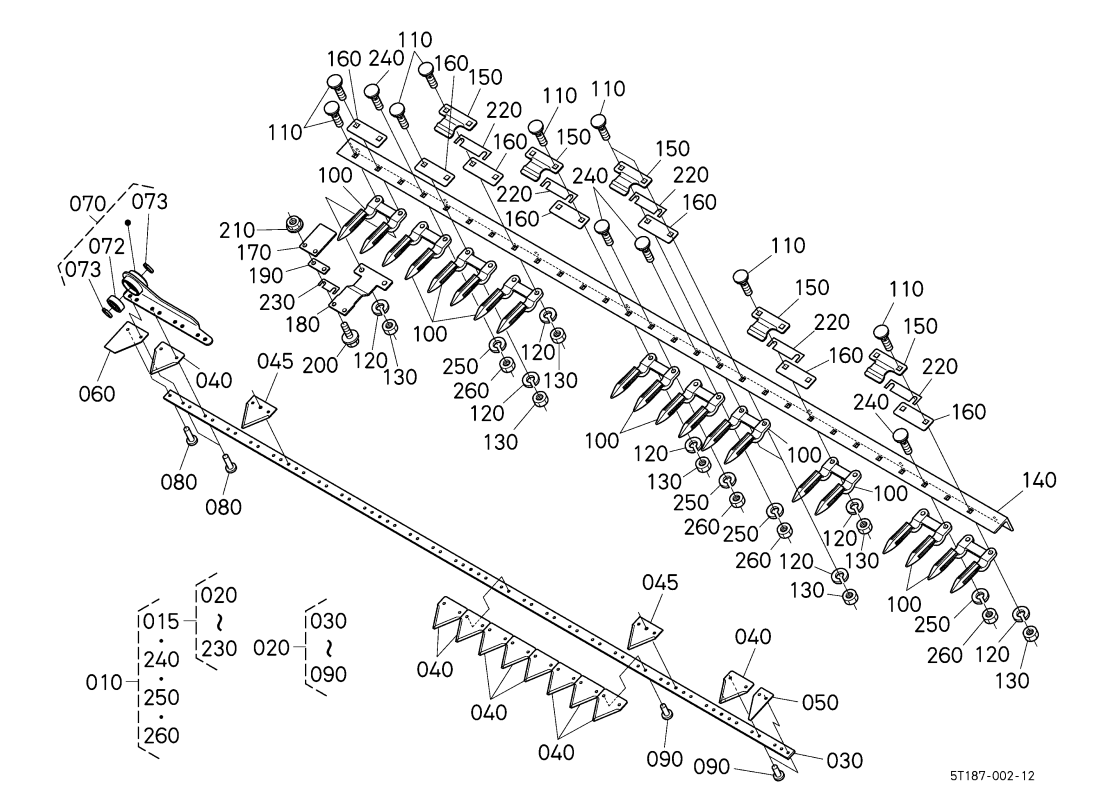
R10000



A:DC-70 PRO VN

[illegible]

R10100 PHỤ TÙNG ĐÍNH KÈM 2
ACCESSORIES 2



A:DC-70 PRO VN

SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TÊN PHỤ TÙNG	PART NAME	SỐ LƯỢNG/Số sê-ri Q'TY/S.No.	I.C. I.C.	LƯU Ý REMARKS
				A		
010	5T078-5190-3	LUỖI GẶT,BỘ	BLADE,REAPING,ASSY	1		
015	5T078-5197-0	LUỖI GẶT,BỘ	BLADE,REAPING,ASSY(SUB)	1		
020	5T078-5191-0	LUỖI GẶT,BỘ HOÀN CHỈNH	BLADE,REAPING,COMP	1		
030	5T078-5192-2	CÁN DAO	BAR,KNIFE	1		
040	5T072-5133-0	LUỖI CẮT	CUTTING BLADE	21		
045	5T124-5133-0	LUỖI GẶT	BLADE,REAPING(2)	5		
050	5T072-5134-0	ĐĨA	PLATE,1	1		
060	5T072-5135-0	ĐĨA	PLATE,2	1		
070	5T078-5193-0	ĐẦU, DAO	HEAD,KNIFE	1		
072	08141-06302	Ổ,BI	BEARING,BALL	1		
073	04611-00420	KẸP TRÒN,BỘ PHẦN TRONG	CIR-CLIP,INTERNAL	2		
080	5T072-5137-0	ĐINH TÁN	RIVET,1	8		
090	5T072-5138-0	ĐINH TÁN	RIVET,2	48		
100	5T072-5141-0	CỬA CHẮN, DAO	GUARD,KNIFE	14		
110	5T072-5142-0	BULONG, CỔ VUÔNG	BOLT,SQ.NECK 7T M10*35	24		
120	04512-50100	VÒNG ĐỆM	WASHER,SPRING LOCK	24		
130	02114-50100	ĐINH ỐC	HEX.NUT	24		
140	5T078-5143-0	BỀ ĐỒ	BASE,RECIEVED BLADE	1		
150	5T072-5144-0	KẸP, DAO	CLIP,KNIFE	5		
160	5T072-5145-0	THANH DẪN, BÀN TRƯỢT	GUIDE,SLIDE	7		
170	5T072-5146-0	KẸP DAO, PHẢI	KNIFE CLIP,RH	1		
180	5T072-5147-0	HỖ TRỢ	SUPPORT	1		
190	5T072-5148-0	THANH GIẰNG	SPACER	1		
200	01754-50825	BULONG,MỀP	BOLT,FLANGE	2		
210	02751-50080	ĐAI ỐC, MẶT BÍCH	NUT,FLANGE	2		
220	5T072-5149-0	MIẾNG CHÈN	SHIM,0.27	5		
230	5T072-5151-0	THANH GIẰNG	SPACER,0.5	1		
240	5T072-5142-0	BULONG, CỔ VUÔNG	BOLT,SQ.NECK 7T M10*35	4		
250	04512-50100	VÒNG ĐỆM	WASHER,SPRING LOCK	4		
260	02114-50100	ĐINH ỐC	HEX.NUT	4		

↔ Thay thế được; ≠ Không thay thế được; ← Mới thay cho cũ được; → Cũ thay cho mới được

SỐ THỨ TỰ DANH MỤC NUMERICAL INDEX

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.
HH164-3243-0...6...010			TE022-0460-0...33...150			01025-50620 ...144...150			01125-5081699...110		
HHTA0-5990-0...80...170				34...020			148...088			143...070	
K3601-1482-0...85...130				34...090			151...150			143...090	
K7001-3962-0...79...120				76...190		01025-5064073...050				156...020	
K7561-1118-0...79...160			W9503-2203-0...198...050			01025-5065046...020				179...140	
	80...100		W953Y-9111-0...192...010				64...190			188...050	
MA400-1000-0...107...010			W953Y-9112-0...192...020			01027-5061639...110				189...020	
	108...005		W953Y-9113-0...192...030				51...050		01125-5082026...020		
MA400-1011-0...108...010			W953Y-9114-0...192...040				66...130			26...170	
MA400-1101-0...108...030			W953Y-9171-0...198...090				118...190			29...130	
MA400-1102-0...108...040			W953Y-9172-0...198...110			01027-50616 ...187...100			01125-5082033...040		
MA400-1104-0...108...060			YR484-1517-0...106...080			01123-5081413...140				37...050	
MA400-1105-0...108...070			YR700-0315-0...106...090			01123-508163...020				44...050	
MA400-1106-0...108...080			YT082-5111-0...110...150				40...080			44...080	
MA400-1107-0...108...090			YT102-5131-0...106...100				105...050			56...130	
MA400-1108-0...108...100			YT107-0048-0...110...080				131...100			62...020	
MA400-1109-0...108...110			YT450-0022-0...110...030				178...090			62...040	
MA400-1110-0...108...120			YT665-0013-0...106...110				178...110			62...060	
MA400-1111-0...108...130			YT680-1019-0...106...120				178...180			62...080	
MR001-2021-0...103...015			YT859-5152-0...110...130				182...070			62...100	
MR001-2021-0...103...080			YW030-0010-4...105...010			01123-50816 ...186...260			01125-5082062...130		
	105...020			106...010		01123-5082081...180				64...030	
	107...070		01023-5061247...040				90...200			64...050	
MR002-3031-0...97...060				71...090			91...200			66...020	
	110...200			144...130			107...020			66...050	
PG001-6218-0...150...060				183...150			108...020			67...035	
PK401-2355-0...116...020				189...060			130...050			69...030	
PP501-7529-0...98...050			01023-5061662...170				171...190			73...170	
RC101-6389-0...109...050				105...070			171...210			75...165	
T0070-1509-0...85...180			01023-50625 ...151...151				172...230			75...180	
T0070-1642-0...26...050			01023-50630 ...116...120			01123-50820 ...172...250			01125-50820 ...109...040		
T1060-3053-0...56...090			01025-5061239...130			01123-508225...035				111...050	
T1062-3223-0...118...130				47...020			24...040			118...020	
T1062-4614-0...110...190				64...070		01123-508258...070				119...020	
T1065-1561-0...41...120				64...160			133...210			119...110	
T1065-1566-0...41...230			01025-5061633...070				136...160			120...130	
T1275-1563-0...41...130				48...140			142...150			121...080	
T1850-3901-0...1...210				50...020			171...040			122...090	
	45...010			56...160			172...050			122...110	
T2050-2416-0...134...050				57...060			179...020			122...190	
T2050-2416-0...134...160			01025-5061664...028			01123-50825 ...180...140			01125-50820 ...124...026		
TA043-6404-0...41...090				66...120		01123-508288...080				127...065	
TC220-5840-0...78...170				120...160		01123-50830 ...86...110				127...080	
	79...070			120...180		01123-50845 ...171...150				127...110	
TC402-3411-0...32...073				129...270			172...160			132...290	
	114...100			151...120		01123-50860 ...126...110				137...040	
TC402-3412-0...119...090				152...120			127...050			137...060	
	120...080			154...020		01123-51020 ...133...060				137...080	
	142...130			154...040		01123-51030 ...77...070				138...040	
TC402-7425-0...21...070				159...030		01123-5123560...070				138...060	
TC403-3715-0...108...050			01025-50616 ...160...080			01123-51240 ...139...020			01125-50820 ...142...170		
TC420-5897-0...79...150				161...060		01125-5081628...030				150...030	
TC422-2574-0...33...010				161...120			28...040			150...100	
	36...010			175...030			29...110			151...020	
TC422-8863-0...39...060				177...070			63...130			151...126	
TC422-8864-4...39...050				186...200			64...120			155...020	
TC422-8865-0...39...070			01025-5062026...240				64...140			155...050	
TC422-8868-0...39...100				45...050			67...175			157...020	
TE022-0460-0...33...130				48...100			67...190			157...040	
				118...210			99...100			157...045	

SỐ THỨ TỰ DANH MỤC NUMERICAL INDEX

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.
01125-50820	158	020	01133-51020	162	030	01175-51055	136	060	02021-50050	159	060
	158	050		162	110	01222-50610	179	040		187	050
	158	080		191	120	01311-10812	141	100	02021-50060	40	040
	159	110	01133-51025	27	120	01350-10510	110	120		67	050
	162	180		74	020	01513-50820	190	100		115	030
	170	020		88	090	01513-50822	97	130		172	270
	172	140		89	090	01517-51640	151	050		180	120
	175	050		90	080	01518-50822	21	040		184	090
	175	120		91	080	01611-50820	122	140		186	090
	176	080		94	090	01754-50610	9	120		186	160
01125-50820	177	030	01133-51025	95	090	01754-50612	30	080	02054-50050	144	080
	177	040		125	030	01754-50616	1	180	02056-50060	16	117
	177	110		125	080		4	070	02072-50120	148	075
	177	190		129	240		14	110	02114-50080	26	070
	180	150		165	040		19	040		26	150
	184	040	01133-51030	42	020		21	060		44	110
	186	050		148	160	01754-50620	1	200		66	180
	186	180		162	060		4	230		96	120
	190	030		165	100		16	130		121	050
	190	060		168	170	01754-50625	19	090		131	180
01125-50820	190	080	01133-51060	60	140	01754-50655	22	020	02114-50080	132	260
	192	050	01133-51230	60	090	01754-50660	20	030		134	100
01125-50825	32	100		141	060	01754-50665	20	040		164	110
	52	020	01133-51235	145	040	01754-50800	98	040		173	180
	122	015	01133-51240	26	100	01754-50812	2	050		181	090
	131	040		165	080		76	090	02114-50100	128	130
	131	070	01133-51640	126	030	01754-50816	9	080		128	237
	132	320		142	020		9	140		199	130
	160	060		142	070	01754-50820	13	200		199	260
	185	100		198	030		15	040	02116-50100	107	040
01125-50830	33	085	01135-51020	134	020	01754-50820	20	060	02121-50080	26	030
01125-50835	66	090	01135-51025	88	160	01754-50825	21	030		26	220
01125-50865	33	020		89	160		128	200		39	020
01127-50816	149	027		94	160		199	200		39	140
	175	110		95	160	01754-50830	19	080		53	030
01127-50820	66	030		122	050	01754-50835	20	160		54	030
	66	070		123	060		97	140		54	070
	66	160		133	170	01754-50840	13	190		55	030
	73	180		151	047	01754-50845	76	050		66	100
	116	170		168	030	01754-50855	23	110		67	070
01127-50820	124	020	01135-51025	169	020	01754-50865	96	100	02121-50080	67	120
	124	040	01135-51030	140	110	01754-50875	20	080		70	050
	135	250		152	020	01754-50890	76	040		103	100
	142	110		168	190	01754-51040	80	030		113	020
	151	070		169	025		80	110		122	030
	156	040	01135-51075	137	025	01754-51055	80	040		122	150
	160	020		138	025	01754-51235	76	160		122	200
	160	100	01135-51090	145	100	01754-51240	81	020		123	110
	162	075	01135-51230	26	120	01774-51020	12	050		127	120
	187	030	01135-51280	145	080	01774-51070	40	020		132	300
01127-50820	190	090	01138-51030	151	030	01774-51225	61	050	02121-50080	136	210
01127-50830	40	030	01153-50812	23	160	01811-50815	143	020		143	050
01128-50820	85	210	01153-50816	75	105	01820-50615	160	085		151	190
01133-51020	67	150	01155-50840	136	190	01820-50815	159	120		160	150
	125	060	01155-50855	131	170	01952-00616	184	070		174	040
	131	165		131	250	01952-00825	177	080		177	090
	131	245	01173-51020	146	130	02012-50060	146	040		180	050
	133	080		162	080		146	080		180	080
	137	020	01173-51635	168	150	02014-50060	146	050		183	020
	138	020	01175-51055	136	020		146	090		186	070

SỐ THỨ TỰ DANH MỤC NUMERICAL INDEX

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.
02121-50080	186	120	02751-50080	20	090	04011-50180	148	110	04015-50100	126	060
	186	220		21	050		148	170		131	160
	186	240		52	050	04011-50200	130	090		131	167
	187	160		66	060		130	150		131	240
02131-50100	131	130		72	080		147	040		131	247
	131	210		120	060	04011-50220	164	030		191	110
	169	040		121	070		167	060	04015-50120	26	110
	169	060		128	210	04013-50040	188	030		61	080
02156-50080	97	150		162	077	04013-50050	110	050	04015-50140	145	120
	116	160		187	020		144	100	04015-50160	142	030
02156-50080	171	070	02751-50080	199	210	04013-50060	110	090	04015-50160	168	130
	172	080	02761-50050	51	020		114	090	04512-50050	144	090
	190	130		187	070		118	250	04512-50060	19	070
02172-50140	72	050	02761-50060	48	110		144	170	04512-50080	23	150
	114	040		118	220	04013-50080	23	140		26	060
02172-50180	125	140		178	050		29	070		26	140
	133	140	02763-50080	171	155		63	110		44	120
	134	230	02771-50100	42	030		73	080		97	160
	148	130		146	120		85	220		116	150
	148	190	02810-50060	153	040		105	090		171	060
02174-50120	119	220	02810-50060	153	080	04013-50080	117	090	04512-50080	172	070
	178	160		175	130		119	080		190	120
	182	120	02810-50080	113	040		120	090	04512-50100	123	070
02174-50140	119	160		143	025		120	120		126	070
	145	130		184	020		131	190		128	120
	147	110	03004-50612	118	080		132	270		128	236
02174-50160	162	160	03016-50616	180	100		136	200		131	150
	162	230		184	060		150	130		131	230
	167	110		186	140		153	020		136	030
02174-50200	115	120	03017-50816	63	090		153	060		136	070
02176-50100	117	040	03017-50816	121	090	04013-50080	157	120	04512-50100	147	180
	117	070		150	120		176	070		199	120
	123	080	03024-50310	57	030	04013-50100	60	150		199	250
	126	080	03024-50412	48	170		147	170	04512-50120	61	090
	130	130		115	073		151	045		75	130
	131	140	03024-50520	17	140		191	030		77	050
	131	220	03034-50406	194	180	04013-50120	60	060		116	080
	136	040	03034-50416	118	140		118	100		119	230
	136	080	03034-50512	32	040		171	110		171	120
	147	190		144	050		172	170		172	180
02176-50120	61	100	03034-50520	49	020	04013-50140	72	030	04512-50120	178	150
	75	140		65	280		114	020		182	110
	77	060	03034-50525	51	070		139	095	04512-50140	90	230
	116	030		187	120	04013-50180	134	215		91	230
	116	060	03034-50620	56	150	04015-50060	115	020		139	100
	116	090	03054-50510	5	090		151	152	04512-50160	142	080
	171	130	03614-50410	70	070		175	140		162	150
	172	190	04011-50100	115	055		180	110		162	220
02176-50140	139	110	04011-50120	63	070		184	080		166	100
02176-50160	166	110	04011-50140	119	170		186	150		167	100
02176-50200	84	160	04011-50140	181	030	04015-50080	26	130	04512-50160	168	140
02552-50060	73	040	04011-50160	63	040		66	170	04512-50180	125	130
	144	160		75	040		75	100		133	130
02552-50080	29	080		126	040		111	040		134	220
02751-50060	14	130		134	060		120	050		148	120
	14	170		134	190		171	050		148	180
	16	150		147	210		172	060	04611-00170	80	140
	60	050		167	090		174	035	04611-00220	81	040
	60	110	04011-50180	125	120		190	110		98	060
02751-50080	15	060		133	120	04015-50100	67	160	04611-00320	85	150

SỐ THƯ TỰ DANH MỤC NUMERICAL INDEX

MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.	MÃ SỐ PHỤ TÙNG PART No.	TRANG PAGE	SỐ THAM KHẢO REF.No.
04611-00320	88	150	04612-00150	181	060	04816-00070	146	100	05511-50430	134	070
	89	150	04612-00160	75	050	04816-00120	85	060		134	200
	94	150	04612-00170	134	130	04816-00420	84	130		147	140
	95	150		147	080	04816-06300	88	180	05511-50435	130	100
04611-00350	78	180		164	070		89	180		130	160
	79	080		167	050		94	180		147	050
	140	080	04612-00200	130	030		95	180	05511-50440	73	140
	149	060		173	070	04816-50350	166	180		198	150
	173	107	04612-00220	164	040	04817-00090	7	040	05511-51612	118	260
	181	057		167	070	04817-00100	20	190	05511-51615	176	060
04611-00360	80	090	04612-00240	77	090	04817-00100	45	030	05515-51200	103	050
04611-00420	128	073	04612-00250	13	180		78	050	05515-51600	90	170
	139	040		80	180		106	030		91	170
	173	140		97	050	04817-00110	79	180		103	030
	183	080		119	130		97	090	05525-51200	73	200
	199	073		133	240		106	040	05712-00512	22	060
04611-00450	78	130		136	130	04817-00120	80	150	05712-00525	13	040
04611-00470	171	030		141	040	04817-00140	97	070		171	090
	171	180		183	110		97	110		172	090
	172	040	04612-00260	82	040		110	210		172	120
04611-00470	172	220	04612-00300	133	220	04817-00160	106	050	05712-00525	182	090
	173	050		183	050		110	160	05712-00530	178	130
	183	120	04612-00350	166	220	04817-00180	79	200	05712-00535	81	160
	185	050	04612-00400	84	050		109	030	05712-00720	9	060
	185	090		140	020	04817-00200	106	060		10	130
04611-00520	78	040		166	050	04817-05160	110	070	05712-00730	166	250
	79	030	04612-00500	168	090	04817-50300	81	140	05712-00735	133	160
	81	080	04612-00680	83	070		96	030		136	100
	133	110	04612-01000	150	070		165	075		162	130
	178	080	04711-00060	179	030	05012-00408	1	080		162	200
04611-00520	179	090	04717-00810	76	100	05012-00410	98	030	05712-00740	125	110
	182	060	04717-01000	81	120	05012-00609	1	090	05712-00745	148	020
04611-00620	88	110		99	070	05012-00612	1	100	06114-52023	107	050
	89	110	04717-01200	32	047		4	120		111	060
	94	110		76	080	05012-00818	76	060	06311-25020	79	170
	95	110		96	050	05012-01018	1	110	06311-25040	79	190
	133	050	04724-00100	165	050	05122-50614	32	072	06331-35010	81	110
	133	200	04724-00140	14	060		114	080	06331-35012	76	070
	136	150	04724-00160	2	025		118	240	06331-35016	2	020
	148	050	04724-00180	4	110	05122-50820	117	080	06331-45010	99	080
04611-00620	183	060	04810-50900	90	110	05122-51085	115	052	06331-45010	165	060
04611-00720	78	110		91	110	05122-51240	63	060	06331-45012	32	045
	78	147		165	110		103	040		96	040
	162	036	04811-00710	32	070	05122-51645	63	030	06611-15010	88	140
04611-00800	84	070	04811-06630	80	070		147	130		89	140
	140	050	04811-10300	96	080	05411-00414	16	100		90	120
	166	035	04811-10320	88	130		79	130		91	120
	168	120		89	130	05411-00420	79	065		94	140
04611-00900	90	130		94	130	05411-00528	23	120		95	140
	91	130		95	130	05411-00620	31	020		142	060
04611-00900	166	030	04811-10500	97	120	05411-00625	85	090	06611-15675	75	070
04612-00100	106	020	04811-50650	78	100	05511-50215	73	090		164	015
04612-00120	118	110		78	145		105	100		181	015
	119	210	04811-51350	165	030		117	100	06616-35010	111	030
04612-00140	119	060	04814-00060	14	050		120	110	07012-11214	198	100
04612-00150	149	030	04814-00150	17	040		157	110	07012-11719	198	120
	150	050	04814-00160	2	060	05511-50320	115	058	07715-00401	9	040
	173	110	04814-06310	14	150		191	040	07715-00403	13	110
	173	150	04815-50650	76	150	05511-50420	63	050	07715-01605	85	030
	181	040	04816-00070	146	060	05511-50430	63	020	07715-03205	13	090

